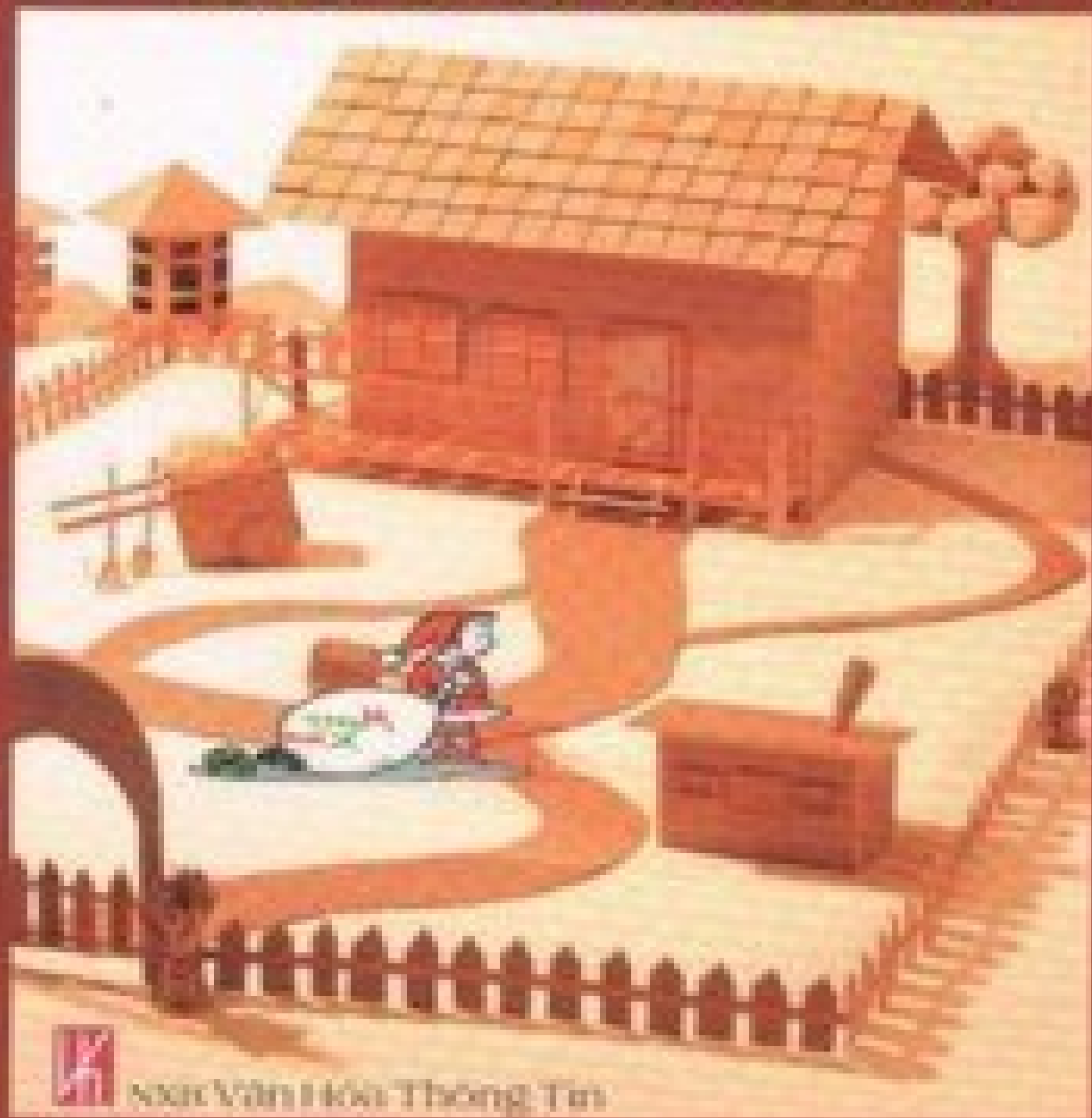


Thérèse Gouin-Docarmo
Nguyễn Hiền Lê dịch

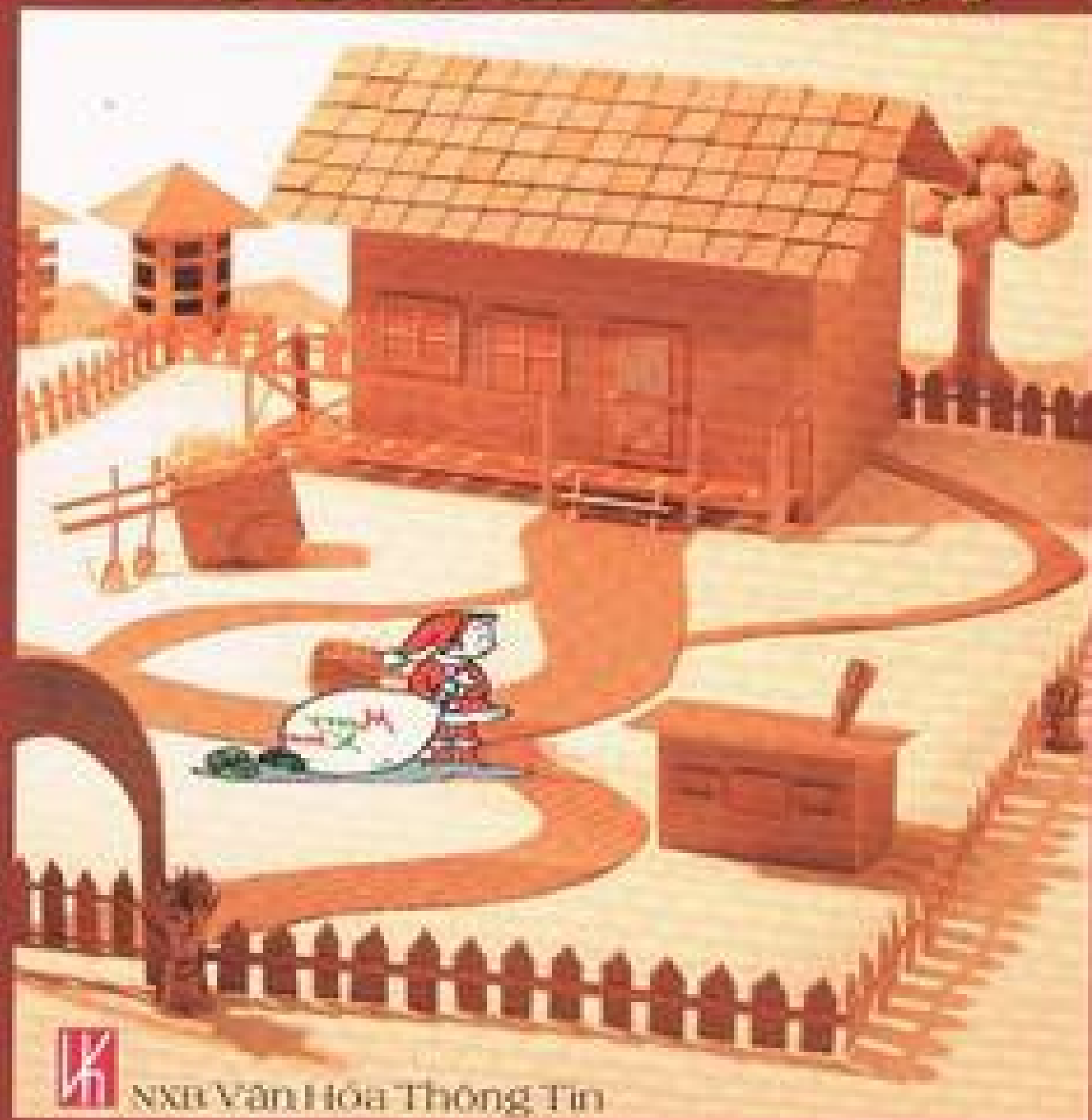
Thế giới bí mật của trẻ em



Nhà Văn Hóa Thông Tin

Thérèse Gouin-Décarie
Nguyễn Hiến Lê dịch

Thế giới bí mật của trẻ em



NXB Văn Hóa Thông Tin

THẾ GIỚI BÍ MẬT CỦA TRẺ EM

Thérèse Gouin – Décarie

Nguyễn Hiến Lê *dịch*

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

..

MỤC LỤC:

- [Tựa](#)
- [§I. Mẹ và con tuy hai mà một](#)
- [§II. Tâm lý người mẹ khi sanh đẻ](#)
- [§III. Đứa trẻ mới sanh](#)
- [§IV. Phản ứng của mẹ đối với trẻ mới sanh](#)
- [§V. Vấn đề cho bú](#)
- [§VI. Trẻ hồi ba tháng](#)
- [§VII. Đứa trẻ chín tháng và quyền của hài nhi](#)
- [§VIII. Đầy tuổi tôi](#)
- [§IX. Trẻ xây dựng thực tại vào hồi một năm rưỡi](#)
- [§X. Tiếng “không” của trẻ hồi hai tuổi](#)
- [§XI. Ba tuổi: Thời hoàng kim của óc tưởng tượng](#)
- [§XII. Tại sao trẻ hay hỏi “tại sao”?](#)
- [§XIII. Năm tuổi đã ra vẻ người lớn rồi!](#)
- [§XIV. Tổng hợp chu kỳ đầu tiên của đời sống](#)
- [§XV. Xung đột hồi sáu tuổi](#)
- [§XVI. Bảy tuổi: Tuổi suy tư và hiểu biết](#)
- [§XVII. Tám tuổi: Sự tiến triển của tinh thần hợp quần](#)
- [§XVIII. Chín tuổi: Không còn là em bé nữa mà chưa phải là người lớn](#)
- [§XIX. Mười tuổi: Nhập bọn](#)
- [§XX. Vinh và khổ của nghề làm cha mẹ](#)

TỰA

“Nghề làm cha mẹ” là nghề xuất hiện sớm nhất, ngay từ khi có loài người, và phổ biến nhất vì có những người sống độc thân cũng muốn có con nuôi. Nhưng điều ít ai nhận định được là nghề đó cũng quan trọng nhất và khó nhất.

Quan trọng nhất chẳng phải chỉ vì cha mẹ có nhiệm vụ đào tạo con người, hễ con người hư hỏng thì xã hội sẽ tan rã vì trong bất kỳ tổ chức nào, hoạt động nào, yếu tố “người” vẫn là yếu tố quyết định; mà còn vì lẽ cha mẹ dạy dỗ con ra sao thì lớn lên, nó lại dạy dỗ con nó như vậy, thành thử nếu đời trước mà lầm lẫn – hoặc nghiêm khắc quá tới nỗi con cái sinh lòng oán hận, hoặc nhu nhược quá, để chúng hư đốn – thì cái hại có thể truyền đến đời sau, đời sau nữa. Chúng ta thường nói tới cái “nếp” nhà – nếp có thể tốt mà cũng có thể xấu – là nghĩa vậy.

Khó nhất vì trẻ là cả một thế giới bí mật: dưới một tuổi, nó chưa biết nói, chỉ biểu lộ cảm xúc, ý muốn bằng nụ cười tiếng khóc, ta khó đoán được; hồi hai ba tuổi nó nói tuy gọi là sõi rồi, nhưng ngôn ngữ vẫn có những ý nghĩa khác ngôn ngữ của ta nên nhiều khi ta hiểu lầm, lại thêm phản ứng của trẻ mỗi đứa một khác, mỗi giai đoạn một khác, đúng như nhiều bà mẹ thường nói: “không biết đâu mà mò”.

Mà lạ lùng thay, nghề nào loài người cũng lưu lại kinh nghiệm cho đời sau – những sách thuốc, sách về nông nghiệp đã có từ mấy ngàn năm trước – duy có nghề làm cha mẹ, vừa phổ biến, quan trọng và khó như vậy thì trước thời hiện đại chẳng thấy có một cuốn nào cả. Trong hai thế kỷ trước, một số nhà giáo dục lác đác viết được ít cuốn, nhưng toàn là bàn về đạo đức, về lý thuyết: phải tập cho trẻ những đức nào, bản tính của trẻ là thiện hay ác, giáo dục có nghĩa là uốn nắn hay chỉ giúp cho trẻ phát triển theo thiên nhiên...? Cơ hồ như cổ nhân cho rằng hễ có con thì tự nhiên ai cũng biết cách nuôi con, dạy con chẳng cần phải học; và thế hệ trước có chút kinh nghiệm nào thì chỉ truyền miệng lại cho thế hệ sau, không ai gom lại thành hệ thống mà viết thành sách chỉ sự phát triển về thể chất cùng tâm lý, tinh thần của trẻ ra sao.

Mãi tới cuối thế kỷ trước, người phương Tây mới bắt đầu dùng phương pháp khoa học nghiên cứu tâm lý của trẻ, và trước thế chiến vừa rồi, mới có những cuốn trình bày các trắc nghiệm để tìm hiểu trẻ. Nhưng những tác phẩm đó hầu hết đều khô khan, có tính cách chuyên môn, viết cho các nhà giáo dục hơn là các bậc cha mẹ.

Theo chỗ tôi biết, cuốn đầu tiên viết về sự phát triển tâm lý của trẻ một cách giản lược nhưng đầy đủ, sáng sủa mà vui, ai có trình độ Trung học cũng có thể hiểu được, là cuốn *Le développement psychologique de l'enfant* của bà Thérèse Gouin-Décarie mà hôm nay tôi xin giới thiệu với độc giả. Bà là người Gia Nã Đại gốc Pháp, làm Giáo sư ở Đại học Montréal, năm 1952-1953 viết một loạt bài đọc trên Đài phát thanh Gia-Nã-Đại. Những bài này được hoan

nghe nhiệt liệt và thánh giả yêu cầu bà in thành sách, nhà Ottawa xuất bản năm 1953, rồi nhà Fides ở Montréal và Paris tái bản không biết lần thứ mấy năm 1969.

Trong hai chục bài, bà nêu lên cả trăm vấn đề, dắt dẫn chúng ta vào cái thế giới bí mật và kỳ thú của trẻ, từ khi nó còn là cái thai cho tới khi nó tới tuổi dậy thì. Mỗi bài trình bày một giai đoạn phát triển về tinh thần, tâm lý của trẻ; hầu hết bài nào bà cũng dùng những phát kiến, những thí nghiệm mới nhất của các nhà chuyên môn hiện đại về tâm lý nhi đồng, như của Arnold Gesell, Margaret Ribble, Jean Piaget, René Spitz...

Chỉ bỏ ra một buổi đọc tác phẩm của bà, chúng ta cũng hiểu được trẻ hơn là nuôi nó trong 10 năm. Chúng ta hiểu được:

Tại sao hồi hai tuổi em bé nào cũng luôn miệng “không, không”, bảo nó làm gì nó cũng phản kháng, dỗ dành nó cách nào nó cũng cự tuyệt;

Tại sao hồi bốn tuổi, em nào cũng suốt ngày hỏi “Tại sao?”;

Tại sao cứ sau một giai đoạn trẻ rất ngoan ngoãn dễ bảo, lại tiếp theo một giai đoạn nó rất bướng bỉnh, khó dạy;

Tại sao có hồi nó rất nhút nhát, lại có hồi rất hay gây lộn;

Tại sao trẻ mười, mười một tuổi suốt ngày ở ngoài đường, nghe lời bạn bè hơn là nghe lời cha mẹ, tập tành hút thuốc, chơi thò lò; mà chưa nhất định là hư hỏng; vân vân...

Chúng ta sẽ biết ngôn ngữ, trí tuệ, óc tưởng tượng, ý niệm về đạo đức, tinh thần hợp quần, tinh thần tự do và độc lập... xuất hiện vào thời nào và phát triển lần lần ra sao.

Và chúng ta sẽ ngạc nhiên nhận ra điều này là tất cả những sự phát triển đó, tất cả những phản ứng của trẻ, mặc dầu mỗi đứa mỗi khác, mỗi tuổi một khác, nhiều khi kỳ cục, ta không hiểu nổi, thực ra đều có lý do, đều theo một luật thiên nhiên bất di bất dịch, là trẻ luôn luôn tập thích ứng với thế giới bên ngoài mà đồng thời vẫn giữ cá tính riêng, lần lần tự lập để thoát li được cha mẹ.

Hiểu như vậy thì khi nó bướng bỉnh, khó dạy, ta không bực mình nữa, có phần còn mừng vì thấy nó gây thơ vụng về nhưng đã tiến bộ, cá tính đã bắt đầu biểu lộ; và ta sẽ nhận ra bốn phận của ta là giúp cho nó sớm tự lập, mà khi nó tự lập được rồi, tách ra khỏi ta để sống đời của nó, lo cho con nó cũng như ta đã lo cho nó, thì lẽ đó chỉ là tự nhiên, như tục ngữ đã nói: “Nước chảy xuôi chứ không bao giờ chảy ngược”. Cái dòng sinh sinh hóa hóa bất tuyệt nhất định phải như vậy. Con ta không phải là của ta: “Trời Phật – hoặc xã hội, dân tộc – tạm gởi nó cho ta đấy”. Muốn tập cho nó quuyến luyến với nguồn thì chỉ có cách một mặt chính ta phải nghĩ tới nguồn, mặt khác chỉ nghĩ tới hạnh phúc của nó thôi.

Tuy nhiên, chỉ theo luật thiên nhiên thì còn khiếm khuyết, ta còn phải tập cho trẻ “vừa nhận

mà vừa cho”, biết hưởng những cái vui thì cũng phải chịu những cái khổ vì đời sống không phải chỉ gồm toàn những vui thích, mà sống không phải là chỉ để hưởng lạc.

Về điểm đó, như các nhà giáo dục danh tiếng khác, chẳng hạn bác sĩ Benjamin Spock, bà Thérèse Gouin Décarie có một quan niệm xác đáng, rất mực yêu trẻ, khoan dung mà vẫn nghiêm. Từ sau thế chiến thứ nhất, cá nhân có xu hướng phóng túng, mọi kỷ luật bị coi là bó buộc, tôi thấy lời khuyên của bà đáng cho chúng ta suy ngẫm, nên xin dịch tác phẩm của bà, sau khi sửa đổi một chút cho hợp với nước mình, để tặng các bậc cha mẹ, nhất là những vị còn trẻ, hoang mang, thấy nhiệm vụ của mình quá khó và quá nặng. Những vị đó đọc kỹ rồi chiêm nghiệm thì sẽ đỡ bực đầu, như tác giả nói.

Saigon ngày 15-3-1972

NGUYỄN HIẾN LÊ

Chương I

MẸ VÀ CON TUY HAI MÀ MỘT

Hôm nay chúng tôi mở đầu một loạt câu chuyện về sự phát triển của đứa trẻ bình thường, nghĩa là chúng tôi sẽ xét đứa trẻ khoẻ mạnh về thể chất và tinh thần, đứa trẻ có trong thực tại, chứ không phải tưởng tượng trong lý thuyết. Nhiều bậc cha mẹ khi gặp một cuốn sách về tâm lý lại, nghĩ bụng: “Phải, nói thì hay lắm, nhưng tác giả đâu có con mà biết được!”. Chúng tôi muốn tránh lỗi đó mà luôn luôn theo sát thực tại hàng ngày.

Họa hoằn lắm chúng tôi mới nói tới đứa trẻ thần kinh suy nhược hoặc bị bệnh; và sở dĩ nói tới chỉ là để thính giả dễ hiểu rõ những đứa trẻ bình thường. Như vậy không có nghĩa rằng chúng tôi chỉ xét những trẻ hoàn toàn dễ nuôi dễ dạy: trường hợp đó không có. Vì phải trọng thực tại, cho nên chúng tôi không thể bỏ qua được vài nỗi khó khăn trong tuổi thơ. Vả lại, chúng tôi phải bắt đầu từ buổi đầu; vì khi mới sanh, em bé đã trải qua một quãng đời là chín tháng, một quãng đời thực phi thường. Nó đã phát triển trong bụng mẹ theo một nhịp điệu lạ lùng nhất trong đời nó. Vậy trước hết, chúng tôi sẽ xét sự liên hệ giữa mẹ và con từ khi người mẹ mới thụ thai.

Suốt thời gian mang thai, mẹ và cái thai chỉ là một hợp thể sinh động, nghĩa là tuy hai mà một; như vậy cả về ba phương diện: 1 – thể chất; 2 – sinh lý; 3 – tinh thần.

1. Sự hợp nhất về thể chất là điều hiển nhiên rồi vì con ở trong bụng mẹ. Sự hợp nhất cực độ, tối sơ đó cũng là sự hợp nhất bị tan rã trước nhất, khi mẹ sanh con, mà trong đa số trường hợp, sự sanh đẻ đau đớn kịch liệt. Kể từ lúc đó, mẹ và con có thể rời nhau được.

Nghĩa là có thể giao con cho người khác nuôi.

Nên ghi nhận điều này: vài đứa trẻ lớn rồi mà vẫn rán duy trì sự hợp nhất về thể chất đó. Cho nên ở đường đường người ta thấy những đứa bé hơn hai tuổi mà luôn luôn không chịu rời người mẹ, cứ phải nắm tay hoặc chân hoặc núm áo mẹ, hễ rời ra là chúng lo lắng, sợ hãi không sao nén nổi.

2. Sự hợp chất về sinh lí còn tồn tại một thời gian dài sau khi sanh. Như vậy là vì loài người rất yếu ớt: trong tất cả các loài có vú, loài người mới ở bụng mẹ ra bất lực hơn cả, không thể sống sót được nếu không được mẹ hoặc một người thay mẹ săn sóc, nuôi nấng cho.

Liên hệ sinh lí đó mỗi năm mỗi giảm, và chúng ta ngạc nhiên nhận thấy có những đứa rất nhỏ tự xoay sở lấy mà sống một mình được khi liên hệ bị cắt đứt. Cuộc di cư bi thảm của các em bé Đại Hàn, cho chúng ta thấy những em năm sáu tuổi, bơ vơ mà tự kiếm cách sống lấy được và tranh đấu để sinh tồn cũng hăng hái như người lớn.

3. Sau cùng sự hợp nhất của tinh thần có thể tồn tại suốt đời. Nên nhớ rằng khi chúng tôi nói tới sự hợp nhất về tinh thần trong lúc mang thai, là theo một nghĩa rất chính xác. Vì tuy chúng ta không biết chút gì về những hoạt động tinh thần của cái thai, nhưng chúng ta biết rõ tâm trạng người đàn bà có mang, tâm trạng đó là tự động hóa với đứa con trong bụng. Cái thai đang lớn dần dần trong bụng đó chưa thực là một sinh vật hiển hiện, một phần lớn còn là do tưởng tượng. Người mẹ tưởng tượng nó có đủ những đức mà mình muốn có; nó sẽ tránh được những đau khổ mà mình đã phải chịu; nó sẽ thành công ở khu vực mình đã thất bại; nó sẽ thực hiện được những điều mình chỉ mới dự tính. Đứa nhỏ trong bụng đó không phải chỉ là một phần tử của mình, nó chính là mình. Tôi nói sự hợp nhất về tinh thần trong khi có mang, là theo nghĩa đó.

Mà chúng ta cũng biết rằng sự liên hệ về tinh thần đó có thể tồn tại rất lâu. Nhiều bà mẹ không bao giờ cho phép con có một cá tính riêng, thành một cá nhân tách biệt hẳn với mình, mà cứ rán duy trì suốt đời một sự hợp nhất tinh thần nó, chỉ có lợi cho trẻ khi người mẹ có mang và khi đứa trẻ còn ở trong tuổi thơ thôi. Vì chính đứa bé trong mấy tháng đầu tuy hòa đồng với mẹ, cũng phải tập lần lần tách rời khỏi mẹ ra; sự chiến đấu của nó để được tự chủ xảy ra hàng ngày. Khốn nỗi nhiều người lớn, đàn ông và đàn bà, chiến đấu hoài mà không bao giờ thắng được, không bao giờ đạt được sự độc lập hoàn toàn; họ đồng hóa sâu xa với mẹ tới nỗi cả khi mẹ mất đã lâu rồi mà họ vẫn còn là một hợp thể sinh động với mẹ. Vậy trong ba hợp nhất kể trên: thể chất, sinh lí và tinh thần, sự hợp nhất cuối cùng bền nhất, vì mẹ có khuất mặt

nó cũng vẫn còn, và còn lại lâu sau khi con có thể tự thỏa mãn lấy được các nhu cầu rồi.

Vì liên hệ mẹ-con mãnh liệt như vậy cho nên không thể nào nói tới sự phát triển của trẻ mà không luôn luôn nhắc tới mẹ, và phương pháp hợp lý duy nhất là nghiên cứu song song những biến chuyển cả ở con lẫn ở mẹ trong mỗi giai đoạn của đời sống. Vậy kì này chúng ta sẽ xét cái thai phát triển trong bụng mẹ ra sao, và kì sau, chúng ta sẽ tìm hiểu ý nghĩ của người mẹ những ngày cuối thời kì mang thai và trong lúc sanh nở.

Chúng tôi không nói về sự biến hóa của cái trứng đã thụ tinh, đó thuộc về môn thôi sinh học (embryologie); cũng không nói về cái thai trong mấy tuần lễ đầu vì phương tiện nhận xét ngày nay gần như chưa cho ta biết được chút gì về tâm lí của nó. Vậy chúng tôi chỉ xét cái thai đã được trên 28 tuần, vì ngày nay người ta cho rằng đứa trẻ sanh thiếu tháng mà nuôi trong máy ấp, cũng phát triển tựa tựa như cái thai bình thường nằm trong tử cung.

Tuổi hai mươi tám tuần đó là giới hạn giữa sinh và tử, nghĩa là dưới tuổi đó, trẻ sanh ra không nuôi được, trên tuổi đó thì nuôi được. Lúc đó đứa bé nặng khoảng một kí-lô, nó nhỏ tới nỗi đặt nó trong lòng bàn tay được. Nó có vẻ một con búp bê tồi tàn: đầu nó lỏng lẻo dính vào cổ và vai, cơ hồ không thuộc vào thân thể nó. Mặt như mặt một ông lão vì da đỏ, mỏng mà nhăn nheo, miệng không có răng, như móm, coi thật kì cục. Tay chân khẳng khiu, ngực nhỏ, bụng lớn, làm cho ta nhớ tới những đứa bé ốm còi.

Hoạt động của nó ra sao? Phải thú thực rằng chúng ta không biết gì về điểm đó cả. Nó có vẻ như ở trong một trạng thái hôn mê, nửa thức nửa ngủ; đó là thái độ kiên cố nhất, đặc biệt nhất của nó. Không có sự phân cách rõ rệt giữa hoạt động và nghỉ ngơi. Suốt một thời gian dài, mắt nó hoặc nhắm hoặc mở, có khi một con nhắm một con mở, và nó có thể ngủ trong khi mắt mở cũng như trong khi mắt nhắm. Những nhận xét đó của tâm lí gia Mĩ Arnold Gesell, ông bảo: “Sự thực, trạng thái của nó mơ hồ tới nỗi chúng ta khó mà biết được nó còn ngủ hay không khi nó cựa cựa, hay là nó đã thức rồi khi nó nhắm mắt nằm yên.

Chỉ bất thần nó cử động rời rạc chút xíu rồi thôi. Nó nằm ngửa, nghiêng đầu qua một bên, thỉnh thoảng có thể quay đầu một chút. Nó có thể hơi duỗi tay chân, lăn qua một bên, co quắp lại như khi còn nằm trong bụng mẹ. Bỗng nhiên nó đưa một cánh tay lên không trung, không hạ xuống, tay chân hơi đưa cao lên khỏi thân thể rồi để yên như vậy như muốn lợi. Hình như nó biết giật gân. Con người của nó đưa qua đưa lại, lông mày nhướng lên, trán (hoặc một phía trên trán) nhăn lại; nó cau mặt, thỉnh thoảng le lưỡi ra; môi nó mấp máy như muốn mỉm cười; nó mở miệng như muốn la, nhưng không có một thanh âm nào phát ra cả.”

Đó là giai đoạn từ 28 đến 32 tuần.

Trong giai đoạn sau, từ 32 tới 36 tuần, tức vào khoảng 7, 8 tháng, nó không còn cái vẻ ông già

đỏ nữa: da nó mịn, hồng hồng, nó giống một em bé thực rồi. Trong một tháng, nó lên cân gấp đôi và bây giờ nó cân được từ một kí lô 750 gam tới hai kí lô rưỡi; các nếp nhăn đã biến hết và thân thể nó đã hoàn toàn thay đổi: nó mảnh mai chứ không khẳng khiu. Không còn mềm như bún nữa; đầu nó đã dính chặt vào cổ và vai; thân thể nó chắc hơn, đầy đủ hơn. Và thái độ của nó cũng thay đổi như cơ thể của nó.

Nó đã cảm thấy những thích thú đầu tiên. Nó thoải mái nghỉ ngơi khi no bụng, khi ngáp xong, hắt hơi xong và khi duỗi tay chân. Nó lơ mơ cảm thấy sự ấm áp, sự an toàn, sự âu yếm của người lớn. Tiến bộ nhất ở điểm này: những hoạt động của nó tăng lên, vì bây giờ nó có thể thực tỉnh táo rồi, mặc dầu chỉ trong một lát rất ngắn. Nhưng nó vẫn còn giống cái thai hơn là giống một đứa bé sanh đủ tháng, vì gần suốt đêm và ngày, nó vẫn còn yếu ớt, vô cảm giác, lãnh đạm và thêm thiếp ngủ.

Bây giờ tới giai đoạn bình thường của sự sanh đẻ, nghĩa là tới tuần lễ thứ bốn mươi, tức tháng thứ chín. Nó cân nặng được khoảng ba kí lô. Nó không còn cái vẻ trái cây còn xanh nữa; không gầy, mảnh khảnh nữa mà hơi mập, tròn trĩnh. Cơ năng của nó đã ở một mức độ cao hơn.

Cho nên giấc ngủ của nó thay đổi: nó buồn ngủ díp mắt lại và ngủ say tới nỗi có khi không đánh thức được nó để cho nó bú. Nhưng những thời gian thức của nó mỗi ngày mỗi dài hơn; tiến bộ đó lớn lao vì nó càng tỉnh thì vũ trụ của nó càng mở rộng ra.

Mà việc bú của nó cũng tiến bộ: nó bú giỏi rồi, thỉnh thoảng ựa ra một chút, hễ kích thích môi nó là nó mấp máy môi, muốn bú. Bây giờ nó có thể oe oe đòi uống, hình thức đầu tiên của ngôn ngữ đấy. Lại thêm hình như nó đã có nhu cầu nghe các thanh âm, nhìn ánh sáng và bóng tối, cảm thấy sự đụng chạm với người và vật.

Tóm lại nó đã là một sinh vật cơ cấu cực kì phức tạp, một con người có những đặc tính cá nhân rõ rệt bất di bất dịch; nó biết khó chịu, biết vui thích và cơ hồ biết tọc mạch nữa. Và điều này mới lạ lùng: đứa bé sanh thiếu tháng đó đạt được trình độ phát triển đó đúng vào lúc mà bình thường ra nó phải lọt lòng mẹ, tức lúc người ta thường bảo rằng nó oe oe chào đời.

Chương II

TÂM LÝ NGƯỜI MẸ KHI SANH ĐẸ

Sanh đẻ đối với phụ nữ là kinh nghiệm lớn lao nhất trong đời, về tinh thần cũng như về sinh lí. Ngày nay người ta không còn tin rằng sự sinh đẻ chỉ diễn tiến theo những điều kiện sinh lí nhất định nào đó và hoàn toàn không chịu ảnh hưởng của tâm lí; vài nhà chuyên về sản khoa trước còn nghĩ như vậy, bây giờ cũng phải thú nhận rằng không sao hiểu nổi tại sao lại có sự đẻ non, tại sao sản phụ đương rặn lại thành linh ngưng lại, tại sao lại có trường hợp trụ thai

không ngờ.

Ai cũng nhận rằng sự sanh đẻ đã làm tăng sự kích thích thần kinh, làm cho hoàn cảnh của sản phụ thay đổi, thì nhất định các xung đột, các nỗi khó khăn đã có sẵn của sản phụ cũng mãnh liệt thêm lên, và ảnh hưởng tới tâm lí của họ.

Mặc dầu sản khoa hiện đại có nhiều phương tiện để giảm bớt sự mệt sức trong khi sanh đẻ, sản phụ vẫn phải vận dụng cả thể chất lẫn tâm lí.

Ta thử xét người đàn bà có mang gần tới ngày sanh có những phản ứng ra sao, đặc biệt là người đàn bà mới sanh lần đầu, vì những phản ứng tinh thần lần đó mạnh hơn các lần sau. Chúng ta sẽ căn cứ vào các công trình nghiên cứu nổi tiếng khắp thế giới của nhà thần kinh bệnh học Hélène Deutsch. Trong mấy tuần trước khi sanh, cái thai lần lần hạ xuống và tử cung hề hơi có kích thích ở ngoài là co lại, có khi tự nhiên co lại, chẳng cần phải kích thích. Cái thai trượt xuống làm cho người mẹ có cảm giác đè nặng ở bụng, thần kinh căng thẳng, thở khó, lúc nào cũng thấy mệt mỏi khó chịu, ngay những người mạnh khỏe nhất cũng vậy. Thế là mất sự hòa hợp giữa người mẹ và cái thai, và người mẹ có một cảm giác bức bối, nóng nảy đặc biệt lắm.

Do đó có những xu hướng tâm lí mới: mẹ muốn phá sự hợp nhất về thể chất với con, sự hợp nhất mà trước kia thấy vui hơn là khó chịu; vì tới giai đoạn này, sự đè nặng của cái thai làm cho mẹ có cảm giác nó đã thành một vật lạ cần phải trục xuất ra ngoài càng sớm càng tốt. Chỉ có như vậy rồi mới có thể lại yêu nó được.

Chúng ta hỏi các bà có thai được tám tháng: “Bà thấy làm sao?”, thì luôn luôn bà nào cũng đáp: “Tôi đợi đây”, hoặc: “Tôi mong sanh cho rồi đi”.

Đôi khi sự nóng nảy đó có thêm tâm trạng tò mò nữa, muốn biết: “Đứa nhỏ sẽ lọt ra cách nào?”. “Trai hay gái đây?”, “Bác sĩ tin chắc rằng không phải là một quái thai chứ?” ... Lại ngại về sức khỏe của đứa nhỏ nữa: cái thai mà động nhiều thì chắc là có cái gì không êm, nó động ít quá thì có thể là nó sắp chết chăng?

Đồng thời, người đàn bà sắp sanh có tính tình của con nít, như trở lui lại thời nhỏ. Hiện tượng đó, ta thường thấy trong đời người. Trước khi nhảy một bước vĩ đại, con người lui lại như để lấy đà, về phương diện tâm lý cũng như phương diện thể chất. Người đàn bà mang thai cảm thấy và biết rằng một biến cố lớn sắp xảy ra và thêm khát được khuyến khích, tán thành, âu yếm như một em bé thấy không được an ổn và luôn luôn đòi cha mẹ cho kẹo, hôn hít.

Sau cùng giai đoạn đó còn đặc điểm này nữa: càng gần đến ngày sanh, người mẹ càng sợ, lo lắng cả ngàn chuyện: sợ chết trong khi sanh, sợ đứa con có tật, sợ nhan sắc tàn đi, sức mạnh suy đi, chồng bớt yêu, vân vân.

Nỗi sợ đó, người đàn bà nào cũng có, dù là người thể chất và tinh thần lành mạnh nhất. Nguyên do ở đâu thì khó mà biết được. Dĩ nhiên hoàn cảnh đóng một vai trò quan trọng: gia đình, bạn bè đôi khi có vẻ vào hùa với nhau để làm cho thiếu phụ hoảng, và chung quanh thiếu phụ người ta nghe thấy những câu thú vị như vậy: “Em biết không, đau đớn ghê gớm đấy, nhưng rồi sau sẽ quên hết”, hoặc: “Chị lần đó, muốn chết phứt cho rồi”, hoặc: “Này thím, y như bị một chiếc xe cán trên bụng vậy”, vân vân. Nhưng hoàn cảnh không đủ giải được hết, mà còn những nguyên nhân về phần vô thức (tiềm thức) nữa, rắc rối lắm không thể trình bày ở đây được. Lại phải ghi nhận thêm điều này: nỗi lo lắng đó có một phần khách quan, một phần hữu lí. Vì mặc dầu sanh đẻ là một hiện tượng sinh lí bình thường, nhưng nhiều biểu hiện sau khi sanh lại có tính cách bệnh lí. Cả trong những trường hợp sanh dễ dàng nhất, người đàn bà cũng đau đớn và xuất huyết, và mặc dầu khoa học đã tấn bộ, giảm các tai nạn tới mức tối thiểu, sản phụ vẫn có thể nguy tới tính mạng được.

Sau cùng còn nguyên nhân cuối cùng nữa: sản phụ lo sợ vì thiếu hiểu biết; cái gì bí mật cũng luôn luôn làm cho ta sợ, mà còn gì bí mật hơn là sự ra đời của một hài nhi. Mặc dầu tất cả các phát kiến khoa học trong mấy thế kỉ nay, trong sự sanh đẻ vẫn có cái gì không thể lường trước được

Lại thêm đa số phụ nữ không biết chút gì về những việc sẽ xảy ra trong phòng đẻ, và luôn luôn như vậy, hễ không biết thì luôn luôn người ta tưởng tượng những các tai hại nhất. Vì vậy vốn đã sợ sẵn rồi, bây giờ lại càng sợ thêm. Thiếu phụ cảm thấy nguy hiểm, trơ trọi, không ổn, và toàn thân co rút lại vì lo lắng. Nguyên nhân cuối cùng đó có thể trừ bỏ được và, lạ lùng thay, hết lo sợ rồi thì tự nhiên cũng bớt đau đớn được nhiều trong lúc sanh đẻ. Do đó mới có một phương pháp đặc biệt để sanh, tức phương pháp của Bác sĩ Grantly Dick Read; phương pháp này chỉ xét về phương diện tâm lí thôi, có vẻ là phương pháp hoàn hảo nhất người ta tìm được trong nửa thế kỉ nay. Chúng ta thử xét qua xem vì đâu người ta tìm được phương pháp đó, và phương pháp đó ra sao.

Năm 1914, một y sĩ Anh còn trẻ, chuyên về đỡ đẻ, cực nhọc đạp xe đạp dưới cơn mưa tầm tã, trên con đường tại Whitechapel. Tới nơi vào khoảng ba giờ sáng, ông thấy trong một phòng rộng ba thước một chiều, một người đàn bà đang chuyển bụng, bận một cái váy đen cũ kĩ, trên mình đắp những bao bằng vải bố thay mền. Một bà lão lạng lẽ đi đi lại lại từ cái giường tới cái bàn. Chỉ đốt mỗi một cây đèn cầy, cảnh tượng thật thê thảm, dù ở đầu thế kỉ XX cũng khó mà tưởng tượng được cảnh nghèo nàn như vậy.

Vậy mà không khí trong phòng lại rất bình tĩnh. Đứa nhỏ ra đời trong bầu không khí đó. Viên y sĩ trẻ tuổi ngạc nhiên khi thấy sản phụ không chịu dùng thuốc tê khi ông cho rằng cơn đau dữ dội nhất. Ông hỏi thím ta: “Tại sao thím không chịu đánh thuốc tê?” Thím ta không trả lời ngay,

ngó ra cửa sổ nhìn ánh hừng đông, vài phút sau mới e lệ quay lại nhìn y sĩ, hỏi lại câu này: “Tôi không thấy đau, sanh đẻ thì nhất định phải đau hay sao bác sĩ?”

Câu hỏi đó làm cho ông ta suy nghĩ, tìm tòi và nhiều năm sau tìm được lời đáp. Năm 1944, ở Mỹ xuất bản một cuốn sách do Bác sĩ Grantly Dick Read viết, nhan đề là: Childbirth without fear (Sanh đẻ không sợ hãi); cuốn đó là một bản in lại của cuốn Revelation of Childbirth (Phát giác về sự sanh đẻ), xuất bản ở Anh và được nhiều người đọc từ năm 1933. Bác sĩ Read trong cuốn đó giảng rằng sự sợ hãi tác động tới các hệ thống thần kinh giao cảm (sympathique) và phản giao cảm (parasympathique) làm cho sản phụ co rút lại lúc sanh; ông tin chắc rằng, gần hoàn toàn do nỗi sợ đó mà sản phụ mới thấy đau đớn.

Chắc chắn rằng những hiện tượng sinh lý: co lại, giãn ra, đẩy cái thai ra, tùy thuộc trực tiếp sự tác động thần kinh, mà sự tác động này phát ở ba nơi:

1. Hệ thống thần kinh phản giao cảm cản trở sự đẩy cái thai ra,
2. Hệ thống thần kinh phản giao cảm, ngược lại kích thích các bắp thịt để đẩy cái thai ra,
3. Một cái hạch ở ngay trong các bắp thịt của tử cung, có công dụng là giúp các bắp thịt đó co lại để đẩy cái thai ra.

Chúng ta đều biết rằng các cảm xúc mạnh có thể ảnh hưởng lớn tới thần kinh hệ, nhưng chính nhờ nhận định được sự tác động của các cơ quan kể trên khi sanh đẻ mà Bác sĩ Read tìm được một phương pháp tự nhiên để sanh đẻ. Ông bảo làm cho sản phụ hết lo, chỉ họ cách làm cho các bắp thịt giãn ra nghỉ ngơi, tỏ thiện cảm với họ, giúp họ trong cái nhiệm vụ cao đẹp của họ đó, thì họ sẽ sanh dễ dàng, không phải rên rỉ, khỏi phải dùng thuốc mê, thuốc tê, mà họ còn cảm ơn ta đã cho họ sanh trong lúc tinh thần hoàn toàn minh mẫn nữa.

Dĩ nhiên, mới đầu nhiều y sĩ và phụ nữ nghi ngờ thuyết đó; nhưng rồi lần lần những ý đó lan tràn ra trong các tạp chí y khoa, trong nhiều tạp chí khác số in rất cao, và trong các phòng diễn thuyết. Một số tác giả khác, y sĩ hoặc nhà chuyên môn về lý học trị liệu pháp (physiothérapeute) viết về đầu đề đó, định rõ phương pháp, nghiên cứu thêm về vài phương diện nữa, bác bỏ các lời dị nghị, phân vân^[1]. Rồi nhiều bà mẹ sanh con không phải đánh thuốc mê, thuốc tê, không lo lắng chút nào cả, truyền bá, quảng cáo phương pháp còn hơn nhiều bộ sách nữa. Phương pháp “sanh đẻ tự nhiên” được dùng trong một số dưỡng đường như dưỡng đường New Haven. Ở Montréal, một số y sĩ sản khoa khuyên đa số thân chủ dùng phương pháp đó. Và ngày nay có nhiều người đàn bà đã trút được nỗi lo sợ sanh đẻ rồi, đã được hưởng cái vui vô biên sanh con trong khi trí óc minh mẫn, biết được hết những gì xảy ra.

Vậy phương pháp của Bác sĩ Read ra sao? Giản dị lắm. Chỉ cần làm một số cử động thể dục,

thở để cho cái thai dễ lọt ra, mà các bắp thịt của sản phụ giãn ra chứ không co lại. Tử cung có nhiều cách co lại, cứ mỗi cách đó lại có một cách thở riêng thích hợp. Vậy sản phụ phải hiểu rõ khi để cơ thể mình sẽ có những chuyển động nào, phải làm những “công việc” nào. Sự hiểu biết đó, có thể nói khoa học đó, (mà phụ nữ nào cũng có quyền được biết) làm cho sản phụ đỡ lo đi nhiều; những cử động thể dục giúp cho sản phụ kiểm soát được sự đau đớn, và thái độ hiểu biết, giảng giải, an ủi của y sĩ giúp cho sản phụ được dự một cách tích cực vào cái việc lớn lao đó trong đời là sanh con. Dĩ nhiên, tôi nói đó là nói về trường hợp sanh đẻ bình thường.

Chúng ta nên để ý rằng phần cốt yếu trong phương pháp không phải là các cử động thể dục đâu, mà các yếu tố tâm lý mới đóng vai trò quan trọng nhất. Thái độ của chồng, của mẹ, của y sĩ, hoàn cảnh trong dưỡng đường có thể có ảnh hưởng rất lớn tới sự thành công hay thất bại của phương pháp; khó mà đo được mức ảnh hưởng ra sao.

Nhưng có điều chắc chắn này: một người đàn bà đã dùng phương pháp đó mà thành công, không phải đánh thuốc mê hay thuốc tê, không đau đớn lắm, thì không bao giờ còn muốn dùng một phương pháp nào khác nữa.

Sự sanh đẻ đòi hỏi ở bà mẹ đức tự chủ, nén được nỗi lo lắng, và đòi hỏi ở đứa con, sự tận dụng toàn lực. Vì trong khi sanh, đứa bé bị đẩy, kéo, ép lại, đôi khi hàng giờ. Nhất là cái sợ của nó lòi ra đầu tiên, cho nên chịu ảnh hưởng của sự thay đổi hoàn cảnh một cách đột ngột, có thể hại cho sinh mạng của nó. Lúc đó mọi cơ quan của nó phải vận động để thích nghi với hoàn cảnh mới. Bảng liệt kê thiếu thốn dưới đây cho thính giả nhận định được phần nào sự kích động nó phải chịu khi lọt lòng mẹ ra:

1. Phổi nở ra
2. Bắp thịt co dúm lại
3. Nhịp thở phải giữ đều đều
4. Huyết áp tăng lên
5. Tim đập chậm lại
6. Các tế bào của máu tổ chức lại hết
7. Các kháng tố (anticorps) trong huyết tương (plasma) xuất ra, tác động mạnh
8. Bao tử, mật, ruột phát ra các chất nội tiết
9. Các vi trùng ủa vô bộ phận tiêu hóa
10. Chất nội tiết trong thận tăng lên liền
11. Nhiệt độ cơ thể điều hòa lại
12. Cách dinh dưỡng, ngủ, hoạt động đổi mới hết, khác hẳn khi còn ở trong bụng mẹ.

Tới nỗi Gesell có thể bảo rằng: “Sau này không có lần nào mà đứa nhỏ phải tỏ ra khôn khéo, minh mẫn trong thời gian cực ngắn ngủi bằng lần đó”. Mà sự khôn khéo, minh mẫn của cơ thể

đó cần thiết cho đời sống, chứ không phải là một trò chơi.

Chương III

ĐƯA TRẺ MỚI SANH

Theo đa số tác giả, danh từ “trẻ mới sanh” trở những em bé sanh đủ tháng, từ lúc lọt lòng mẹ cho tới khi đầy tháng.

Trước hết ta hãy xét các trẻ đó về phương diện sinh lí, phương diện đó lẫn át tất cả các phương diện khác vì khi mới sanh, trẻ biểu lộ rất ít tâm linh cá tính của chúng.

Tim của trẻ mới sanh, đập mau hay chậm tùy theo hoàn cảnh. Nó đập trung bình 123 lần mỗi phút khi trẻ ngủ và 94 lần trong khi trẻ khóc^[2]. Sở dĩ cách biệt nhau lớn như vậy vì nhịp đập của tim hồi đó rất dễ bị ảnh hưởng. Người ta nhận thấy ngay cả khi cái thai còn nằm trong tử cung, chỉ hơi kích thích một chút mà nhịp đập của tim cũng thay đổi. Chẳng hạn nếu mẹ hút thuốc thì không đầy mười lăm phút sau, tim của cái thai đập tăng thêm năm lần mỗi phút.^[3] Nhịp thở cũng vậy rất thay đổi: mới sanh, trẻ mỗi phút thở khoảng 35 lần, nhưng khi ngủ số đó có thể hạ xuống còn 32, mà khi khóc, nó có thể tăng lên tới 133.

Mà nhiều phản ứng của trẻ cơ hồ liên quan với nhịp thở. Như tiếng oa oa của trẻ khi chào đời, Nietzsche cho đó là tiếng kêu tuyệt vọng của loài người khi bắt buộc phải sống cái kiếp người. Jules Supervielle cho rằng tiếng oa oa đó từ một thế giới khác vọng lại và người mẹ

“... đưa tay nhận đứa nhỏ.
“Ngạc nhiên thấy cái da thịt tách khỏi mình đó bây giờ đã có một tiếng nói,
“Ngạc nhiên như một cây đào nghe thấy trái đào la lớn...”

Thật là nên thơ. Nhưng giảng theo khoa học thì tiếng oa oa đó chỉ là một phản ứng của trẻ để hít dưỡng khí vô; nó thoả mãn nhu cầu căn bản và đầu tiên của con người là: thêm không khí. Chúng ta đừng quên rằng có 60% những trẻ sơ sinh mà chết trong mấy giờ đầu, nguyên do tại ngộp thở, thiếu không khí.

Trẻ mới sanh lại có một khả năng thiên phú mà người lớn hoàn toàn không có: nó có thể gần như đồng thời vừa bú, vừa nuốt, vừa thở, còn người lớn chúng ta (cứ thử nghiệm mà xem) không thể nào vừa nuốt vừa thở mà không ngạt.

Về sự ăn uống, người ta nhận thấy rằng trong đa số trường hợp, khi trẻ mới sanh, bộ tiêu hóa không chứa một thức ăn nào cả. Đôi khi có một chút nước trong cái thai bào (amnios) mà nó lỡ nuốt khi nằm trong tử cung. Ở trong tử cung, nó được nuôi dưỡng bằng cuống rốn; khi lọt lòng mẹ ra, cách dinh dưỡng thay đổi, bộ tiêu-hóa của nó phải tự hoạt động, thành thử nó sút cân, làm cho nhiều bà mẹ lo ngại, nhưng tới ngày thứ 7 hay thứ 10, nó lên cân lại được như cũ; sở dĩ

sút cân trong tuần lễ đầu đó, có lẽ do sự tiêu hóa chưa được hoàn hảo.

Trong mười lăm ngày đầu, trẻ cứ khoảng ba giờ lại thấy đói; từ hai tới tám tuần, cứ khoảng bốn giờ mới thấy đói. Nhưng cả về phương diện đó, mỗi trẻ một khác, khó mà định được những tiêu chuẩn đích xác. Chúng ta chỉ nên biết rằng hễ trẻ đói thì phải cho nó bú – chúng ta sẽ có dịp trở lại vấn đề đó. Người ta đã luồn những bong bóng nhỏ vào bao tử của trẻ mới sanh, nhận thấy rằng khi chúng đói, bao tử của chúng bóp, thắt lại mạnh hơn bao tử người lớn, nói cách khác, khi chúng đói thì đói hơn chúng ta nhiều.

Còn về cơ năng bài tiết, người ta thường thấy trẻ mới lọt lòng mẹ ra là tiểu tiện. Khi cho nó bú rồi, thì trong 24 giờ nó có thể tiểu tiện tới 18 lần, và đại tiện khoảng 4 lần.

Xét về các hạch, chúng ta biết rằng khi mới sanh, hầu hết các hạch của trẻ đã bắt đầu hoạt động, vài hạch cơ hồ hoạt động một cách rất vô ích. Chẳng hạn đôi khi vú của em trai cũng như em gái, lớn lên và tiết ra sữa, nhưng chỉ ít lâu rồi thôi, rồi cũng vô hại.

Đó, những hiện tượng sinh lý của trẻ khi mới sanh đại khái như vậy. Bây giờ chúng ta xét vũ trụ thuộc về giác quan của chúng ra sao:

Trẻ mới sanh có nhìn thấy gì không?

Nó biết phản ứng khi ánh sáng đủ mạnh. Ông Preyer, một nhà tiên khu về môn tâm lí nhi đồng, nhận thấy rằng đứa con trai của ông, ngay từ ngày thứ sáu, đã biết quay đầu lại khi bỗng nó đi xa cửa sổ, nơi mà ánh sáng ủa vào phòng. Hình như vào hồi đó, ánh sáng đã kích thích thị giác của trẻ, nhưng không có gì chứng tỏ rằng nó đã biết phân biệt màu sắc. Thấy một điểm sáng, nó tỏ vẻ chăm chú ngó, đôi khi có những cử động nho nhỏ để nhìn theo vật sáng đó nữa.

Nó có nghe thấy gì không?

Trẻ mới sanh nhận được những tiếng động hơi mạnh nhưng chưa phân biệt được các âm thanh cao thấp. Nhưng chỉ ít lâu sau nó biết thích nhịp điệu và đưa nôi cho nó, thì nó dễ thở và dễ ngủ.

Nó có ngửi thấy các mùi không?

Am mô nhác (ammoniaque) và a cít a cê tíc (acide acétique), làm cho nó phản ứng dữ dội, nhưng khó biết được nó phản ứng vì ngửi thấy những mùi đó hay vì những hơi đó kích thích niêm mạc (muquense) trong lỗ mũi của nó. Theo vài nhà nghiên cứu, có những mùi làm cho nó quay mặt đi để tránh, lại có những mùi khiến nó cử động môi như để mút, mà chắc là nó thích.

Nó biết nếm không?

Chắc chắn là nó biết nếm, nhưng không biết nó phân biệt được hay không bốn vị chính: ngọt, chát, mặn, chua.

Khi nó bú, nếu nó thấy vị mặn mặn thì thôi không nút nữa, trái lại thấy vị ngọt thì tiếp tục nút.

Nó cảm thấy lạnh và nóng không?

Nhiệt độ ở trên hoặc dưới một mức nào đó thì nó phản ứng lại, nhưng mức độ thay đổi tùy mỗi phần trên cơ thể nó.

Chạm phải nó, đè lên nó, nó có biết phản ứng lại không?

Dĩ nhiên là có. Mà hình như cảm tính đó chính là cảm tính xuất hiện đầu tiên ở trẻ nữa. Chính nhờ cảm tính đó mà môi nó đụng vào vú mẹ hay núm vú bình sữa là nút liền. Cũng nhờ cảm giác đó mà nó nín khóc một lát khi bỗng nó lên. Nó có nhiều cách phản ứng bằng các cử động và các tiếng la khóc.

Nó có phản ứng khi thấy đau không?

Có, người ta đã nhận thấy nhiều lần như vậy, mặc dầu chưa biết chắc được khi mới sanh, cảm tính của nó có mất nhuệ bằng mấy tháng sau không. Và hình như những trẻ dần độn hồi mới sanh, ít cảm thấy đau hơn những trẻ trí tuệ bình thường.

Đổi tư thế của nó, nó có phản ứng không?

Các bà mẹ đều biết rõ rằng ngay từ mấy ngày đầu, có đứa thích nằm ngửa, có đứa thích nằm sấp, và khi nằm nghiêng thì có đứa thích nằm nghiêng bên này, có đứa thích nằm nghiêng bên kia; mà người ta dễ nhận được nó thích nghiêng bên nào vì đầu nó tự nhiên quay về bên phải hay bên trái, quay về bên nào là nó thích nằm nghiêng về bên đó. Lại thêm nó đã biết phản ứng lại rất sớm khi nó mất thăng bằng. Chẳng hạn khi bỗng hồng nó lên khỏi mặt giường độ một tấc rồi thả nó rớt xuống, thì nó đưa hai cánh tay lên khỏi đầu, mở rồi nắm chặt bàn tay nhỏ xíu lại, hai chân quơ quơ, nó đỏ mặt tía tai, la! Vài tháng sau, chỉ cảm thấy tư thế không được vững, nó cũng khóc rồi hoặc không chịu uống.

Nó có phản ứng khi cơ thể bị kích thích không?

Có, và chính những khi nó đói, muốn đại tiện hoặc đau bụng, vân vân, nó phản ứng lại nên ta mới hiểu được đa số những cử động của nó trong mấy tuần đầu. Đa số những kích thích trong cơ thể đó cứ theo một chu kỳ nào đó lại xuất hiện, chỉ sai một chút thôi, chẳng hạn cứ mấy giờ lại thấy đói, mấy giờ thì muốn đại tiện... Đói thì miệng nó chúm ra mút mút mặc dầu chưa cho nó bú, muốn đại tiện hay đau bụng thì nó quơ tay quơ chân, nhăn nhó, có khi khóc lớn tiếng.

Đó, vũ trụ cảm giác của trẻ mới sanh đại khái như vậy. Bây giờ còn một câu hỏi cuối cùng nữa:

Nó cảm xúc được những gì?

Tiến sĩ Spitz, một nhà chuyên nghiên cứu các trẻ trong năm đầu, đã kiên nhẫn nhận xét tỉ mỉ và thấy rằng trẻ mới sinh chỉ biết có mỗi một thứ cảm xúc, thứ cảm xúc tiêu cực, mơ hồ không thể gọi bằng một tên nào khác được, mà nguyên nhân trực tiếp là do trẻ thấy đau đớn khó chịu về thể chất, như thấy bao tử thắt lại vì đói, thấy nhiệt độ thay đổi đột ngột, thấy mất thăng bằng, vân vân. Những lúc như vậy, trẻ phản ứng lại một cách tiêu cực, la, khóc, hất cái vật làm cho nó khó chịu đi.

Nhưng, chưa vị sẽ hỏi tôi, khi nó no ấm, thấy thoải mái, thì nó chẳng biểu lộ một cảm xúc tích cực ư? Spitz đáp rằng ông chưa biết rõ thái độ thoải mái đó có thực là một cảm xúc không. Theo ông thì có lẽ khi được bú, ấp ủ, âu yếm, đứa bé mới sinh không có một cảm xúc đặc biệt nào cả; nó chỉ tiêu cực nhận những cái đó, không thể bảo rằng những cái đó làm cho nó thích được. Chỉ có thể bảo rằng những cái đó không làm mất sự yên ổn, mất cái tình trạng nửa thức nửa ngủ của nó, vì không gây cho nó một cảm xúc tiêu cực nào, thế thôi.

Dĩ nhiên, như vậy ít quá, và bà mẹ mới sinh ra nó, bồng nó trong tay, nhìn nó nép vào ngực mình, mà tưởng tượng nó đã biết suy nghĩ muốn này muốn nọ, và yêu mình rồi... và bà có lí một phần, vì những khả năng đã tiềm tàng ở đứa bé mới sinh, như cây lê tiềm tàng trong hạt lê vậy. Và mặc dầu ngoại giới của đứa nhỏ còn nghèo nàn như vậy, nhưng chính nó thì nó đã phong phú vô cùng: nó đã có một linh hồn bất diệt.

Vì nó đã sống nhờ sương trời,
Đã bú sữa của Thiên Đường.

Coleridge

Chương IV

PHẢN ỨNG CỦA MẸ ĐỐI VỚI TRẺ MỚI SANH

Sự sinh đẻ làm thay đổi hẳn hoàn cảnh của người mẹ và mỗi người phản ứng theo một cách riêng. Nhưng cũng có vài cách phản ứng chung cho đa số trường hợp.

Trong mấy tuần cuối cùng thời mang thai và trong khi sinh, người mẹ gần như xa lánh hẳn thế giới bên ngoài. Vì cái bụng lớn, vì mệt mỏi, lo lắng, nên giảm hoạt động đi rất nhiều, chỉ nghĩ ngợi về tình thế của mình, về đứa nhỏ nằm trong bụng đã tám tháng. Thành thử sinh xong, thiếu phụ phải xây dựng lại thế giới bên ngoài đã tạm thời cách biệt đó. Xây dựng lại như vậy ở chung quanh đứa con và do đứa con. Có thể phân biệt ba giai đoạn lớn.

Giai đoạn thứ nhất là ngay sau khi sinh. Nếu bà mẹ hoàn toàn tỉnh táo khi người ta chừa đứa bé mới sinh cho coi thì lòng bà tràn ngập một niềm âu yếm, sung sướng cực kì, và tức thì giữa hai mẹ con có một mối liên hệ liền. Nên nhớ mối liên hệ này chưa có tính cách khách thể đâu,

nghĩa là người mẹ chưa yêu đối tượng đó, chưa yêu đứa nhỏ trai hay gái nặng mấy kí đó, mà mới chỉ cảm thấy một niềm vui mê mông đã thực hiện được cái phép màu là tạo được một con người. Có thể hạnh phúc chỉ thoáng hiện rồi tiếp theo liền là một cảm giác buồn rầu, hơi chán nản. Cũng có khi buồn trước rồi mới vui sau, nhưng trường hợp đó hiếm. Chắc chắn là nhiều sản phụ sanh xong kiệt lực không hưởng được niềm vui kể trên; có bà bảo: “Tôi mệt quá, không vui sướng được”, rồi nhắm mắt ngủ cho quên đi, chứ không âu yếm nhìn con.

Giai đoạn thứ nhì kéo dài tới hết thời gian sản phụ lấy lại sức^[4] ở nhà bảo sanh. Trong thời gian đó, sản phụ được mọi người săn sóc, âu yếm. Gia đình, họ hàng, bạn bè lại phòng hải nhi ngắm nghía đứa bé một chút rồi trở lại phòng người mẹ để mừng, tặng quà, hỏi thăm sức khỏe, nói chuyện về việc sanh đẻ. Một ngày này bà mẹ cực kì sung sướng, hãnh diện về công trình của mình, tức đứa con. Nhưng đứa con vẫn chưa phải là một sinh vật thực tại đối với mẹ, chưa phải là một cá nhân tách biệt với mẹ.

Người ta nhận rõ được điều đó khi nghiên cứu cách phản ứng khác nhau của mẹ trước cái chết của hải nhi. Nếu đứa nhỏ lọt lòng mẹ ra chết liền hoặc chỉ sống thêm được vài giờ, vài ngày thì người mẹ không đau khổ như mất một người thân. Một người thân mất đi, chúng ta cảm thấy không có người nào khác thay thế được, vắng người đó là có một sự trống rỗng không sao lấp lại được. Người vợ yêu chồng thì khi chồng chết, không nghĩ ngay tới việc tái giá, chứ người mẹ mới sanh mà con chết ngay thì muốn có mang lại liền để sanh một đứa khác thay thế đứa mới phải bỏ. Trái lại, phản ứng của người mẹ sẽ khác hẳn nếu đứa bé năm sáu tháng sau mới chết mà trong thời gian đó người mẹ đã săn sóc nó, nuôi nấng nó, tung tiu nó^[5]. Lúc đó mới thật là có thương con; không có một đứa nhỏ nào khác thay thế được đứa đã bỏ, và chỉ khi nào nỗi buồn nguôi dần đi rồi, người mẹ mới muốn có mang một đứa khác.

Nhưng bình thường ra, thời gian lấy lại sức là thời vui mừng của sản phụ, đôi khi hơi buồn chán một chút vào ngày thứ ba hay thứ tư sau khi sanh, tâm trạng đó chưa ai hiểu được nguyên do tại đâu.

Giai đoạn thứ ba bắt đầu khi người mẹ bỗng trở về nhà, lấy lại sức rồi và trở lại địa vị cũ trong thế giới bên ngoài. Lúc này xuất hiện nhiều phản ứng lắm, tùy trường hợp. Muốn hiểu những phản ứng đó chúng ta cần phân biệt vài tâm trạng.

Anh ngữ có hai danh từ: “motherhood” và “motherliness”. Danh từ trên trở phương diện thể chất, phương diện sinh lí, cái trạng thái làm mẹ, hễ có con thì người đàn bà nào cũng có trạng thái “motherhood”; danh từ dưới trở phương diện tinh thần, phương diện tâm lí, cái tình của người mẹ, phải có yêu con thì người đàn bà mới có tâm trạng “motherliness”. Muốn dịch ra tiếng pháp thì “motherhood” có thể dịch là “maternité”, mà “motherliness” có thể dịch là

“amour maternel” [\[6\]](#).

Cần nhớ điều này trước hết: không nhất thiết là hễ có con (motherhood) thì yêu con (motherliness) mà cũng không cần phải có con mới có tình mẹ, cho nên nhiều nữ tu sĩ, nhiều người vú và nữ khán hộ yêu trẻ, có tình mẹ hơn cả chính mẹ của đứa trẻ nữa. Là vì cái tình mẹ đó, không phải hễ sanh con ra là xuất hiện liền, như một bộ máy đã lắp sẵn; nó chỉ phát triển lần lần khi mẹ coi con như một sinh vật thực, một cá nhân, mà săn sóc nó, trò chuyện với nó.

Nghĩa là bình thường ra, phải nhiều năm người đàn bà mới hoàn toàn thành người mẹ, theo cái nghĩa thâm thúy nhất, phong phú nhất của tiếng “mẹ”. Người ta còn có thể ngờ rằng cái tình mẹ đó chỉ đạt đến tột đỉnh khi con đã lớn, hoàn toàn tự lập, tự chủ được, nghĩa là thường thường vào lúc mà con rời mẹ để sống riêng.

Tình mẹ chỉ phát triển lần lần, cho nên trong mấy tháng đầu, mẹ có nhiều phản ứng mới xét qua thì không giống với tình âu yếm đứa bé bao nhiêu. Mặc dầu vậy, những phản ứng đó vẫn là tự nhiên, lành mạnh, chỉ trừ khi nào chúng mãnh liệt quá, lấn át tất cả, thì mới coi là thần kinh bất thường.

Chẳng hạn, sanh được ít lâu, đa số bà mẹ có phản ứng tự vệ gần như bất giác, vì cả những bà mẹ hiền nhất cũng sợ bị bó buộc vì bốn phận làm mẹ mà không thỏa mãn được những thị dục khác. Vì có con thì tự do bị hạn chế, trách nhiệm tăng lên, có khi làm cho người mẹ sợ. Nhiều bà sợ nhan sắc mình giảm đi, chồng bớt yêu. Họ cảm thấy một cách rõ rệt hay lơ mờ rằng có thể có sự xung đột giữa đời sống làm vợ và tình mẹ, giữa những hoài bão trí tuệ (như học hỏi, nghiên cứu) với bốn phận làm mẹ.

Nhưng mặt khác, cái bản năng muốn che chở đứa bé, lòng tự phụ rất chính đáng được làm mẹ, sự đồng hóa với đứa con quá yếu ớt, tất cả những cái đó là một nguồn vui đền bù lại và rất cuộc người mẹ chấp nhận đứa bé, yêu nó mà tâm hồn phong phú lên.

Sau cùng chúng ta nên ghi nhận rằng trong các dưỡng đường ngày nay có một phản ứng của người mẹ đối với đứa con mới sanh, phản ứng bất liên quan. Phản ứng này càng ngày càng thấy nhiều người có. Khi người mẹ trông thấy con lần đầu tiên thì đứng dưng với nó, không âu yếm, mà còn có cảm tưởng rằng nó không thuộc về mình, không liên quan gì với mình. Có bà bảo: “À nó đấy hả?” hoặc “Tôi không thể tin rằng nó là con tôi.” [\[7\]](#)

Người mẹ có thái độ đó không nhất định là thần kinh bệnh hoạn; sở dĩ có phản ứng tự nhiên đó vì khi sanh đẻ bị đánh thuốc mê, không biết gì hết, thành thử có vẻ không dự vào việc sanh con, không ngờ rằng có nó nữa. Từ trước, người mẹ vẫn cho rằng sanh đẻ là một việc lạ lùng; ngày nay kĩ thuật hộ sanh đã làm cho sự sanh đẻ mất tính cách sáng tạo đi, chỉ còn là một thủ thuật; người mẹ bị đánh thuốc mê không còn tin được rằng mình đã tạo ra một em bé trong lúc

mình thiếp đi, mà đứa bé đó đúng là một phần da thịt, huyết khí của mình. Do đó mà có cảm giác kì cục bất liên quan kia.

Có thể còn một nguyên nhân nữa. Các điều kiện đặc biệt trong nhiều dưỡng đường ngày nay không cho nhân viên có nhiều thì giờ săn sóc sản phụ. Có khi mẹ chỉ được thấy con 24 giờ sau khi sanh. Rồi sau đó không được thấy mặt con nữa, hoặc có thấy thì chỉ lâu lâu ở xa mà nhìn thôi. Người mẹ nào không cho con bú thì ban ngày chỉ được đứng sau cửa kính mà đăm đăm nhìn con, hoặc bông nó trong vài phút. Như vậy ít quá, có hại cho tương quan mẹ con. Và năm sáu ngày sau, ở dưỡng đường về nhà, mẹ bông con mà như bông một đứa bé lạ hoắc, phải vài tuần sau mới quen với con được.

Muốn tránh cái hại đó, các dưỡng đường Hoa Kỳ và Gia Nã Đại càng ngày càng dùng chính sách rooming-in mà người Pháp gọi là “arrangement en chambre: chính sách chung phòng”.

Chính sách đó cho phép đặt nôi của trẻ trong phòng của mẹ^[8]. Cái nôi đó dễ di động, lúc thì đẩy nó vào một góc yên tĩnh, lúc thì kéo nó lại dưới chân giường hoặc sát bên cạnh người mẹ, tùy ý muốn của mẹ. Nhưng đêm thì trẻ ngủ trong một phòng hài nhi ấm áp chung với những trẻ khác, để mẹ có thể mở cửa sổ mà ngủ, không khí mát mẻ hơn.

Như vậy chỉ ban đêm mẹ con mới xa nhau, còn ban ngày, nhờ sự giúp đỡ của cô nữ điều dưỡng, mẹ có thể săn sóc con ngay được: tắm rửa, thay tã cho nó, cho nó bú, âu yếm, vuốt ve nó, mà tập biết được những phản ứng, nhu cầu của nó, hiểu được vì sao nó khóc, nó muốn đòi gì. Có con ở bên cạnh, mẹ cảm thấy an toàn hơn, không lo lắng, nghi ngờ, bực bội nữa.

Chính sách đó cũng tôn trọng quyền của người cha (Điều mà ít khi người ta nhớ tới), vì cha cũng có quyền và bổn phận đối với con chứ, đâu phải chỉ có việc mời bạn bè hút thuốc, và tới sở thì tỏ vẻ hân hoan mà vẫn làm bộ khiêm tốn. Ngay từ khi trẻ mới sanh, cha có thể rửa tay cho sạch sẽ, dùng khăn che miệng và mũi rồi săn sóc con tiếp cho vợ.

Về phương diện tâm lí, chính sách đó tốt hơn chính sách nuôi trẻ trong các phòng chung cho các hài nhi. Nhưng cần phải thận trọng: còn phải tùy trẻ và tùy người mẹ nữa. Chỉ những trẻ khỏe mạnh mà mẹ lại thiết tha muốn có con ở bên cạnh ngay từ khi mới sanh thì áp dụng chính sách đó mới thật là có lợi.

Chương V

VẤN ĐỀ CHO BÚ

Một trong những vấn đề phải nghĩ tới đầu tiên sau khi trẻ sanh là vấn đề cho bú. Ngày nay chúng ta biết rằng vấn đề gay go đó thuộc về phương diện tâm lí trước hết, dù là xét về lợi hại của mẹ hay lợi hại của con, do đó mà vấn đề hóa ra quan trọng và phức tạp.

Về phương diện hoàn toàn y học thì chẳng phải thắc mắc gì cả: sữa mẹ tốt hơn cả có lẽ nhờ vài kháng chất (anticorps)[\[9\]](#) mà sữa bò không có, thành thử trong trường hợp trẻ bị vài bệnh như bệnh sung ruột (entérie), trẻ bú sữa mẹ dễ chống lại với vi trùng hơn. Sữa mẹ hình như cũng dễ tiêu hơn nữa, cho nên những trẻ đẻ non nuôi bằng sữa người vẫn hơn. Đó, cái lợi của sữa mẹ chỉ có bấy nhiêu, mà tôi cần nói rõ rằng mới chỉ toàn là giả thuyết, chưa có gì chứng thực được, mà một số bà mẹ sữa rất xấu, không thể cho trẻ bú được.

Về phương diện tâm lí, vấn đề khác hẳn, và chúng ta phải xét hai quan điểm: quan điểm về người mẹ và quan điểm về đứa bé.

Chúng ta hãy xét quan điểm về người mẹ đã. Người mẹ mà thực khoẻ mạnh và tinh thần, cảm xúc già giặn, thì có thể nói rằng tình yêu con cùng tuôn ra với dòng sữa, không gặp một cản trở nào cả, mà đứa con bú sữa mình, cũng là “bú” tình yêu của mình nữa. Trong giai đoạn đó mẹ chỉ nghĩ tới mỗi một việc là cho con bú, rất ít chú ý tới những cái khác: có thể khó nhọc lắm mới làm một việc tinh thần được: mẹ hoàn toàn thuộc về đứa con nhỏ xíu, yếu ớt đó; mà đứa con cũng sẽ không bao giờ còn tùy thuộc hoàn toàn vào mẹ như lúc này. Mẹ làm cái nhiệm vụ tự nhiên đó một cách cực kì thích thú, làm cho con mà cũng là làm cho chính mình nữa, không nghĩ đó là một sự bó buộc.

Cái vui hợp nhất với con đó hoàn toàn độc nhất vô nhị. Không có cái vui nào khác so sánh với nó được, có lẽ chỉ trừ cái vui ái ân. Con được mẹ sanh ra rồi lại sống nhờ nguồn sữa của mẹ, thử tưởng tượng còn sự hợp nhất nào mật thiết hơn như vậy không? Và có lẽ nhờ khía cạnh đặc biệt đó hơn cả những khía cạnh khác mà việc cho con bú mới thành một nhiệm vụ âu yếm, dịu dàng như vậy. Hi sinh cho con, người mẹ tự giải thoát mình, hết cô độc mà thành ra như truyền thông được, truyền sinh khí, tình yêu của mình cho con được.

Bà Marie Noel đã nhận định được tài tình cái hạnh phúc đặc biệt của hành động cho con bú đó. Tôi xin trích dưới đây vài đoạn trong bài “Thơ Vịnh sữa” của bà:

Uống đi, con uống sữa ở ngực mẹ chảy ra này.

Mẹ là cái nguồn của con. Uống ở cái suối ấm đó đi,

Uống đi uống cái sữa ngọt đó nó chảy vô đầy cuống họng con

Thành tiếng gù gù như tiếng bồ câu gáy đó đi.

...

Uống đi con. Dòng suối của mẹ chạy vào tới xương tủy con; và con ơi,

Khi dòng sữa sung sướng lưu thông trong cơ thể con, thì mẹ nghe thấy

Một phần của mẹ biến vào trong các mạch máu của con,

Một phần của mẹ hóa thành con, từng giọt từng giọt một.

Tuy nhiên, nhiều yếu tố có thể ngăn cản hạnh phúc đó. Trong mình chỉ hơi khó ở, hoặc sưng ở vú, là đủ làm cho sự cho con bú hóa ra khó chịu vô cùng, có khi đau đớn ghê gớm nữa. Lại thêm người mẹ nào không được yên ổn về vật chất, về tình cảm, thì có thể bị nhiều nỗi xung đột mà khó cho con bú được.

Từ hồi nào tới giờ người ta đã nhận thấy rằng có những yếu tố tâm lý làm cho sữa cạn đi được. Nữ sĩ Pearl Buck, trong một tiểu thuyết viết về Trung Hoa đã tả rất khéo những bất hạnh của một người vú nuôi còn trẻ, và đọc truyện, ta thấy rõ sự tương quan giữa tâm lý và thể chất. Một gia đình quyền quý nọ lựa được một thiếu phụ làm vú nuôi cho cậu con trai, vì trong giới thượng lưu Trung Hoa, mẹ không cho con bú. Mới đầu người vú nuôi có đủ sữa cho đứa nhỏ bú, nhưng chỉ vài ngày sau, sữa cạn dần, đứa nhỏ đói, khóc hoài. Bà nội đứa nhỏ, bà Wu, thấy vậy, gạ hỏi người vú mà cả nhà đều trách móc, rầy mắng. Người vú thú thực rằng, vì nghèo phải bỏ đứa con gái mới sanh ở nhà để đi ở vú, và mới rồi có người cho hay rằng đứa con gái xa mẹ, mỗi ngày mỗi tiều tụy đi. Bà Wu hứa sẽ cho đứa con gái đó lại sống với mẹ nó, và người vú yên tâm, bỗng đứa con chủ nhà lên, cho nó bú. Lạ thay, sữa tưởng đã cạn rồi, bây giờ lại tuôn ra, chạy vào họng đứa bé. Chỉ nhờ chắc chắn sẽ được gặp con, mà cơ năng sinh ra sữa đã trở lại bình thường.

Sự xung đột thường rắc rối hơn vậy nữa. Có người mẹ tâm trạng không được an ổn, cảm thấy đứa con mình cho bú là một sinh vật nguy hiểm, cướp mất sự tự do, sức khỏe hoặc nhan sắc của mình. Lại có người mẹ chỉ nghĩ tới sự cho bú cũng có một phản ứng ghê tởm, phản ứng đó có tính cách ý thức nhiều hay ít. Lại có người thấy nhiệm vụ cho con bú khó khăn quá, không dám lãnh, sợ thất bại.

Sau cùng chúng ta nên để ý rằng trong giai đoạn cho bú đó, mẹ và con hòa hợp với nhau như một, nên khó mà nhận xét, giảng giải về sự tương quan đó được. Có điều chắc chắn là mẹ cho con bú thì bao nhiêu mẫu tính được phát triển hoàn toàn, mà đứa trẻ được lợi rất nhiều về thể chất cũng như về tinh thần.

Nhưng như vậy không có nghĩa là, nếu vì những hoàn cảnh bất khả kháng, mẹ không thể cho con bú được thì nhất định là thần kinh sẽ không được lành mạnh, mà đứa nhỏ sẽ chịu thiệt thòi cho tới suốt đời.

Ở trên kia chúng tôi đã trình bày một sự tình lý tưởng: bên cạnh sự tình đó còn một loạt sự tình dung hòa tạm nữa. Chắc chắn rằng một bà mẹ cho con bú bầu, có nhiều cách khác để bù lại sự thiếu thốn về liên hệ mẹ con. Do bản năng, bà ta hiểu rằng phải thường bông con, và nên đặt nó nằm trên người mình trong khi nó bú bầu, hơn là để nó nằm trong nôi. Bà ta sẽ không cảm thấy tội lỗi hoặc thất vọng, vì biết rằng không cho nó bú sữa mình không phải là vì ghét nó, mà

không nuôi nó bằng sữa mình thì có thể nuôi nó bằng tình thương của mình; do đó bà ta sẽ tìm ra được nhiều cách khác để hi sinh cho nó, và đứa con sẽ có thể phát triển bình thường được.

Vì cái việc cho bú không quan trọng bằng tình thương của mẹ và thiếu tình thương trẻ không thể sống được. Có những trường hợp rất hiếm mẹ nuôi con mà không yêu con, như vậy cho nó bú sữa mình, cũng không lợi gì cho nó về phương diện tâm lí.

Hầu hết các nhà chuyên về bệnh thần kinh ngày nay đều đồng ý rằng không bao giờ được ép buộc một người mẹ phải cho con bú sữa mình. Sữa có thể hóa xấu, hại cả cho con lẫn cho mẹ, mà nỗi bức mình của người mẹ có thể ảnh hưởng tới lần có thai sau, cái thai lần sau có thể nằm ngang ra ngược. Và các nhà đó khuyên: hễ còn nghi ngờ, thì đừng cho con bú sữa mình (dĩ nhiên, trừ trường hợp vì có những ý nghĩ sai lầm mà nghi ngờ, trong trường hợp này có thể dễ dàng giảng giải cho người mẹ hết nghĩ lầm mà hết nghi ngờ). Mẹ cương quyết không chịu cho con bú, mà ta cưỡng ép thì hậu quả cực kì tai hại. Trái lại nếu sản phụ muốn cho con bú thì mọi người, từ chồng, họ hàng đến y sĩ, nữ điều dưỡng đều nên khuyến khích. Hiện nay rất ít y sĩ và dưỡng đường giúp đỡ các bà mẹ trong việc đó, có lẽ vì người ta không ý thức được rằng chỉ cần những yếu tố tâm lí rất nhỏ cũng khiến cho công việc đó thành công được.

Bây giờ chúng ta xét tới khía cạnh thứ nhì của vấn đề cực kì phức tạp đó: quan điểm về hài nhi. Trước hết cần biết vài sự kiện khoa học đã, rồi mới hiểu được sự cho trẻ bú sữa mẹ quan trọng đối với nó ra sao.

Trong năm đầu, đứa nhỏ chấp nhận hay gạt bỏ một cái gì là do nó thích hay không thích, chứ chẳng do lí trí hay đạo đức gì cả. Mà trong mấy tháng đầu, phần lớn sở thích của nó chỉ ở việc được bú.

Đứa hài nhi thức dậy chỉ vì nó đói, đòi bú, nếu không thì ngủ hoài: nó chưa biết bỏ ngủ vì một lí do nào cao thượng hơn, chẳng hạn vì cần tiếp xúc với người khác hoặc vì muốn chơi. Vậy vì nhu cầu bú mà nó mới tiếp xúc đầu tiên với thế giới bên ngoài, và nó tiếp xúc bằng miệng với cái đầu vú của mẹ hoặc cái núm của bầu sữa. Nhưng chúng ta cần nhớ điều này: nếu sự tiếp xúc đầu tiên đó có khuyết điểm hoặc đau đớn thì nó không hoàn toàn chấp nhận thế giới bên ngoài. Nghĩa là nếu nó bú mà không thấy thích thì nó sẽ khó chấp nhận thực tế, khó chấp nhận cuộc đời được.

Vậy cái vui được bú khác tất cả những cái vui khác của nó ở điểm cái vui đó cần thiết cho sự sống. Không bao giờ một đứa bé hai tuổi chịu nhịn đói thà chết, trái lại một đứa bé mới sanh có thể không thèm bú mà suy mòn dần đi. Không phải cứ cho nó bú là nó sống đâu, phải cho nó bú mà yêu nó nữa kia, nếu không nó sẽ bỏ bú mà chết, hoặc nếu không chết thì tâm lí nó không được thoả mãn mà thể chất nó cũng bị ảnh hưởng lây.

Nhiều cuộc điều tra trong một số viện nuôi trẻ đã chứng minh một cách bi đát cái nhu cầu được âu yếm đó trong năm thứ nhất của trẻ. Người ta đã thấy rằng trong những viện nuôi trẻ rất hợp vệ sinh có những nhân viên siêng năng, giỏi giang, phòng giữ rất cẩn thận, không thể truyền nhiễm được, mà tử suất của trẻ lại cao hơn một số phòng nuôi hài nhi kém sạch sẽ hơn nhiều, chẳng hạn trong một phòng sát vách một khám đường nữ tội nhân. Người ta ngạc nhiên tự hỏi tại sao. Tại như vậy, trong các viện dưỡng nhi kiểu mẫu trên kia, trẻ không có mẹ: các nữ điều dưỡng săn sóc, tắm rửa, cho bú, và mỗi cô phải trông từ sáu đến mười hai đứa, thành thử mỗi đứa chỉ có 1 phần 6 người mẹ, nó chơi vơi, chỉ móc rất ít vào cuộc sống. Trái lại, trong phòng nuôi hài nhi ở khám đường, trẻ được mẹ săn sóc, mà mẹ chúng là những tội nhân bị giam nhiều tháng có khi nhiều năm. Và dù thiếu vệ sinh, trẻ vẫn phát triển bình thường, nhờ cái không khí chung trong phòng là không khí yêu đương.

Vậy câu dưới đây của nhà thần kinh bệnh học Ferensci không phải là một lời bóng bẩy đâu:

“Trẻ không được yêu thì chết”.

Chương VI

TRẺ HỒI BA THÁNG

Tôi nói ba tháng cho gọn chứ sự thực là tôi nghĩ đến đứa trẻ ba tháng rưỡi, đúng hơn đứa trẻ mười sáu tuần.

Vào khoảng đó đứa bé đã khác xa hồi nó mới sanh.

Chẳng hạn khả năng cử động của nó trong ba tháng đã nhảy vọt một bước vĩ đại, ra khỏi cái khung cứng ngắc hồi một tháng. Đầu nó cử động dễ dàng hơn, quay qua bên này, quay qua bên kia, và rất thường, đến nỗi có khi tóc ở sau ót nó rụng, thành một mảnh hói hình bầu dục, hơi kéo dài về phía nó thích quay qua. Bàn tay nó bây giờ đã mở ra nhưng ngón tay chưa duỗi thẳng; nó thường chấp tay đưa lên khỏi mặt, và thỉnh thoảng bàn tay nó mân mê bàn tay kia: thế là nó biết rờ và được rờ. Đó là cách thứ nhất nó tự khám phá ra nó. Nếu ta đặt vào bàn tay nó một vật gì, một cây viết chì, một đồ chơi, một cái vòng thì nó nắm lấy, ngó rồi đưa lên miệng, còn tay kia rón chụp vật đó. Vì nó chưa biết phối trí cử động của tay với mắt, nên chưa chụp được vật mắt nó thấy, có chụp được thì là do hú họa.

Ngoài ra nó còn tập được một cái lợi ích bậc nhất cho nó là giữ đầu cho ngay, không ngoẹo qua bên này hay qua bên kia khi ta dùng gối chẹn hoặc lấy tay giữ mình nó cho yên. Bà mẹ nào cũng biết vào khoảng đó nó không thích nằm nữa mà đòi ngồi.

Tôi cần nói ngay rằng từ mấy tháng đầu, trẻ đã có thể bực mình mà khóc nếu không được ở trong một tư thế đặc biệt nào đó mà nó thích. Và mỗi thời nó lại thích một tư thế riêng. Tư thế đó không phải là tư thế thoải mái nhất đâu, mà là tư thế nó mới được biết, có thể là một tư thế người lớn đặt nó vào, chứ tự nó chưa có được. Chẳng hạn nó muốn ngồi từ lâu trước khi nó tự ngồi được, khỏi phải đỡ; nó muốn đứng từ trước khi đứng lấy được, khỏi phải giữ; nó muốn đi từ trước khi biết đi, khỏi phải vịn. Bà Charlotte Buchler kể chuyện một đứa nhỏ đứng vịn vào thành giường mà ngủ, té phịch xuống giường, tỉnh dậy, bực tức, la hét rồi lại đứng dậy, vịn vào thành giường... ngủ lại, để lại té phịch xuống nữa.

Nhưng trẻ ba tháng rưỡi thì chỉ mới biết thích tư thế “ngồi có người đỡ”.

Vậy tuổi đó, nó bắt đầu bỏ cái thế giới của bọn nằm dài rồi, mà đồng thời thị trường (tức khu vực nó nhìn thấy) mở rộng ra lạ lùng, trước kia bị hạn chế, nay hóa ra vô biên. Nhưng chớ vội hỏi tôi, hồi mười sáu tháng nó nhìn khắp được đấy, mà thấy được những gì? Muốn hiểu được vũ trụ trong mắt nó lúc đó, chúng ta cần phải trở lui lại một chút mà xét vài giai đoạn nó đã vượt qua. Jean Piaget, nhà tâm lý Thụy Sĩ nổi danh sẽ hướng dẫn chúng ta.

Chúng ta biết rằng mới lọt lòng mẹ ra, trẻ đã thấy ánh sáng và phản ứng lại nếu ánh sáng đủ

mạnh. Rồi tới hồi một tháng, theo Piaget, trẻ đã có trước mắt nó những “bức tranh thuộc về giác quan” chưa có chiều sâu, chưa có chỗ nổi, mới chỉ là những vật hiện ra, di động rồi biến đi, chưa thành hình thể gì cả. Có thể nói rằng vũ trụ đó gồm những trù tượng tựa như các bức họa của phái siêu-thực: hễ lộn ngược lại thì cả bức họa thay đổi hết; cũng vậy nếu ta thay đổi tư thế của đứa nhỏ (chẳng hạn đặt nó nằm ngược lại, đầu ở chân giường) thì trong con mắt của nó, căn phòng hoàn toàn thay đổi, nó sẽ thấy một cảnh tượng hoàn toàn mới.

Vì những bức ảnh thuộc về giác quan đó không phải là đồ vật, không phải là những bức riêng biệt, độc lập, cũng không được là những hình ảnh có ý nghĩa nữa. Vậy một đứa trẻ hai ba tháng ngắm nghía hồi lâu một tấm thảm nhiều màu, một tấm màn phất phất dưới gió mà chẳng biết nó nhìn cái gì cả. Thời đó là thời nhìn để nhìn thôi.

Nhưng bắt đầu từ tuần lễ thứ năm, đứa trẻ tiến lần lần tới một thị giác có đối tượng hơn. Chúng ta nhận thấy nó bắt đầu ngó riêng một số vật nào đó, và số này mỗi ngày mỗi tăng. Mới đầu nó không để ý tới những cái đã “biết rõ quá rồi” (vì có thể nói là nó ngấy rồi), cũng không để ý tới cái gì mới quá (vì đối với nó chẳng có nghĩa gì cả), nó cũng bỏ qua những vật ở xa quá, hoặc nhỏ quá không nhìn kĩ được, hoặc lớn quá không thể phân tích kĩ được.

Thành thử những hứng thú về thị giác của nó mở rộng lần lần theo những vòng đồng tâm, như khi ta liệng một hòn đá xuống mặt hồ. Trước kia nó chỉ ngó qua tấm thảm, bây giờ nó mới nhìn kĩ, thích các chi tiết trên thảm: những người chăn dê, những con chó màu xanh, những con dê màu đỏ, vân vân... Vì chú ý tới vài hình nào đó, nó hóa ra chú ý luôn tới tất cả những hình khác, nó bắt đầu so sánh: tóc của Bà Nội khác hẳn tóc của Má, và Má hôm nay bận một cái áo mới làm cho nó thấy lạ, ngắm nghía từng chút.

Vậy đứa bé ba hoặc bốn tháng nhìn không phải để nhìn nữa mà để thấy, và sự tập trung thị giác đó giúp nó phân biệt được cái hình duy nhất là “mặt người” trong vô số hình ảnh hiện ra trước mắt nó.

Làm sao chúng ta biết chắc được trẻ biết nhận mặt người? Piaget viết:

“Ngay từ khi đứa trẻ biết mỉm cười và phân biệt được bộ điệu (để diễn ý nghĩ) với sự biểu lộ xúc cảm của nó, thì chúng ta có thể phân tích được sự nhận định của nó mà không sợ sai lạc lắm”. Và nụ cười của nó phát hiện như sau.

Các tiến sĩ Spitz và Wolfe đã làm những thí nghiệm rất lí thú để tìm hiểu sự phát triển của lối biểu lộ tình cảm mà chỉ loài người mới có đó, tức nụ cười. Hai ông đã lựa 251 em bé, trai và gái, trong năm giới khác nhau để thí nghiệm. Trẻ được đặt trong một khung cảnh quen thuộc với nó, nhưng mẹ lánh mặt đi. Một người đàn ông rồi một người đàn bà đứng ở trước mặt trẻ, quay mặt vào nó, mỉm cười từ 5 tới 30 lần, rồi từ từ quay mặt đi, để nó thấy được bán diện của mình

thời. Và người ta nhận thấy rằng từ khoảng ba tháng trở đi, hầu hết các em bé đều mỉm cười để đáp lại nụ cười của người đàn ông hay người đàn bà đó.

Như vậy có nghĩa là hồi ba tháng, hễ ai mỉm cười với trẻ thì nó cũng mỉm cười lại. Đứa nào cũng phản ứng lại y như nhau, nên Spitz và Wolfe có thể kết luận rằng: “Tới một tuổi nào đó, nụ cười là một lối đáp ứng phổ biến. Về phương diện cảm xúc, ý nghĩa của nụ cười cũng quan trọng như ý nghĩa của một phản ứng về phương diện thần kinh: một đứa bé ba tháng thấy người lớn mỉm cười mà không mỉm cười lại thì sự phát triển về cảm xúc và tinh thần của nó có điều gì bất thường rồi đấy. Nhưng trẻ tuổi đó mà mỉm cười thì vẫn chưa đủ cho ta kết luận rằng tinh thần của nó quân bình hoàn toàn.”

Biết được như vậy rồi, các nhà thí nghiệm còn tiếp tục thí nghiệm thêm nhiều tháng nữa để xem tới lúc nào thì trẻ không còn mỉm cười với bất kì người nào nữa.

Họ nhận thấy rằng khoảng sáu tháng sự đáp ứng của trẻ khác hẳn: nó không mỉm cười với các người thí nghiệm như một cái máy nữa. Trái lại, thấy họ, nó hóa ra nghiêm trang, hoặc khóc lên. Từ hồi đó, nó chỉ mỉm cười với những người quen thôi, như với má, với ba. Nó đã biết lạ.

Vậy vào khoảng ba tháng, trẻ phân biệt được cái hình “mặt người mỉm cười” với các hình khác: “thành giường”, “chó xanh trên tấm thảm”, vân vân, và thấy hình đặc biệt đó, mặt nó tươi lên, nó mỉm cười. Nhưng tới tháng thứ năm hay thứ sáu, trong vô số hình “mặt người mỉm cười”, nó phân biệt được “mặt má” và “mặt ba” và bình thường thì chỉ thấy những hình đó nó mới mỉm cười.

Nhưng những thí nghiệm đó cho ta thấy một sự kiện lạ lùng: trẻ ba tháng chỉ mỉm cười khi người lớn quay mặt vào nó mà mỉm cười, nếu người lớn quay nghiêng chỉ để cho nó thấy bán diện thì nó hết mỉm cười liền. Vậy không phải cứ thấy mặt người là nó mỉm cười mà nó chỉ mỉm cười khi thấy một hình trạng đặc biệt nào đó thôi. Và Spitz tự hỏi: “Trẻ mỉm cười thực ra là với cái gì vậy?” Vài tác giả bảo: “Nó mỉm cười với cảm xúc hiện trên nét mặt người lớn, nó thấy tình thương hiện trên nét mặt đó”. Spitz muốn soát lại xem lời đó có đúng không, đứng quay mặt vào mặt trẻ, nhưng không mỉm cười mà nhăn mặt, y như trên các mặt nạ Nhật Bản: không ai có thể lầm lẫn mà cho nhăn mặt như vậy là tỏ tình thương được; vậy mà hết thấy các em bé thấy nét mặt đó cũng toét miệng ra cười.

Vậy đứa ba tháng không thấy được cảm xúc trên nét mặt người lớn, nó không mỉm cười vì cái đó. Spitz thí nghiệm lại với một mặt nạ không biểu lộ một cảm xúc nào cả, bình thường, vô tình: kết quả cũng như trước, trẻ mỉm cười với mặt nạ, miễn có đủ ba điều kiện dưới đây:

1. Nó phải thấy toàn diện mặt nạ;

2. Mặt nạ phải có đủ hai mắt; nếu che một mắt đi thì trẻ hóa nghiêm trở lại liền;
3. Mặt nạ phải cử động, lưỡi le ra, hoặc đầu cúi xuống, nhưng một mặt nạ trơ trơ thì không bao giờ làm cho nó mỉm cười cả.

Rồi Spitz cho trẻ nhìn một con búp bê đầu cử động, to gần bằng đầu người: hết thấy các em bé đều mỉm cười.

Vậy em nhỏ ba tháng mỉm cười không phải với một mặt người, cũng không phải với tình thương, nó mỉm cười với một hình đặc biệt gồm hai mắt, một mũi, một miệng mà cử động.

Chúng ta thấy một hoạt động đơn giản như nụ cười, mà cũng phải phân tích tỉ mỉ mới hiểu được nghĩa thâm kín của nó. Nhưng ý nghĩa đó không làm cho nụ cười của trẻ mất tính cách tươi tắn, tự nhiên: nó vẫn là một trong những cái quý nhất trên thế giới.

Chương VII

ĐƯA TRẺ CHÍN THÁNG VÀ QUYỀN CỦA HÀI NHÍ

Kì trước chúng ta đã nghiên cứu đứa trẻ ba tháng; kì này chúng ta nghiên cứu đứa trẻ bốn mươi tuần. Nhảy một bước sáu tháng như vậy, xa đấy, cho nên thỉnh thoảng chúng ta sẽ phải xét trở lại lại. Về phương diện cử động, đứa trẻ chín tháng ở vào khoảng giữa đường đứa trẻ bảy tháng đã biết ngồi được hơn một phút khỏi phải đỡ, và đứa trẻ mười lăm tháng đã bắt đầu lon ton được rồi.

Vì hồi chín tháng, trẻ vịn vào thành giường mà đứng dậy được rồi, nó tập thêm được một lối chuyển động nữa mà thế giới của nó mở rộng thêm lạ lùng. Hồi bốn chục tuần, nó bắt đầu biết bò, thành một con vật bốn cẳng lúc nào cũng xê dịch, hoặc một chiếc thủy lôi nhỏ lăn từ chỗ này tới chỗ khác. Vì như Gesell đã nhấn mạnh, ở tuổi này, trẻ thích những vận động mạnh bạo: nó thích ngồi, cúi xuống phía trước, ngừng lên, vịn thành giường đứng dậy rồi ngồi phịch xuống, lại đứng dậy, bò đi thám hiểm khắp phòng; nó thích lăn qua một bên, nằm sấp, bò, liệng đồ chơi xuống bắt người lớn lượm lên cho nó cả trăm lần. Mới tập được những trò đó, nó thích vô cùng! Cũng may không phải trò nào cũng mạnh bạo như vậy hết, đồng thời nó còn tập được những khả năng vận dụng tay chân càng ngày càng khó hơn. Chẳng hạn ngón trỏ của nó bắt đầu có công dụng phân tích và chiếm hữu rồi, nghĩa là khi thấy một vật nhỏ, chẳng hạn một cái nút áo, thì nó không đưa cả bàn tay ra chụp nữa mà chỉ đưa ngón tay trỏ ra rờ, đẩy đi đẩy lại xem sao – nó phân tích đấy – rồi cong ngón trỏ và ngón cái lại, đưa ra kẹp, nhón. Có thể nói rằng nó đã bắt đầu biết “lượm” những vật nhỏ và nó thích nhận xét những chi tiết nhỏ lắm. Nó có thể chăm chú nhìn mấy phút liền cái mũi của một bà cô lại chơi vì thấy trên mũi có một vết tàn nhang; nó để ý tới chiếc nhẫn hơn là tới bàn tay, nó thích ngó nút áo hơn là chiếc áo.

Vũ trụ nó mở rộng nhờ biết bò, mà cũng thay đổi nữa, nhờ nó có thêm được một số khả năng trí tuệ. Chúng ta cần biết sự phát triển của trí khôn về cảm giác và vận động^[10] của nó. Nhưng hôm nay, chúng ta hãy nhờ Piaget hướng dẫn một lần nữa, tìm hiểu xem đứa bé chín tháng xây dựng thực tại ra sao. Vì thực tại không phải hiện ra đầy đủ với trẻ một lần một đâu, mà trẻ phải từ từ, đôi khi khó nhọc nữa, tự nhận ra, tự dựng lấy, và phải mất nhiều năm nó mới nhận định được thế giới như người lớn chúng ta.

Chúng ta đã biết rằng từ sáu tới tám tháng, vũ trụ của trẻ mới chỉ là một loạt những hình có màu sắc, có thanh âm, những hình đó không có tính cách bất biến chỉ thực-thể-hóa lần lần trong ý thức của trẻ thôi. Vì hồi đó những hình đó như từ chỗ hư không xuất hiện ra trong khi trẻ hoạt động rồi lại trở về cõi hư không khi trẻ thôi hoạt động. Trẻ khóc: hình mẹ hiện ra. Trẻ nín: mẹ ra khỏi phòng, thế là hình mẹ trở về cõi hư không. Đứa trẻ từ sáu tới bảy tháng không thể tưởng tượng được rằng người mẹ mà nó không nhìn thấy, không sờ thấy, không nghe thấy, thực ra vẫn còn đó mà ở xa nó, ở chỗ khác. Trên kia tôi nói rằng đối với trẻ, các hình không có tính cách bất biến là nghĩa vậy; nó không tin rằng các hình đó còn tồn tại khi nó không thấy nữa.

Nó chỉ biết rằng các “hình mẹ” là để cho nó “sử dụng” nghĩa là hễ nó la hay khóc chẳng hạn là các hình đó hiện ra liền, thành thử khi nó la hay khóc mà không thấy hiện ra hình mẹ, hình cha, hoặc hình vú nuôi, hoặc hình bầu sữa, là nó lo lắng, hoảng sợ nữa. Vũ trụ của nó vô thường làm sao! Có những trẻ thần kinh suy nhược không bao giờ tin rằng thực tại có tính cách bất biến: chúng không thể rời mẹ ra được vì hễ rời khỏi mẹ ra, không trông thấy, nghe thấy, sờ thấy mẹ nữa, là chúng tưởng rằng mẹ không còn nữa; dù lớn rồi mà vũ trụ của chúng vẫn mong manh, không vững chắc như vũ trụ của một em sáu hay bảy tháng.

Nhưng từ tháng thứ chín, vũ trụ giác quan của trẻ đã thay đổi, nó bắt đầu cho rằng các vật vẫn còn hoài, bất biến. Chúng có là vào khoảng đó, hễ một vật nào biến mất thì chẳng những nó tìm ở chỗ trước kia vật đó xuất hiện, mà còn tìm ở những chỗ khác nữa. Trước kia, hễ không thấy một vật nào, chẳng hạn ta bỏ trái banh vào trong một cái hộp kín trước mặt nó thì nó không tìm tòi, không lật nắp hộp ra coi, nó cho rằng trái banh không còn nữa, mất rồi. Hồi chín tháng, trái lại, nếu dựng một vật gì cứng để che khuất một đồ chơi nó thích, như một em búp bê chẳng hạn, thì nó gạt đồ che đó đi để rón lấy con búp bê, vậy là nó biết rằng tuy nó không thấy con búp bê, chứ con búp bê vẫn còn đó. Đó là một tiến bộ rất lớn; trẻ chín tháng chỉ tìm một vật ở chỗ nó thấy trước thôi. Như vậy là nghĩa làm sao?

Ngay trước mắt một em bé chín tháng, chúng ta dựng một tấm các tông A để che khuất một đồ chơi mà nó rất thích. Nó nhìn chúng ta làm, rồi hất tấm các-tông đi đi để chụp đồ chơi. Chúng ta làm lại nhiều lần, lần nào kết quả cũng vậy. Bây giờ chúng ta dựng thêm một tấm các

tông nữa, tấm B, rồi giấu đồ chơi ở phía sau tấm này, vấn đề hóa rắc rối thêm. Đứa bé cũng chăm chú theo dõi các cử động của chúng ta. Nhưng nó chỉ hất tấm các tông A để tìm đồ chơi thôi, chứ không biết tìm sau tấm B. Là vì nó đã tìm thấy đồ chơi ở sau tấm A thì tưởng rằng đồ chơi sẽ luôn luôn ở sau tấm A!

Thí dụ đó cho ta thấy vũ trụ của trẻ khác vũ trụ của người lớn chúng ta tới mức nào: nó di động không định, mỏng manh, tự chỉnh đốn lại lần lần thôi. Mà chính người lớn chúng ta thường làm cho vũ trụ đó chỉnh đốn mau lên hay chậm lại. Do đó mà chúng ta cần biết những nhu cầu căn bản của trẻ hồi tám hay chín tháng.

Một y sĩ Anh, bà Margaret Ribble năm 1943 xuất bản một cuốn sách nhỏ nhan đề là The Rights of Infants (Quyền của hài nhi), bây giờ (1953) đã tái bản tới lần thứ chín, đủ biết được hoan nghênh ra sao. Trong cuốn đó tác giả đã phân loại các quyền căn bản của hài nhi. Có nhiều thứ quyền, chúng ta không thể kể hết ở đây được, chỉ cần nhớ rằng quyền thứ nhất, thiết yếu nhất, là quyền có mẹ, nói cho đích xác hơn, là quyền có mẹ ở bên cạnh một cách bất biến.

Như vậy không có nghĩa là trẻ chỉ cần được nuôi nấng, săn sóc mà thôi, nó còn cần có một người yêu nó, người đó là mẹ nó hoặc một người khác (vú nuôi, cô, dì) có thể hoàn toàn thay mẹ nó được. Chưa vị bảo trong một gia đình bình thường, trẻ chín tháng được bú, ăn đậu và khoai nghiền nhừ, được tắm rửa, thay quần áo, chẳng đủ rồi sao? Dù là người mẹ hay một người vú mỗi tháng thay đổi một lần, thì cũng vậy, miễn có người săn sóc cho nó là được chứ gì? Quan trọng gì cái đó? Thừa trái lại, cực kì quan trọng đấy.

Chúng ta đã biết tuổi đó, vũ trụ của trẻ bắt đầu ổn định rồi: trẻ bắt đầu thấy các vật có tính cách hằng cửu, bất biến, nó phân biệt được người quen với người lạ, rất dễ cảm thấy tình yêu, lòng ghét hay反感 của ta, thành thử nó dễ bị kích thích lắm. Nó mới tập được một số cử động, tình cảm, trí tuệ nó mới bắt đầu phát triển, mà chưa quen, chưa phối trí được, cho nên nó dễ mắc cỡ, lo ngại. Ban đêm nó dễ tỉnh giấc, chỉ hơi thay đổi thói quen là nó thấy khó chịu rồi, cho nên trong giai đoạn đó, bắt nó phải xa mẹ trong một thời gian lâu thì thực là nguy hiểm.

Ông René Spitz mà tôi đã có lần nhắc tới đã nhận thấy rằng từ hồi bảy tháng một số trẻ phải xa mẹ hơn một tháng thì hóa ra trầm uất. Tôi nói một số thôi vì không phải trẻ nào cũng phản ứng như vậy. Sự trầm uất đó gồm ba giai đoạn.

Vài ngày sau khi bà mẹ đi khỏi, đứa trẻ mất ngủ, cơ thể uể oải, và lạ lùng thay, nó hóa ra dễ làm quen, dễ thương hơn, thấy người nào đi qua cũng bám lấy, rán làm cho người đó chú ý tới nó.

Ít lâu sau, người ta thấy nó rất dễ bị những bệnh về cơ thể: sưng ruột, nôn mửa^[11] hoặc cả

bệnh phế viêm nữa. Đồng thời nó hết dễ thương, hễ gặp người lớn là quay đi, không để cho ai sờ sọc, mà khóc hoài, không khóc lớn, chỉ ti tỉ thôi.

Sau cùng qua giai đoạn thứ ba, nó vẫn quay mặt đi khi thấy người lớn, lại liệng cả đồ chơi đi nữa: nó lãnh đạm với mọi người, mọi vật, không tiếp xúc với thế giới bên ngoài nữa, cứ nằm hay ngồi trong giường, như vô cảm giác, mất tinh thần, thêm thiếp, mắt lơ lơ...

Và đứa bé cứ tiếp tục tiêu tụy dần dần, nếu mẹ nó không về, hoặc không kiếm được người thay mẹ nó. Nếu mẹ nó về kịp trước khi quá trễ, thì thực là một sự hồi sinh: Đứa bé ham sống trở lại, lấy đồ chơi ra chơi, quay trở về với thế giới bên ngoài. Nhưng có vài đứa nhỏ vì bị xa mẹ vào một lúc khó chịu cho nó nhất, lại không được chuẩn bị kỹ, nên không bao giờ vui trở lại được.

Vậy quyền có mẹ là một quyền tuyệt đối của trẻ, cũng thiết yếu như quyền sống của nó.

Ngoài ra, ở tuổi đó, quyền có cha chỉ tùy thuộc vào quyền có mẹ thôi. Hồi chín tháng, trẻ chỉ cần có một người yêu nó thôi: tình yêu của mẹ có thể làm cho nó hoàn toàn thỏa mãn rồi. Thành thử nếu nó cần có cha nữa, phần lớn chỉ vì mẹ nó cần có chồng ở bên cạnh để đóng vai làm cha cho con. Không được chồng giúp, mẹ đứa bé không được yên lòng, không vui, và do đó có thể không làm tròn nhiệm vụ với con.

Trước hết, người đàn bà cần có chồng giúp đỡ về vật chất: khi mệt mỏi chẳng hạn, chồng pha sữa cho con bú, tức là an ủi vợ được nhiều. Nhưng quan trọng nhất vẫn là khía cạnh tâm lý. Người đàn bà sanh đứa đầu lòng, bỗng nhiên thấy có vô số việc bận bịu suốt ngày, mà nhiều việc chẳng thích thú, cần tới trí tuệ gì cả: nấu bình sữa, pha sữa, giặt tã, ủi đồ, vân vân... Chồng tiếp tay vợ trong những việc đó (dù là thay nệm cho con, dỗ nó nín), tức là làm cho những việc lặt vặt đó hóa ra có giá trị. Người vợ sẽ nghĩ: chồng mình “con người thông minh” mà còn làm những việc đó thì những việc đó đâu phải là vô nghĩa.

Lại thêm, đó cũng là một cách chồng hợp nhất với vợ trong sự đào tạo đứa nhỏ, tỏ với vợ rằng mình chấp nhận nhiệm vụ mới của mình, hoàn toàn nhận đứa con là của vợ và của mình. Người vợ nào rất mực yêu chồng cũng muốn chồng yêu mình vì mình là mẹ, sanh đứa con cho chồng, và muốn cảm thấy rằng chồng sung sướng vì được làm cha, sung sướng mà cũng mang ơn vợ nữa.

Bà Margaret Ribble bảo khi nói về một chính trị gia danh tiếng nắm vận mạng của xứ sở, người ta thường nghĩ tới ảnh hưởng của một người đàn bà nào đó ngồi sau “ngai vàng”^[12] mà chỉ huy việc nước, suy nghĩ, quyết định thay cho chính trị gia đó. Trong việc rất quan trọng là sanh con và dạy con, người ta cũng có thể nói rằng chồng là người ở phía sau vợ mà hướng dẫn, chỉ huy vợ. Một phần lớn tùy sự có mặt và thái độ đặc biệt của chồng, mà vợ sẽ thành công

hay thất bại trong nhiệm vụ làm mẹ đó.

Chương VIII

ĐẦY TUỔI TÔI

Lúc đầy tuổi tôi, trẻ được thêm tuổi, theo tục Âu Tây, người ta làm cái bánh đầu tiên, đốt cây nến đầu tiên để mừng nó, nhưng thời đó không đánh dấu một sự thay đổi nào cả về phương diện thể chất lẫn tinh thần, chỉ là một thời chuyển tiếp kéo dài tới hồi mười lăm tháng.

Trẻ đầy tuổi tôi tập đi rồi, nhưng trong đa số trường hợp chưa lon ton được. Nó có thể uống trong chén được nhưng cầm muỗng còn lóng cóng, vụng về. Nó đã thôi bú nhưng vẫn thường đòi một bầu trước khi đi ngủ. Mót đi tiểu nó đã tập báo cho ta biết, nhưng thường vẫn đái trong quần.

Vậy thời đó, nó có khuynh hướng “làm lấy” nhưng chưa được. Mà thời đó đáng ngại về phương diện giáo dục: trẻ có vẻ phát triển nhiều rồi nhưng sự thực vẫn còn là hài nhi, thành thử người lớn hoặc muốn bỏ mặc nó một mình, hoặc muốn giáo hóa nó nghiêm quá: “Bây giờ nó đã đầy tuổi tôi rồi, bây giờ nó đâu còn là em bé nữa, vâng vâng...” Người lớn có thái độ đó cũng dễ hiểu vì trẻ đã có vài cử chỉ báo trước rằng nó sắp già giặn hơn.

Chẳng hạn tính hợp quần của nó như phát triển thêm. Trẻ mười hai tháng đã biểu lộ rõ khuynh hướng làm trò rồi. Nó thấy hành động nào của nó làm cho người lớn thích thì nó lặp lại, và khi nó làm được một cái gì, như lật đổ chén bột của nó thì nó muốn có người khen. Nó bắt đầu phân biệt được rõ hơn những phản ứng tình cảm của người lớn mà thích nghi với những phản ứng đó, đồng thời nó cũng khéo diễn cảm xúc của nó hơn. Nó biết ra dấu để người lớn hiểu (chìa tay ra đòi bông, hoặc hất chén bột xuống đất); muốn tỏ nỗi mừng hoặc lòng âu yếm thì nó mỉm cười; nó đã bập bẹ được vài tiếng “ba” “má” và dĩ nhiên nó không bỏ lối phát biểu ý muốn mà nó đã sử dụng tài tình từ hồi mới sanh, là khóc, vì khóc là ngôn ngữ đầu tiên của trẻ, rồi dần dần nó mới biết ra dấu và nói mà bớt khóc đi. Ngay hồi hai tuổi, trẻ gọi cha mẹ mấy lần mà không thấy tới, cũng khóc lên để thúc cha mẹ tới. Dưới đây tôi sẽ trình bày những nhận xét của Charlotte Buhler để chú vị hiểu ý nghĩa tiếng khóc của trẻ trong từng giai đoạn, cũng như trong một chương trên, chúng ta đã xét ý nghĩa của nụ cười.

Trước hết tôi cần nói rõ rằng trẻ không bao giờ vô cớ mà khóc. Có thể chúng ta không hiểu tại sao nó khóc, nhưng luôn luôn vẫn có một nguyên do nào đó.

Trong tháng đầu đa số trẻ em gào chứ không có nước mắt. Nhưng cũng có đứa ngay từ ngày thứ ba đã có nước mắt rồi.

Trong sáu tháng đầu, trẻ khóc thì bao giờ cũng vùng vẫy, đập tay đập chân, đầu lắc qua bên

này, bên kia, hoặc đưa một bàn tay lên miệng, cào mặt, bứt tóc.

Quá sáu tháng, trẻ có thể nằm yên mà khóc, không cử động. Có vài đứa, nét mặt thản nhiên, nước mắt cứ lặng lẽ chảy ra.

Trong mấy tháng đầu đó, trẻ khóc hầu hết là do khó chịu về thể chất:

tiêu hóa không tốt,

bị con gi đốt, vật gì đâm vào mình,

đau bụng

khó đại tiện

hoặc mới phát một bệnh nào đó

Những nguyên nhân đó có thể làm cho trẻ đau mà la khóc. Nếu nó đau hoài, không dịu thì nó gào lên, thỉnh thoảng rên rỉ một lát hoặc càu nhàu rồi lại gào nữa.

Trẻ cũng có thể khóc khi các giác quan bị kích thích mạnh quá, hoặc thành lờn, hoặc không ngớt như

tã, nệm ướt,

quần áo chật quá,

y sĩ sờ mó, xem xét nó lâu quá,

thấy mặt một người lạ,

ánh sáng chói quá,

tiếng động mạnh quá,

thời tiết thay đổi thành lờn,

hoặc tư thế của nó thay đổi thành lờn.

Trong những trường hợp đó, trước khi khóc trẻ hơi rùng mình, giật mình như chúng ta khi có ai làm cho sợ; trẻ ngạc nhiên trong hai giây rồi mới òa lên khóc.

Nếu nó khóc vì tư thế khó chịu, thì nó rên rỉ, ti tỉ hoài cho tới khi nào người ta đổi tư thế nó mới thôi.

Cũng có khi trẻ mệt quá, không ngủ được mà khóc và chúng ta không tìm ra nguyên nhân nào khác nguyên nhân mệt mỏi đó. Khi nó ngủ được rồi, mà có gì làm cho nó thức dậy, dù rất nhẹ nhàng, thì nó cũng có thể khóc lại.

Chúng ta lại biết thêm rằng ngay từ ngày thứ nhì trẻ thấy đói là khóc: khóc như vậy để cầu cứu. Những lúc đó nó la dữ, đập chân đập tay, lắc đầu và nhiều khi miệng nó chụt chụt đòi bú.

Từ ba tháng trở đi, trẻ khóc vì nhiều nguyên nhân rất khác nhau, khó mà phân tích được, chúng có thể khóc chẳng những vì đau, vì một nhu cầu thể chất, mà trong nhiều trường hợp, có thể vì một nguyên nhân tâm lý nữa.

Chẳng hạn hồi bốn tháng, giọng nói, nét mặt, cách bông của người lớn, có thể quen với trẻ rồi, nếu thỉnh thoảng ngưng lại đối đi thì có thể làm cho nó khóc.

Vào khoảng đó, có gì kích thích nó quá thì nó cũng khóc. Đứa trẻ bốn tháng thấy nhiều người nói lớn tiếng hoặc có ai sờ nó (dù chỉ sờ nhẹ) cũng có thể bị kích thích, la lên, cũng có khi nó không la, chỉ có vẻ mặt lạnh lùng, và vài giờ sau nó bỗng nhiên trút nỗi khó chịu ra, giãi, không thêm bú.

Chỉ hơi thay đổi một thói quen, chẳng hạn trước vẫn bật đèn, lần này quên, cũng làm cho trẻ từ bốn hay năm tháng trở lên thấy khó chịu.

Và vào khoảng tám tháng, một đứa trẻ muốn làm một mình một việc gì đó, như chụp một vật mà nó thích mà không được, cũng có thể bực tức la khóc.

Sau cùng tôi cần giảng rõ thêm về lời tôi mới nói ở trên: “Trẻ không bao giờ vô cớ mà khóc.”. Đành rằng hồi mới đầu, trẻ khóc luôn luôn là có nguyên do, nhưng một khi nó đã khóc rồi thì dù nguyên do đó không còn nữa (chẳng hạn không thấy bị kích thích, không còn đau nữa) nó cũng vẫn có thể cứ tiếp tục khóc, nhưng ti ti thôi, đều đều, không gào lên, thỉnh thoảng nín một chút rồi lại khóc nữa.

Lại thêm, hồi chín tháng, có thể xuất hiện cái thói quen khóc nhè nhè, phát ra một loạt thanh âm đơn điệu có vẻ chẳng nhắm mục đích gì cả, cũng chẳng có nguyên nhân gì cả. Cơ hồ như cái gì cũng có thể làm cho nó khóc được, như nó có một niềm ưu uất nào đó. Thần kinh nó căng thẳng, nó dễ quạu dễ sợ.

Nhưng khi đầy tuổi tôi, tức giai đoạn hôm nay chúng ta cùng nghiên cứu, thì trẻ đã biết phát biểu ý muốn bằng những cách khác ngoài ý muốn bằng những cách khóc. Nó đã bập bẹ được “ba” “má”. Dạng ngữ của nó hồi mười hai tháng thường gồm được hai tiếng để gọi các người thân hoặc đòi ăn uống như “sữa”, “nước” [\[13\]](#).

Như Piaget đã nhấn mạnh, ngôn ngữ không xuất hiện vào đúng một lúc nào của sự phát triển tinh thần như một bộ máy đã lắp sẵn đâu. Mới đầu trẻ bắt chước người lớn mà tập nói lần lần chậm chạp. Nó nghe nhiều lần người lớn nói, nó bắt chước lặp lại nhiều lần, lâu rồi mới phát âm được “má” để gọi mẹ.

Chỉ xét mười hai tháng đầu thôi, chúng ta có thể phân biệt được vài giai đoạn trong sự phát triển của ngôn ngữ. Giai đoạn thứ nhất là giai đoạn oa oa: tiếng oa oa của nó chẳng có nghĩa gì cả, chỉ là một cách biểu lộ cảm xúc. Ngay những người lớn, trong vài trường hợp cũng phát những thanh âm tương tự vậy, chẳng hạn khi sợ.

Giai đoạn thứ nhì là giai đoạn phát những đơn âm (vocalise), vào khoảng cuối tháng thứ nhì: người ta bảo là trẻ lú lo, chớ không phải là nói. Nó lú lo để chơi, vì thấy phát được vài thanh

âm, nó thích, phát đi phát lại hoài. Người ta nhận thấy nó thích phát những thanh âm kích thích cả cuống họng lẫn tay: như R.^[14] Có điều kì dị là khi nó đã bắt đầu biết nói rồi thì nó không phát được rõ ràng âm R. Thường thường phải đợi tới hai, ba tuổi, trẻ mới có thể nói đúng: “con trâu trắng” chứ không phải “con tau tắng”.

Nhiều tác giả tự hỏi có thể tùy sự phong phú hay nghèo nàn của các thanh âm, mà đoán trước được trẻ thông minh hay đần độn không. Cơ hồ như không. Pichon bảo trẻ đần độn thì khi lú lo, phát được ít thanh âm, nhưng ngược lại thì không đúng, nghĩa là có những đứa lú lo ít mà thông minh trên mức trung bình. Trẻ lú lo nhiều, cũng chẳng nhất định là thông minh, chỉ có thể chắc rằng nó không đần độn thôi; trái lại có những đứa thông minh rất tầm thường mà lú lo cũng nhiều.

Tới giai đoạn thứ ba: giai đoạn chỉ mới hiểu biết thôi, trẻ chưa nói được, nhưng đã hiểu được một số cử chỉ từ ngữ của ta. Nó có thể hiểu hoặc cử chỉ hoặc từ ngữ, có khi hiểu được cả hai. Xét chung khi ta lớn tiếng bảo nó: “đừng rờ”, vừa nói vừa ra dấu (như đưa ngón tay trở lên, hoặc lấy tay khoát khoát) để cấm nó mớ vào cái bình bông bằng sứ thì nó đáp lại cái giọng và sự khoát tay của ta bằng cách thụt tay lại, không rờ bình bông nữa, hoặc chụp bình bông thật lẹ, khiến ta không kịp cất bình bông đi.

Chỉ khi nào, ta không cần lớn tiếng, không cần khoát tay mà nó cũng đáp ứng lại như trên thì nó mới thực là hiểu nghĩa.

Và lúc đó là thời bình minh của ngôn ngữ, vào khoảng từ tháng thứ bảy tới tháng thứ chín. Từ khi trẻ mới chỉ hiểu thôi cho tới khi bắt đầu nói được, thời gian dài ngắn khác nhau xa tùy từng đứa: có thể từ vài ngày tới chín tháng. Vậy có thể một đứa mãi tới lúc mười tám tháng mới nói được tiếng đầu mà không phải là đần độn.

Nhưng trong đa số trường hợp, vào khoảng mười một tháng, trẻ nói được tiếng đầu và lúc đầy tuổi tôi nó bập bẹ được hai ba tiếng.

Sau cùng chúng ta nên biết thêm rằng những tiếng đầu của trẻ là để diễn tình cảm của nó đối với vật. Nếu đôi khi nó dùng để trở vật thì tác dụng này chỉ là phụ.

Cho nên khi nó nói “má” thì không phải chỉ để trở mẹ nó, mà có thể nó còn muốn bảo: “À bé thấy má”, hoặc “Má đi đâu rồi?” hoặc “Bé đòi má” hoặc “Má của bé”.

Tóm lại tiếng nói đầu tiên của trẻ có thể chứa cả vũ trụ của nó.

Chương IX

TRẺ XÂY DỰNG THỰC TẠI^[15] VÀO HỒI MỘT NĂM RƯỠI

Câu chuyện hôm nay còn có một nhan đề phụ: Sự tạo thành của hình ảnh thân thể. Có vẻ khó

hiếu, kì cục; nhưng thực ra câu chuyện sẽ rất lí thú: chúng ta sẽ biết trẻ lần lần có một ý niệm ra sao về bản thân nó.

Chúng ta đã biết rằng mấy tháng đầu, trẻ hòa lẫn với thế giới bên ngoài; nhưng rồi lần lần nó nhận ra được rằng nó cách biệt với người khác, lần lần nó nhận thức được những sự dị biệt giữa nó và các vật chung quanh, giữa cơ thể của nó và cơ thể các người lớn ở chung quanh.

Như vậy, lần lần nó tạo được trong đầu óc nó một hình ảnh về bản thân nó: nó phát kiến rằng ngón tay cái mà nó bú này là ngón cái của nó mà ngón đó thuộc về bàn tay của nó; rằng những bàn chân nó rờ mó để chơi này là bàn chân của nó, và dính liền với các phần khác của thân thể nó. Nó cảm thấy (một cách mờ mờ) rằng nó có thể hướng tay chân của nó về phía nào tùy ý: “khi chìa cánh tay qua bên phải, thì bàn tay cũng hướng về bên phải và mình có thể chụp được cái gạt tàn thuốc ở bên phải.” Và nó tập giữ thân thể cho thẳng bằng.

Trước hết nó tập giữ được thẳng bằng khi nằm ngửa, nghĩa là nó tập quay đầu qua bên này, bên kia mà thân mình nó không thay đổi chiều hướng, không quay theo cái đầu; rồi tới thẳng bằng khi nằm sấp, nó cũng quay đầu qua bên này bên kia, ngóc đầu lên, cúi đầu xuống mà không lăn qua một bên; kể đó, nó tập ngồi, công việc này khó khăn, phải thử và làm lần mấy tháng rồi mới giữ thẳng bằng được; mới đầu nó tập ngồi yên không nhúc nhích, sau mới tập vừa ngồi vừa chơi; sau cùng nó tập đứng dậy, nó té lên té xuống nhiều lần rồi mới thành công.

Tới đó vẫn chưa xong, nó phải tập giữ thẳng bằng mấy năm nữa rồi mới hoàn toàn đứng thẳng người được.

Điều ta nên chú ý là những trò tập mấy tư thế đó để giữ thẳng bằng, đồng thời cũng giúp nó có một hình ảnh về thân thể của nó, mà hình ảnh này cực kì phức tạp.

Hết thấy chúng ta đều có một hình ảnh về thân thể mình... Xin chú ý thử nhắm mắt lại, tự tưởng tượng thân thể của chú vị đi... Chú vị thấy gì? Thấy mình đứng xoay mặt về phía chú vị phải không? Thấy mình bận quần áo, có đầu, có mình, có tay chân. Vậy là chú vị tự tưởng tượng mình hướng về một phía nào đó trong không gian, có một “điểm tựa” nào đó, chứ không phải là chơi vui trong không trung như một chiếc bong bóng. Nhưng nếu chú vị vẽ hình ảnh của chú vị như chú vị thấy trong óc đó rồi so sánh một cách khách quan với hình ảnh của chú vị trong trí óc của bạn bè, chú vị sẽ ngạc nhiên lắm, sao mà hình ảnh trong óc của chú vị với hình ảnh thực khác nhau xa thế. Chú vị cũng không thể tin tấm gương của mình được vì hình trong gương đã biến đổi trước do tính chủ quan của chú vị rồi, nghĩa là chú vị muốn thân thể, dung mạo mình ra sao thì nhìn thấy như vậy trong gương.

Như vậy chú vị đủ hiểu được khi xét sự tạo thành hình ảnh của thân thể, thì vấn đề cực kì phức tạp. Vì hình ảnh đó không phải chỉ là một bức họa thân thể của ta đâu. Theo một nhà

phân tâm học, ông Fenichel, thì từ khi trẻ mới sinh cho tới suốt giai đoạn phát triển về thể chất cùng tinh thần của nó, những hồi kí cùng cảm giác về cơ thể (thân thể bề ngoài và các bộ phận ở trong) của nó có liên quan chặt chẽ với nhau, và những hồi kí cùng cảm giác đó tạo nên hình ảnh thân thể nó trong đầu óc nó.

Vậy hình ảnh của thân thể do những kinh nghiệm có lợi cho nó, như:

Tắm rửa, nhờ đó nó cảm thấy những bộ phận mẹ nó kì cọ cho nó,

Hôn và vuốt ve, sờ sờ, nhờ đó nó biết được các bộ phận: “má là chỗ ba má hôn, tóc là chỗ má chải, mũi là chỗ má chùi, ngoáy, miệng là chỗ má đút cho ăn, vân vân.”

Các trò chơi, như ru nó, bồng nó từ chỗ này tới chỗ khác, đặt nó ngồi trên lòng, cho nó nhảy trên đùi.

Tắm gương mà nhìn vô, lần lần nó nhận ra được nó.

Mà cũng do những kinh nghiệm bất lợi cho nó, như:

Đau bụng và bao tử thắt lại vì đói, nhờ đó nó có được ý thức đầu tiên về nó: “nó là một cái gì có cảm giác”.

Té: nó thấy rằng đầu nó cứng, đụng vào sàn thì nghe thấy “cộp” một cái, mà đầu dễ đau, phải coi chừng để khỏi đụng; nó cũng phát kiến được rằng té bệt xuống đất thì dễ chịu hơn nhiều là té mà đụng đầu; dít là một chiếc gối thật êm. Nó thấy rằng ngón tay nhỏ xíu này quả thực là của nó vì hễ kẹp ngón tay là đau lan tới cả cánh tay.

Nên kể thêm các bệnh tật, nhất là một bệnh kinh niên có thể làm cho hình ảnh về thân thể thay đổi hẳn. Một đứa trẻ bị bệnh tê liệt, dù khỏi hẳn rồi, cũng vẫn giữ hình ảnh bộ phận bị bại trong một thời gian nào đó, vì bộ phận đó đã được chú ý tới sờ sờ lâu, và làm cho nó và người lớn lo lắng. Đứa trẻ đau tim có thể có một ý thức rất sớm về trái tim, bộ phận cần thiết cho sự sống, nó tưởng tượng rằng tim vì quan trọng như vậy cho nên chắc lớn lắm; còn đa số những đứa khác không để ý đến trái tim.

Cũng vậy hình ảnh thân thể một đứa bị suyễn không giống hình ảnh thân thể một đứa bị đau ruột; hình ảnh thân thể một đứa bị căng-xe vẫn đi đi lại lại được khác hình ảnh thân thể một đứa bị lao phải nằm dài dưỡng bệnh hằng tháng.

Vì hình ảnh thân thể của ta trong đầu óc ta không phải là cái gì cố định, bất biến, trái lại nó cũng sinh động như ta. Nó già với ta, ta đau yếu hay khỏe mạnh, thì nó cũng đau yếu hay khỏe mạnh và như trên tôi đã nói nó không khách quan: nó không bao giờ y hệt sự thực.

Cho nên cơ thể có thể già mau hơn hình ảnh về cơ chế. Một người 60 tuổi mà vẫn ăn mặc như hồi 20, không chịu cho tóc bạc đi, mà đem nhuộm (...)

Vậy sự tạo thành hình ảnh đó theo một diễn tiến. Chúng ta xét xem sự diễn tiến đó ra sao từ

khi trẻ mới sanh cho tới lúc nó được một năm rưỡi (...)

Chúng tôi sẽ dùng phản ứng của trẻ trước tấm gương để tìm hiểu sự diễn tiến đó vì những phản ứng này dễ nhận được và cho ta biết được trẻ tới giai đoạn phát triển nào thì biết về thân thể nó ra sao.

Một nữ sinh viên theo môn tâm lí, trong khi nghiên cứu các trẻ nuôi trong các cơ quan công cộng, ngạc nhiên nhận thấy rằng các trẻ mồ côi (con trai từ 5 tới 6 tuổi) rất thích trò chơi này: nhìn hoài hình ảnh của nó trong một chiếc gương nhỏ xíu cho búp bế. Lần đầu tiên thấy hình ảnh của chúng, chúng ngạc nhiên thốt lên: “Ủa bé Xuân này” (tên của đứa nhìn trong gương) hoặc “bé Thanh này” rồi chúng làm đi làm lại, rón nhìn hình ảnh tất cả các phần trên thân thể chúng.

Trong gia đình bình thường thì ngay từ năm thứ nhất trẻ đã nhìn được trong gương rồi mà lần lần tự phát kiến thân thể nó.

Hồi hai, ba tháng, cho nó soi gương, nó chẳng phản ứng gì cả, ngó mông lung rồi quay mặt đi liền, nhìn người bằng nó mà mỉm cười; hồi sáu, bảy tháng, trái lại, nó hơi ngạc nhiên mỗi khi nó bắt gặp hình nó trong tấm gương. Và từ tháng thứ mười trở đi, nó chìa tay về phía hình của nó, đụng phải mặt gương nhẩn mà ngạc nhiên. Lúc đó nó lẫn lộn hình ảnh với người thực: nó cho rằng đứa bé trong gương kia có thực, và có khi nó đưa tay ra phía sau tấm gương để rờ đứa bé kì cục nó thấy trước mặt nó đó. Ngay hồi một tuổi, thường thường nó vẫn chưa biết nó là ai, nên không tự nhận ra được, vẫn đòi bắt đứa bí mật cứ trốn hoài sau tấm gương đó. Nhưng khoảng 15 hay 16 tháng bỗng nhiên nó nhận định được rằng hình trong gương chỉ là hình ảnh của nó. Làm sao chúng ta biết được như vậy? Giả dụ lắm: đứa nhỏ nhìn trong gương thấy có một vật gì ở trên đầu nó thì không đưa tay về phía tấm gương để chụp vật đó, mà đưa tay lên chính đầu nó; như vậy rõ ràng là nó biết rằng vật nhìn thấy trong tấm gương không phải ở trong tấm gương mà ở chỗ khác (trên đầu nó) nên nó mới đưa tay chụp ở chỗ này.

Nhưng thường thường phải đợi một năm rưỡi trẻ mới nhận được hình ảnh của nó trong gương và lấy tên nó mà gọi tên hình của nó.

Mặc dầu phân biệt được như vậy rồi, hồi một năm rưỡi, nó chỉ biết một phần thân thể nó thôi và phần đó cũng không thích hợp lắm với thực tại. Do vậy mà chúng ta biết được điều ấy: đứa bé từ 18 đến 20 tháng, tuy thường nhìn trong gương, và biết rằng đó chỉ là một hình ảnh thôi, nhưng vẫn chưa tự nhận ra ngay hình của nó trên một tấm hình được. Nó nhận ra rất mau những người trong nhà: “Ba nè, má nè, cô Tư nè”, nhưng nhìn hình của nó thì nó hỏi: “Bé nào đó?”; và hồi hai tuổi, nó có thể nói thêm: “Bé đó cầm trái banh của tôi!”

Vì trên tấm hình, thiếu những yếu tố thời gian và cử động; trên tấm gương, nó thấy nó cử

động, nó tiến, lùi, quay qua bên này bên kia, thì hình trong gương cũng làm theo, lại thêm nó thấy hình của nó ngay lúc đó, cũng đội cái nón đó, đi đôi giày đó. Trên tấm hình thì nó ăn mặc khác, ở vào một lúc khác, cho nên nhận được ngay những người khác (những người này nó vẫn biết rõ hơn là biết chính nó) mà không tự nhận ra được nó.

Chương X

TIẾNG “KHÔNG” CỦA TRẺ HAI TUỔI

Cái ý muốn “làm lấy”, không phải tùy thuộc người mạnh hơn mình nữa, là một trong những xu hướng đậm rể sâu nhất trong lòng người. Ý muốn độc lập đó là sức thúc đẩy trong sự phát triển tâm lí của trẻ. Chính vì ý đó mà đưa bé một buổi sáng kia, bỏ bàn tay người lớn ra hoặc không vịn vào bàn vào ghế nữa mà lủi thủi bước một mình. Chính ý đó cho ta hiểu tại sao đưa trẻ 18 tháng đưa tay hất một chồng khúc gỗ mà người lớn mới chất lên thành một cái tháp cho nó chơi. Cũng chính vì ý muốn đó mà trẻ hai tuổi một mực nói “không, không”, trẻ ba tuổi lẩn trốn cha mẹ, trẻ sáu tuổi có những trò chơi kì cục, nguy hiểm, trẻ mười tuổi hợp bọn với nhau, đùa giỡn, phá phách, và thiếu niên phản kháng lại gia đình, xã hội, vân vân.

Phá cái xu hướng tự do, độc lập đó là diệt sức hoạt động của trẻ, làm cho nó thành ra thụ động, có ai bắt buộc hay thúc đẩy thì mới chịu tiến. Lúc nào những sức đó ngưng hoạt động là lúc đó trẻ không lớn lên nữa.

Vậy cha mẹ rất cần nhận thức cái ý muốn “làm lấy” đó mà trẻ bình thường nào cũng có, lại nên lợi dụng nó, đừng ngăn cản, hạn chế nó, vì nó là nền tảng cho sự giáo dục trẻ em. Nuôi con, dạy con tức là tập cho nó thành một người độc lập, tự do về mọi phương diện: thể chất, tinh thần và đạo đức.

Nhiệm vụ đó không dễ đâu, vì trong lòng con người còn có một xu hướng nữa ngược với xu hướng trên. Vì đồng thời với ý muốn độc lập, lại còn cái ý muốn tùy thuộc nữa cũng đậm rể sâu không kém trong lòng chúng ta. Hài nhi muốn tùy thuộc mẹ, hòa hợp với mẹ thì người lớn, đã trưởng thành rồi, cũng vẫn cần dựa vào người khác, tan hòa vào một cái gì lớn mạnh hơn mình, tự ủy thác cho cái đó mà khỏi thấy cô liêu. Chính cái nhu cầu tùy thuộc người lớn đó, làm cho đứa trẻ ăn một mình được khi vắng mẹ, mà hễ có mặt mẹ thì đòi mẹ đút cho từng muỗng từng muỗng một. Chính nó làm cho đứa bé té chỉ trầy đầu gối một chút, cũng chạy đi kiếm mẹ rên rĩ “đau, đau” mà mắt ráo hoảnh. Cũng chính cái nhu cầu đó làm cho nhiều người ba chục tuổi rồi mà chỉ sung sướng khi có người kiểm chế: hoặc một ông chủ, hoặc một vị đại tá, hoặc một Mục sư coi như bực thầy...

Nhu cầu tùy thuộc đó là một xu hướng tự nhiên, lành mạnh vì con người vốn yếu đuối, không

thể không dựa vào xã hội, mà dù có độc lập hoàn toàn thì cũng không thể không dựa vào Thượng Đế.

Chỉ khi nào một trong hai xu hướng kể trên – độc lập và tùy thuộc – mạnh quá hoặc yếu quá, thì mới là thần kinh suy nhược. Chẳng hạn người nghiện rượu là một kẻ bệnh hoạn, không tự chủ được; người luôn luôn phản kháng cũng vậy.

Vậy, có một sự xung đột bình thường giữa hai xu hướng trái ngược nhau đó, xung đột từ khi con người mới sanh cho tới khi chết. Muốn hiểu tâm lí trẻ em thì phải biết những giai đoạn chính của sự xung đột đó.

Chúng ta biết rằng, hồi mới sanh, trẻ hòa lẫn với thế giới bên ngoài. Nó không có cá tính riêng, nó không biết nó là ai, không biết cả thân thể nó nữa, và phải tháng sau, nhiều năm sau nó mới phân biệt nhiều được nó với người khác.

Vì phải đợi tới khi đó được hai tuổi rưỡi hay ba tuổi rồi nó mới phân biệt được ngôi thứ nhất (tao, tôi) với ngôi thứ nhì (mày, em...). Chẳng hạn khi bạn nó bảo: “tôi tới” thì là bạn nó tới; còn khi nó bảo “Tôi tới” thì chính nó phải tới; khi bạn nó bảo: “Mày tới” thì là bạn nó muốn cho chính nó tới; còn khi nó bảo “mày tới” thì là chính nó muốn cho bạn nó tới. Cái trò dùng đại danh từ đó thực ngược đời, rắc rối quá chừng; và muốn dùng được tiếng “tôi” thì trẻ phải có một ý niệm nào đó về cá nhân của nó đã. Có vài đứa trẻ không bao giờ dùng đúng được tiếng “tôi” và tiếng “mày, em...” và suốt đời hễ muốn nói về chúng thì chúng dùng ngôi thứ ba: “Xuân đói bụng” hoặc “Thanh khát nước”.

Và chẳng những trẻ phải học trong đầu óc nó – nghĩa là dùng trí tuệ – rằng nó là một cá nhân khác những cá nhân khác, mà nó còn phải nhận thức trong lòng nó – nghĩa là bằng cảm xúc – rằng nó có thể cảm thấy và có ý chí khác người lớn, nhất là khác mẹ nó mà từ trước tới giờ nó vẫn hoà hợp làm một. Nghĩa là nó phải tập độc lập. Cái thói luôn miệng nói “không, không” của trẻ hai tuổi chỉ là một cách đòi được độc lập, cách đó thô thiển mà làm cho người lớn rất bực mình.

Ở đây tôi cần giảng rõ để chư vị khỏi hiểu lầm trong kì này cũng như trong các kì sau, khi tôi nói đến tuổi của trẻ, không phải là nói về tuổi theo ngày tháng đâu mà nói về tuổi tâm lí,^[16] nghĩa là không bảo trẻ được bao nhiêu năm, bao nhiêu tháng, mà muốn bảo trẻ ở trong giai đoạn phát triển nào. Có thể rằng một đứa bé nọ bắt đầu từ mười tám tháng đã có thói nói “không, không” rồi, và tới 24 tháng thì thói đó đạt tới mức cao nhất, còn đa số các trẻ khác, thói đó xuất hiện hồi 24 tháng và đạt tới mức cao nhất hồi 30 tháng. Mỗi trẻ một khác, có đứa sớm, có đứa muộn, nhưng điều đó không quan trọng. Quan trọng là sự kế tiếp của các giai đoạn, mà sự kế tiếp này bất biến, nghĩa là luôn luôn giai đoạn cự tuyệt “không, không” tiếp

theo một giai đoạn thụ động, bảo sao nghe vậy; rồi sau giai đoạn cự tuyệt, lại tiếp theo một giai đoạn thụ động, để bảo nữa.

Nhưng muốn dễ trình bày, chúng tôi theo tiêu chuẩn tuổi mà Gesell đã định, những tiêu chuẩn đó áp dụng vào đa số trường hợp được.

Vì vậy mà chúng tôi nói tới thói cự tuyệt “không, không” của thời hai tuổi.

Trước giai đoạn bực mình cho ta đó là giai đoạn trẻ gần hoàn toàn nhu mì, tùy thuộc ta. Thái độ của đứa bé hồi 20 tháng thực đặc biệt. Khi có một bạn trẻ, thì nó không lại họp bọn với chúng đâu mà đi kiếm đồ chơi rồi trở về với người lớn. Nó ngượng nghịu một lát, rồi chơi một mình với các đồ chơi, thỉnh thoảng ngừng lại ngó hoạt động của các đứa khác. Cơ hồ nó không làm gì khác là “ngó” một cách thụ động. Và khi nó bỏ cái thái độ chơi một mình và thụ động đó thì thường là để tự vệ. Mới đầu, bị đứa nào giật mất đồ chơi, nó chỉ biết khóc hoặc gọi má, hi vọng rằng như vậy đứa kia sẽ trả nó đồ chơi, nếu không vậy thì nó đành chịu thua, không chiến đấu gì cả. Ít lâu sau, trái lại, nó giữ chặt đồ chơi, hoặc đứa kia đánh nó thì nó đánh lại. Mà thời đó nó chỉ có bốn cách tự vệ: cắn, đá, xô đẩy hoặc cầm một vật gì mà đập.

Đối với người lớn, đứa trẻ 20 tháng cũng có thái độ rất tùy thuộc. Nó năn nỉ hoặc thầm mong người lớn giúp nó bận quần áo, thay quần áo, tắm rửa, đi tiểu, đôi khi giúp nó chơi nữa. Nó mong được người lớn chơi đùa với nó, mong được nhận đồ chơi, được dứt ăn, thành thử những lúc nó hoạt động tự do thật hiếm và ngắn ngủi.

Từ hồi 21 hoặc 22 tháng, bắt đầu giai đoạn biến chuyển, nửa tùy thuộc, nửa độc lập, rồi thái độ độc lập tăng dần lên tới hồi hai tuổi thì thành thái độ một mực cự tuyệt “không, không”, thái độ này thường đạt tới mức cao nhất vào hồi hai năm rưỡi.

Người ta hỏi nó cái gì nó cũng đáp “không”, “con yêu ba không?” – “không”; “yêu má không?” – “không”. Người ta đề nghị với nó cái gì, nó cũng đáp “không”. “Muốn đi chơi không?” – “không”; “muốn về nhà không?” – “không”. Cái gì cũng “không”... Cơ hồ như trong dụng ngữ của nó không có tiếng “có”. Đôi khi nó thơ thẩn một mình, đầu lắc qua bên này bên kia, miệng thì lặp đi lặp lại “không, không, không...”

Nó không chịu bận áo, không chịu cởi áo. Trước kia, hễ mót nó đã biết đòi người lớn cho nó ngồi “bô” rồi, bây giờ nó đái trong quần, hoặc cố nhịn. Bữa ăn mới thật bi đát. Nó biếng ăn, thường không chịu ăn, ba bữa mới có một bữa nó ăn nhiều. Nó cũng không muốn đi ngủ nữa, nhưng một khi nó ngủ rồi thì khó mà đánh thức nó dậy. Trong cả cái thời trước tuổi đi học (vào sáu tuổi), hồi này là hồi khó chịu nhất cả cho nó lẫn cho người lớn.

Vậy mà thói cự tuyệt đó lại là dấu hiệu một sự tấn bộ trong sự phát triển tinh thần của trẻ, tới nỗi thiếu dấu hiệu đó thì phải coi là điều đáng ngại: đứa bé nào hai năm rưỡi mà vẫn tùy

thuộc, thụ động hoài, không biết cái giai đoạn “không, không, không” đó thì sau này sẽ thành một đứa bất thường, rắc rối đấy.

Nhưng làm sao giảng được rằng thái cự tuyệt đó lại là một dấu hiệu tấn bộ? Tấn bộ là vì trẻ hai tuổi đã có khả năng đưa một phán đoán phủ nhận: “A không phải là B.”, phán đoán đó dễ hơn là phán đoán xác nhận: “A là cái này”. Về phương diện hoạt động cũng vậy, mới đầu trẻ có thái độ cự tuyệt để xác nhận sự độc lập của nó, như vậy một thời gian lâu rồi mới có được tinh thần tự do, có thể nói “có” với người lớn mà vẫn giữ được ý chí của nó.

Hồi hai tuổi, khi nó nói “không” là nó tách ra khỏi người lớn; đó là một cách nó tự phát kiến ra được chính nó. Thực ra nó không cự tuyệt điều người ta bảo nó làm đâu, nó cự tuyệt cái thái độ sai bảo nó của người lớn. Nó cự tuyệt vì trước hết nó muốn làm lấy, nó muốn tự nó quyết định lấy. Bảo nó cởi áo thì nó không cởi, cứ để mặc nó, đừng nhắc thì nó sẽ cởi. Thái độ cự tuyệt đó cũng do nó cảm thấy rằng nó bất lực... Nó muốn làm chủ cuộc đời của nó mà không được; cho nên thấy nó cự tuyệt mà ta phạt nó thì nó nổi quạu lên: sự trừng phạt của ta chỉ làm cho nó càng tự cảm thấy yếu ớt, và nó phản ứng lại một cách cũng bất lực, là nổi giận.

Vậy người lớn phải khéo đóng trò với đứa bé hai tuổi, hai tuổi rưỡi, rán chiều ý nó khi nó phản kháng, vì nó đương ở trong một giai đoạn dao động. Để cho nó tự ý làm “cái gì phải làm”, chứ đừng ra lệnh cho nó. Thời này chỉ nên bắt buộc nó phải làm những cái gì thật cần thiết thôi, mà càng ít ra lệnh càng tốt. Không phải lúc để tập cho nó vâng lời; ép nó làm nhiều điều trái ý nó quá thì chỉ càng làm cho nó thêm cự tuyệt rồi thành thói quen phản kháng; cứ dễ dãi với nó thì qua giai đoạn khó khăn đó rồi, tự nhiên nó sẽ dễ bảo. Vậy không nên bắt nó làm “cái gì nó không muốn” mà nên dụ cho nó muốn làm “cái gì nó phải làm”. Bé Mai không chịu ngồi trên chiếc ghế cao này ư? Ta lấy một cái đĩa úp lên chén bột của nó; nó tò mò coi và quên phản kháng, ngồi xuống ghế. Ba ngày sau lại phải tìm một thuật khác ư? Dĩ nhiên rồi. Nhưng chỉ bà mẹ nào có nhiều sáng kiến, chịu khó đóng cái trò đó, mới qua được cái giai đoạn khó chịu đó của con mà khỏi phải bực đầu.

Chương XI

BA TUỔI: THỜI HOÀNG KIM CỦA ÓC TƯỞNG TƯỢNG

Khi nghiên cứu sự phát triển tâm lí của trẻ, chúng ta thấy một sự kiện kì dị và làm cho chúng ta yên tâm. Cứ sau mỗi giai đoạn trẻ khó tính, bướng bỉnh thì lại tiếp một giai đoạn yên tĩnh, rồi dĩ nhiên lại tới một giai đoạn căng thẳng.^[17] Vậy có những thời kì hoàn toàn bình tĩnh. Những chỗ đầu thang^[18] (palier) đó kéo dài được vài tuần hay vài tháng, và nếu cha mẹ biết lợi dụng những lúc đó thì có thể lấy lại sức để chờ một cuộc “tấn công” khác của trẻ.

Hồi ba tuổi là một trong những thời gian nghỉ ngơi đó. Hai tuổi, trẻ làm cho ta bực mình; ba tuổi, nó như già giặn rồi, tự chủ được hơn, và không dùng sự thẳng lợi đó để chống đối thế giới bên ngoài mà trái lại, để thích hợp với thế giới đó. Sự xung đột giữa hai nhu cầu tùy thuộc và độc lập chúng tôi đã nói trong lần trước, bây giờ êm được một phần rồi, vì hồi trẻ ba tuổi nhu cầu được người lớn tán thành, khen ngợi mạnh tới nỗi thường lấn át hẳn nhu cầu thống ngự, và trẻ thành ra có tinh thần vô cùng nhân hậu, theo người theo thời (conformisme).

Hồi ba tuổi, ba tuổi rưỡi trẻ lựa một hành vi nào chỉ vì hành vi đó làm vui lòng người lớn. Nếu nó nói bậy mà làm cho dì Xuân cười, nhưng trái lại làm cho Má bất bình, thì có dì Xuân nó sẽ nói bậy, mà khi có Má nó nói rất đàng hoàng, thành thử nó có vẻ rất giả dối. Vẫn vì muốn làm vui lòng người lớn để được cưng, nó tố cáo bậy những đứa khác: “Thưa cô, thằng Minh đánh đổ hộp sơn”, “Anh Đức đã le lưỡi, Má”, còn chính nó mà làm bậy thì luôn luôn kiếm cách bào chữa. Tánh khoác lác cũng đạt tới mức cao nhất: nó khoe là đã thắng tất cả bạn bè trong cuộc chạy đua (nếu nó là con trai), hoặc đã được cô giáo khen là ngoan nhất trong Vườn trẻ (nếu nó là con gái). Nó còn bịa cả những truyện quái dị, trong đó luôn luôn nó đóng vai chính, kể cho bạn nghe, rồi còn nhấn mạnh rằng “Truyện có thực đấy, không sai một chút đâu, bồ”.

Sự thực nó không phải là giả dối, cũng không nói dối; nó có vẻ giả dối như vậy chỉ vì thái độ nó rất mềm dẻo, thay đổi tùy theo người lớn. Vì không người lớn nào giống người nào và mỗi người đòi hỏi ở nó một cách thức. Và muốn làm vui lòng mọi người, trẻ phải có nhiều thái độ, có khi thái độ này trái ngược với thái độ khác. Nó chưa biết cái thiện bản nhiên, cái giá trị nội tại của một hành vi; nó cho rằng cái gì làm cho người lớn yêu nó là cái đó tốt. Có vô số người lớn vẫn không vượt được lên trên cái luân lí của trẻ hồi ba tuổi đó. Vậy trẻ tuổi đó nói dối không phải để nói dối, mà vì nó tưởng rằng làm sai sự thực đi thì được người lớn yêu; giảng luân lí cho nó, chỉ vô ích, nó đã hiểu gì đâu mà giảng. Nhưng cần cho nó thấy hễ làm điều phải thì được yêu mến, sung sướng, làm điều bậy thì ngược lại, sẽ khó chịu; và nó sẽ cảm thấy rằng làm điều thiện không nhất định là phải hi sinh, thiệt thòi, trái lại còn vui vẻ nữa.

Cái ý muốn làm vui lòng người lớn của trẻ hồi ba tuổi làm cho nhiệm vụ giáo dục của cha mẹ hóa dễ dàng, và tuổi đó hóa dễ thương, hay làm trò cho người lớn thích, có khi như phường chèo nữa.

Những điều tôi mới nói đó đúng về lí thuyết. Sự thực, nhiều khi tuổi cự tuyệt “không, không” của trẻ kéo dài tới hồi ba năm rưỡi hay bốn năm. Nhưng trong trường hợp đó, phần nhiều là lỗi tại cha mẹ: không “khéo đóng trò” chiều ý nó, mà cứ nghiêm khắc ra lệnh cho nó, khiến nó thành ra có thói quen chống đối, không thoát ra khỏi giai đoạn đó được.

Ngoài nhu cầu được người lớn tán thành, khen ngợi đó, trẻ hồi ba tuổi còn có một đặc điểm nữa là óc tưởng tượng nảy nở mạnh, nhất là tưởng tượng ra bạn chơi.

Chúng ta biết rằng ngay trước khi được hai tuổi, đứa bé nào bình thường cũng có thể “giả vờ” được rồi. Nó nhắm mắt lại, đưa ngón cái lên mút, làm bộ ngủ; nó làm bộ hái một trái táo trong một cuốn sách có hình, đút vào miệng người lớn; nó uống nước lạnh, chẳng có gì là trong sạch cho lắm, mà làm bộ là uống trà, khen ngon. Nhưng phải tới khoảng ba tuổi rưỡi, trẻ mới có một lối giả vờ rất đặc biệt này, là giả vờ có một bạn chơi.

Có nhiều thứ bạn chơi tưởng tượng lắm, khó mà định nghĩa cho đúng được. Đại khái thì thứ bạn chơi tưởng tượng đó là một đứa nhỏ cũng như nó, hoặc một con vật hoặc một miếng vải mà trẻ tưởng tượng ra, coi là bạn của nó để chơi với nhau gần suốt ngày.

Vài thí dụ dưới đây mượn của nhà phân tích tâm lí Frances Wickes sẽ giúp chư vị hiểu cái trò tưởng tượng đó ra sao, và thỏa mãn được nhu cầu thầm kín nào của trẻ.

Thằng Định có một bạn chơi rất lực lưỡng tên là Bình, và không rời nó phút nào cả. Định là đứa con một, hơi yếu ớt, ở trong một khu nhiều em trai, em nào cũng hung hăng, thích đấm đá, vật lộn, lấy gạch đá liệng nhau. Mới đầu nó cũng thử dạn cuộc với bọn đó, nhưng lần lần nó bỏ các bạn thực đó mà chơi với “thằng Bình to lớn”. Trò chơi này say mê lắm, không có ai khác dạn vào. Một điều lạ lùng là khi hai đứa chơi với nhau như vậy (dĩ nhiên chỉ duy thằng Định là có thực) thì luôn luôn thằng Định thắng thằng Bình mà thằng Bình nổi danh trong khu chừ. Vì lần nào thằng Định bỏ các bạn thực của nó, đi về nhà thì cũng la lớn với tụi nó: “Tao về chơi với thằng Bình đây” “thằng Bình có thể hạ hết được tụi bay”. Thằng Bình mạnh như vậy mà lần nào cũng thua thằng Định, lạ không.

Thằng Lâm có một bạn chơi tưởng tượng, xấu tính tên là “Tám”. Thằng Tám gây mọi sự phá phách. Một tấm kính bể ư? Có thể là do trái banh của thằng Lâm nhưng nó cứ đổ cho thằng Tám. Hộp kẹo vơi một nửa rồi ư? Thằng Tám tham ăn đã lấy ăn rồi đấy mà chính thằng Lâm thì bị chứng không tiêu!

Ba thằng Lâm thấy lần nào con mình cũng bảo tại thằng Tám cả, một hôm bực mình, muốn đi

kiếm cái thằng phá phách chịu không nổi đó để rầy nó một trận, thì nó đã biến đâu mất. Thằng Lâm đã tố cáo mà nó bị cảnh sát bắt rồi chẳng?

Con Nga mồ côi cha mẹ từ hồi năm tuổi. Trong gia đình ngoài em gái nó là con Yến mới được hai tháng và bà nội nó ra không còn ai cả. Một người đem em bé nó về nuôi, còn nó lại ở với bà nội. Một hôm nó thấy trong một công viên một con búp bê cũ, tồi tàn người ta liệng đi. Bà nội nó cản mà nó vẫn lượm, đem về nhà và chơi suốt ngày với búp bê, không rời búp bê ra một phút. Sau, một nhà chuyên môn về tâm lý hỏi gạn nó, nó mới thổ lộ rằng: “con búp bê đó là bé Yến, con gặp bé Yến trong một bụi cây, gần chết đói chết khát, vì bé Yến đã trốn khỏi nhà cha mẹ nuôi nó để kiếm con”.

Nó tưởng tượng con búp bê tồi tàn đó là em nó, để tìm lại được một tâm trạng quân bình sau khi cha mẹ nó qua đời, không vậy thì có thể nó sẽ sầu muộn, đau khổ suốt đời.

Vài thí dụ đó cho ta thấy bạn chơi tưởng tượng của trẻ có tính cách rất phức tạp: vừa là mơ mộng, vừa là một triệu chứng tinh thần bất quân bình. Vì dù bạn chơi tưởng tượng đó có hình thức nào thì cũng là để cho trẻ thỏa mãn một ước mơ. Vậy nó là một chìa khóa mở cho ta vào cái thế giới nội tâm của trẻ, và ta cần tìm hiểu ý nghĩa của nó như hiểu ý nghĩa một giấc mơ, vì cũng như giấc mơ, nó cho ta biết tiềm thức, những nhu cầu thầm kín nhất của trẻ. Lại thêm, nó vừa là triệu chứng một sự bất quân bình tinh thần, vừa giúp cho trẻ giữ được một sự quân bình tương đối;[\[19\]](#) cho nên nó có thể tồn tại sau khi không cần thiết nữa (vì bệnh thần kinh hết rồi, triệu chứng vẫn có thể còn được) và lúc đó nó có hại cho trẻ: trẻ hóa ra có thói quen trốn thực tại chứ không rón thích nghi với thực tại.

Nhưng chúng ta nên nói rõ rằng sự tưởng tượng ra một bạn chơi đó là một giai đoạn bình thường trong sự phát triển tâm lý của trẻ hồi ba, ba tuổi rưỡi; giai đoạn đó có thể kéo dài tới hồi năm, sáu tuổi mà không phải là tinh thần thác loạn.

Óc tưởng tượng phong phú của trẻ hồi ba tuổi còn biểu lộ một cách khác nữa. Bạn chơi tưởng tượng của nó là một thứ trò chơi riêng, một trò bí mật trẻ giấu không cho người lớn biết. Trái lại khi nó chơi với những bạn thực của nó, thái độ nó khác: nó có những không tưởng mà nó bắt những đứa khác phải chấp nhận.

Chẳng hạn đứa trẻ ba tuổi nghĩ ra một truyện, trong đó nó luôn luôn đóng vai chánh, bắt các bạn phải đóng vai phụ, bất chấp ý muốn của những đứa này, cũng bất chấp thực tại: “Mày làm thằng bé tí hon, còn tao làm ông kẹ, nghe không...”, hoặc “Tụi bay làm học trò, còn tao làm thầy giáo, tao đánh tụi bay, nghe không?”

Hoặc âm thầm, hoặc biểu lộ, nó mong rằng các bạn chơi của nó (người lớn cũng như trẻ con) chiều theo những không tưởng của nó; nếu các bạn chơi không chịu thì nó rón thuyết phục

bằng mọi cách: dỗ dành, dọa nạt; thuyết phục không được thì nó không thèm chơi nữa, bỏ đi, chứ không chịu thay đổi các vai trò trong truyện. Nó vẫn còn ở trong giai đoạn: “Bé muốn có ai chơi với bé.”

Phải đợi khi đủ năm tuổi nó mới chịu cho bạn nó đóng vai thuyền trưởng, còn nó thì bằng lòng nhận vai thủy thủ. Lúc đó nó đã đạt được một mức hợp quần cao hơn rồi, có thể qua giai đoạn: “Bé muốn chơi với người khác”.

Chương XII

TẠI SAO TRẺ HAY HỎI “TẠI SAO”?

Cha đương chăm chú đọc báo trong khi ở ngoài sấm chớp ầm ầm. Đứa con trai kéo tay áo của cha, hỏi: “Ba, tại sao trời lại chớp? Ở trên trời có lửa sao?” Cơn dông làm tắt điện, đứa nhỏ ngạc nhiên hỏi: “Tại sao khi tắt đèn ở trong nhà, thì ở ngoài trời lại sáng hơn, ba?” Hết cơn dông rồi, mặt trăng ló lên ở xa. “Ba tại sao mặt trăng mọc lên? Ba ngó kia, nó hóa tròn kia? Tại sao mặt trăng lại gọi là mặt trăng, ba? Tại sao ba lớn mà tai ba nhỏ, còn con nhỏ mà tai lại lớn? Tại sao vậy, ba, tại sao?”

Đứa nhỏ hay hỏi đó chắc chắn vào khoảng bốn tuổi.

Vì tuổi đó có đặc điểm này là trẻ hỏi luôn miệng nhiều câu mà rất ít người trả lời một cách thỏa mãn được; trẻ hỏi hết câu này tới câu khác, trả lời cho nó, nó ít khi vừa ý, riết rồi cha mẹ mệt, chán, tự hỏi: “Tại sao mà nó hay hỏi tại sao như vậy?”

Chúng ta thử trả lời câu hỏi chính đáng đó, và xét xem cái gì làm cho trẻ tuổi đó hay hỏi.

Bốn tuổi không phải là tuổi đầu tiên hay hỏi đầu. Có ba thời kì trẻ hỏi luôn miệng: hai tuổi, bốn tuổi và bảy tuổi. Thời thứ nhất, hai tuổi, trẻ chỉ hỏi: “Cái gì vậy?” Nó muốn biết tên các vật, và nó hoàn toàn thỏa mãn khi ta đáp: “Máy bay đấy”, hoặc “Con nai đấy”.

Thời thứ nhì nó đặc biệt muốn biết nơi chốn và cách nào; thời thứ ba nó muốn biết nguyên do và lúc nào.

Hôm nay chúng ta xét thời thứ nhì, 4 tuổi, và tìm hiểu tại sao đúng tuổi đó, trẻ hay hỏi thế, hỏi nhiều hơn hết thảy các thời sau này.

Trước hết chúng ta nhận thấy rằng trẻ bốn tuổi thích nghe truyện và bịa truyện, nhưng nó không để ý đến tình tiết bằng từ ngữ. Trước kia, cho tới hồi ba tuổi rưỡi, nó buộc người lớn khi kể lại một truyện, phải lặp lại y hệt lần trước, bao giờ cũng mở đầu rằng: “Hồi xưa hồi xưa...”, câu nói không được thay đổi mà giọng cũng vậy; có khi nó còn sửa lại lời của người lớn nữa: “Không, công chúa đâu có bận chiếc áo hồng với các ngôi sao vàng, công chúa bận áo xanh với các ngôi sao bạc mà, má kể lại đi...”; bây giờ, bốn tuổi, nó mềm dẻo hơn và thích giỡn bằng các

từ ngữ. Nó tạo ra những danh từ kì cục để gọi những vật quen thuộc: mưa thành ra “lộp bộp”; bùn thành ra “phụt phụt” vùn vùn... Nó thích những câu thơ vô lý: “Bụng tôi phồng lên như cái bông người ta trồng trong cánh đồng mênh mông và mỗi khi trông thấy, bụng tôi nó lại phồng lên...”

Từ ngữ thành những vật cho nó giỡn như tung các trái banh màu vầy.

Và ta nên để ý điều này: nó chỉ đổi tên các vật mà nó biết rõ tên thôi. Bốn tuổi, nó biết rõ tên những vật thường thấy rồi, có thể tạo những tên khác mà nó thích hơn vì thanh âm vang hơn, có tiết điệu hơn.

Cái lối đặt tên kì cục đó, nguyên nhân chỉ do nó đã làm chủ được ngôn ngữ rồi, cũng như sau này, khi nó đã đếm được đúng các con số 1, 2, 3, 4, 5... rồi thì nó thích đếm ngược lại: 5, 4, 3, 2, 1.

Vậy hồi 4 tuổi, trẻ hay hỏi có lẽ là vì đã làm chủ được ngôn ngữ. Trước kia khi thấy các vật lạ nó hỏi: “Cái gì đó?”, bây giờ đã biết tên những vật đó, biết là chuyển xe lửa, các toa xe rồi, nó xét qua khía cạnh khác, hỏi “Xe lửa đó đi đâu? Tại sao lại kéo nhiều toa như vậy? Tại sao toa nào cũng móc vào nhau?”

Những câu hỏi “Tại sao” đó có thể có nhiều ý nghĩa, và người lớn muốn trả lời cho thích đáng thì cần hiểu ý nghĩa của mỗi câu; nếu không trả lời đúng theo ý nghĩa của câu hỏi, nếu không nhận được đúng nó muốn tìm hiểu điều gì, thì nó sẽ không thỏa mãn, mà hỏi hoài, hỏi hoài.

Chúng ta nên nhớ có một số câu hỏi của trẻ mà không phải là câu hỏi, chẳng hỏi ai cả, thường chỉ là một cách xác nhận một điều gì đó, quyết chắc như vậy. Chẳng hạn khi một em nhìn đám bùn, la lên: “Đẹp nhỉ?”; hoặc là một cách phô diễn tình cảm, một niềm thất vọng, như khi ta bảo một em: “Kẹo này không ăn được”, nó hỏi lại: “Tại sao?”; hoặc là một cách phản kháng, như khi ta bảo nó: “Đi ngủ đi” nó đáp: “Tại sao?”. Những lúc đó đừng trả lời nó vô ích “Không ăn kẹo đó được vì sắp ăn cơm rồi”, hoặc “Phải đi ngủ vì ai cũng phải ngủ” vì nó sẽ hỏi thêm: “Tại sao ai cũng phải ngủ?”, và cứ vậy, không bao giờ hết. Không thể lí luận với trẻ trong những trường hợp đó được mà nên dùng tình cảm, như khi nó không muốn ngủ chẳng hạn thì ta nên bảo: “Con muốn thức vì không muốn xa ba má nhưng cả khi con ngủ, ba má vẫn nghĩ tới con, vẫn yêu con mà.” Một số lớn những câu hỏi của trẻ bốn tuổi vào loại đó.

Nhưng còn một số kia giống những câu hỏi “Tại sao” của người lớn và chúng ta phải trả lời cách khác. Hỏi những câu vào loại này là nó thực tình muốn biết để biết, nó nghiêm trang tìm sự thực cũng như một nhà toán học già kiên nhẫn.

Những câu hỏi này dễ nhận ra lắm vì do hoàn cảnh làm cho nó xúc động, và gọi ra cho nó. Xúc động vì nó thấy có một sự tương phản hay bất thường giữa kinh nghiệm nó đã trải qua và sự

việc đương xảy ra.

Vì đứa trẻ bốn tuổi đã có một ý niệm về vũ trụ bên ngoài rồi và theo nó, vũ trụ đó vận hành đúng những luật đặc biệt khác những luật của chúng ta, nhưng cũng nghiêm khắc không kém. Nên bây giờ xảy ra một việc gì nó thấy sai với những luật đó thì nó hoang mang, lo ngại. Mà muốn hết hoang mang, lo ngại thì chỉ có cách nhờ người lớn, biết nhiều hơn nó, giảng cho: “Tại sao vậy ba?” Và ta phải giảng cách nào cho nó thỏa mãn, nghĩa là cho nó hiểu được, không còn thắc mắc, nghĩ tới nữa, nếu không thì sự hoang mang còn lớn vồn vồn trong óc nó mà nó sẽ hỏi nữa, “Tại sao?” “Nhưng tại sao lại vậy?”

Thí dụ dưới đây mượn của Sully sẽ giúp chư vị hiểu rõ điều tôi mới trình bày. Bé Mẫn đương thắc mắc về vấn đề săn bắn thú vật, thành linh nó hỏi người lớn một câu có vẻ rất giản dị:

- Tại sao người ta lại săn bắn cá sấu?
- Để lấy da làm “xắc”, làm cặp.
- Thế thì tại sao lại giết con nai? Người ta có muốn lấy da nai đâu?

Người lớn bị dồn vào chân tường, chỉ còn có cách trả lời:

- Tại thiên hạ thích đi săn và giết những loài đó.

Nhưng đáp như vậy chỉ càng làm cho trẻ hoang mang hơn là khi nó mới bắt đầu hỏi nữa. “Họ thích giết, giết mà lấy làm vui!” Đứa nhỏ biết rằng người lớn đôi khi muốn làm những việc ghê tởm, nhưng sẽ bị bắt, cho nên nó lại hỏi:

- Thế tại sao cảnh sát không bắt giam những người đi săn?
- Vì người ta cho phép đi săn.

Trẻ rán hiểu tại sao người ta lại cho phép giết loài vật để chơi như vậy, mà không hiểu nổi: “Sao lại cho phép?” Thành thử lời đáp của người lớn chỉ làm cho trẻ càng thấy sự đời vô lí, vi trái hẳn với những luật về vũ trụ mà nó đã tốn công tìm ra. Người ta cấm nó giết một con cóc để coi trong bụng cóc có gì, mà người ta lại cho phép người lớn giết nai? Thật không hiểu nổi! Nó lại phải hỏi nữa, hỏi cho tới khi nào người lớn đáp một câu mà nó chấp nhận được mới thôi.

Sau cùng còn điểm này nữa: “Tại sao trẻ hỏi “Tại sao?” luôn miệng như vậy?”. “Thấy bất kì cái gì nó cũng hỏi, mà chẳng có gì (theo quan niệm của chúng ta) thì nó cũng hỏi, là tại sao?” Nguyên nhân hơi lạ lùng. Piaget bảo là tại trẻ chưa có cái ý niệm về sự ngẫu nhiên, thành linh. Nó cho rằng cái gì cũng liên quan với một cái gì khác, không có cái gì không có nguyên nhân. Cái gì cũng có thể giảng được. Vậy thì có thể tìm nguyên nhân của mỗi hiện tượng được. “Tại sao có một ngọn suối ở gần nhà?”, “Tại sao con bồ câu giống một con chim cu?”, “Tại sao ba có tên là Nhân?”, “Tại sao trái banh lăn về phía anh? Nó biết rằng anh ở đó ư?”

Những câu hỏi đó có vẻ vô lí; nhưng thực ra nó không vô lí nếu ta nghĩ rằng trẻ chưa có cái ý niệm ngẫu nhiên, do đó, nó hay hỏi về cái gì bất thần xảy ra hoặc giảng không được, những cái mà nó không thấy nguyên nhân. Còn như người lớn chúng ta thì không thắc mắc vì quen nghĩ rằng trong các hiện tượng có một phần lớn là ngẫu nhiên, tình cờ.

Sau cùng chúng ta nên nhớ rằng có khi một đứa bé hỏi nhiều câu lắm mà không đợi trả lời, hỏi một cách nóng nảy, lo ngại, chỉ vì đã có lần người ta không chịu đáp một cách thỏa mãn một trong những câu hỏi của nó mà nó cho là cực kì quan trọng. Nó hỏi: “Tại sao có biển?”, “Tại sao có mây?”, “Tại sao phải ăn?”, “Tại sao phải ngủ”, vân vân... và ta đáp gì thì đáp, nó vẫn không thỏa mãn, chỉ vì có một lần nó đã hỏi: “Em bé ở đâu mà sanh ra?” hoặc một câu nào trong loại đó, mà người ta đã trả lời bậy nó, hoặc không trả lời, hoặc tệ hơn nữa, còn cấm nó hỏi như vậy. Thế là óc tò mò càng tăng lên, vô độ, gặp cái gì cũng hỏi, hỏi lung tung, trừ cái điều làm cho nó bận trí hoài kia.

Một đứa trẻ như vậy thường có một thái độ đặc biệt: nó không phải chỉ tò mò ngoài miệng mà thôi đâu, nó tò mò cả trong hành động nữa. Nó sẽ lục các hộp tủ, mở các hộp kín, nó sẽ hóa ra có tính lục lọi... và sẽ khổ sở.

Tôi xin thêm một lời cuối cùng. Những câu hỏi của trẻ có thể làm cho cha mẹ bực mình; nhưng đó chính là dấu hiệu thông minh tỏ rằng trẻ có tinh thần tìm hiểu, tinh thần mà Aristote cho là tự nhiên của loài người.

Chương XIII

NĂM TUỔI ĐÃ RA VỀ NGƯỜI LỚN RỒI!

Năm tuổi là một giai đoạn đánh dấu một tuyệt đỉnh. Trẻ tuổi đó cho ta cảm tưởng đã phát triển đầy đủ: cơ hồ như sự phát triển của nó đã xong, trọn vẹn. Người ta bảo: “Coi kìa, đã ra về người lớn rồi!” hoặc: “Chị coi, cháu đã ra về một tiểu thư chưa!” Đúng, trẻ năm tuổi ra sao thì hai mươi lăm tuổi cũng sẽ vậy. (tôi sẽ trở lại điểm này trong kì tới). Thành thử chúng ta có thể xác nhận với Tiến sĩ Etienne de Greef và đa số các tác giả hiện đại rằng những nét chính về cá tính của trẻ đã xuất hiện đầy đủ hồi năm tuổi.

Sự kiện đó có rất nhiều hậu quả và lạ lùng nhất là hậu quả về nam tính hay nữ tính của trẻ. Vì cá tính của trẻ đã tự cấu tạo, gần như hoàn thành xong trong năm năm đầu, thì dĩ nhiên, trong năm thứ năm này, trong giai đoạn nhất định và ngắn ngủi này, nó phải hướng về nam tính hay nữ tính. Vấn đề phát triển đó thật gay go, ta không thể bỏ qua được, cũng như không thể bỏ qua vấn đề tự do, độc lập của trẻ (trong các giai đoạn trước); có hiểu nó rồi mới hiểu được tâm lý của trẻ.

Xin chur vị đừng ngại: tôi sẽ không đưa chur vị vào những nẻo ngoắt ngoéo của mặc cảm Oedipe hoặc mặc cảm Electra[20] đâu, mà chỉ rán tìm hiểu xem do cách nào mà một em trai hóa ra có nam tính và một em gái hóa ra có nữ tính.

Ngày nay chúng ta biết rằng không phải chỉ do thể chất mà trẻ có xu hướng nam tính hay nữ tính. Chúng sinh ra là con gái hay con trai, nhưng muốn thành ra có nữ tính hay nam tính thì phải nhờ một sự phát triển lần lần trong nhiều năm mà sự phát triển này còn tùy thuộc nhiều cái khác nữa, chớ không phải chỉ tùy thuộc các yếu tố về cơ thể.[21]

Chẳng hạn một lực sĩ vóc dáng hùng dũng vào bậc nhất, mà lại có thể có rất ít nam tính về phương diện tâm lý, có thể là một con người ít tinh thần độc lập, thụ động và khoe khoang như đàn bà.

Vậy không nhất định là nam tính hay nữ tính tùy thuộc cơ thể, và chúng ta có thể tự hỏi: “Có những điều kiện tâm lý căn bản nào làm cho một em gái có nữ tính, và một em trai có nam tính?”. “tóm lại, là thành một nữ nhi hay một nam nhi hoàn toàn?” Dĩ nhiên những điều kiện đó phải có đủ trong năm năm đầu vì trong giai đoạn đó cá tính được tạo thành.

Chúng ta có thể rút những điều kiện căn bản đó, thành còn ba điều kiện dưới đây:

1. Sống với cha và mẹ;
2. Cha có nam tính mà mẹ có nữ tính;
3. Cha mẹ âu yếm nhau.

1. Sống với cha và mẹ.

Chúng ta đã thấy không có mẹ thì tai hại cho trẻ ra sao. Trẻ mới sanh, từ tháng thứ ba trở đi mà thiếu mẹ thì hậu quả bi thảm: nó có thể rầu rĩ mà chết được. Theo tiến sĩ De Greeff, thì đó là một trong những nguyên nhân khiến cho những trẻ đẻ hoang chết nhiều gấp hai những trẻ cha mẹ có hôn thú. Cả khi trẻ được hơn một tuổi rồi mà thiếu mẹ (hoặc một người thay cho mẹ được) thì ảnh hưởng cũng tai hại, không sao xóa bỏ được:

a) Chậm phát triển về cử động:

Trong các viện nuôi trẻ (như viện mồ côi) nhiều đứa hai mươi tháng hoặc hai năm mới biết đi. Khoảng hai tuổi rưỡi nhiều đứa chưa tự ăn lấy được, và lớn rồi mà vẫn đái dầm.

b) Chậm phát triển về trí tuệ:

Trong những viện đó thương số tinh thần[22] trung bình cao nhất của trẻ là 74, nghĩa là đại đa số thuộc vào hạng đần độn. Như vậy có phải là tất cả những em đó trí tuệ đều được mực trung không? Chắc chắn là không, vì hồi mới sanh thế nào chẳng có đứa rất thông minh. Nhưng vì không có cha mẹ ở bên để tập tành và khuyến khích chúng hoạt động về tinh thần, nên trí

tuệ của chúng như thêm thiệp ngủ, và trong đa số trường hợp, không bao giờ bùng tỉnh dậy nữa, hoạt động được nữa, thành thử suốt đời tinh thần chúng ở vào cái mức dần dần;

c) Rất chậm phát triển về tinh thần hợp quần:

Trẻ nuôi trong viện mồ côi, thiếu cha thiếu mẹ, biết cười chậm hơn những trẻ sống với cha mẹ. Vào khoảng hai tuổi rưỡi nó mới nói được vài tiếng, mà trẻ bình thường vào tuổi đó đã biết được từ 400 tới 1.000 tiếng rồi. Và nhất là nó không có xu hướng về nam tính hay nữ tính – đó là điểm chúng ta xét hôm nay. Chẳng những về phương diện đó, nó hoàn toàn ngu dốt, ngu dốt lạ lùng (sáu, bảy tuổi mà có đứa vẽ hình người thì đàn ông với đàn bà cũng vẽ y hệt nhau), mà nó còn không nhận định được nam, nữ khác nhau ở đâu. Một đứa con trai sáu, bảy tuổi mà định – một cách rất nghiêm trang – sau sẽ thành một “dì phước”, điều làm cho chúng ta có thể mỉm cười, nhưng cho ta hiểu một tình trạng thật bi đát! Hồi mười ba tuổi, ra khỏi cô nhi viện được vài ngày, nó ngạc nhiên khi thấy đàn ông và đàn bà tự do vào nhà thờ và hỏi: “Tại sao trai gái lại “lẫn lộn” như vậy, trai không sắp hàng riêng phía con trai, gái không sắp hàng riêng phía con gái?”

Nhưng sự ngu dốt đó không quan trọng lắm, có thể sửa được nếu trẻ không thiếu hẳn xu hướng về nam tính hay nữ tính. Chúng ta biết rằng, bình thường ra, một em trai sở dĩ có nam tính nhờ bắt giắc noi gương cha, tự đồng hóa với cha. Cha nó tập cho nó thành ra một nam nhi, có nam tính. (Không phải chỉ riêng có cha là tập cho nó như vậy, điểm này lát nữa chúng ta sẽ xét thêm). Nhưng đứa trẻ không có cha, nhất là đứa trẻ ở trong viện mồ côi, thì có người đàn ông nào đâu cho nó đồng hóa? Có ông bác sĩ chích nó khi nó đau chẳng? Hay là ông mục sư nghe nó thú tội? Hay là nhà chuyên môn tâm lí nhi đồng mỗi năm một lần lại viện làm trắc nghiệm cho nó.

Đứa trẻ sống trong một gia đình không có cha ít nhất còn có thể đồng hóa với thầy học, ông nội, ông ngoại hoặc một chú bác mà nó quý, mặc dầu trong nhiều trường hợp bấy nhiêu chưa đủ, vẫn còn cái thảm cảnh của các đứa con trai của các bà vợ góa (dù chồng chết hay chỉ vắng mặt hoài cũng vậy: có nhiều thứ góa chồng) Thường thường đứa con trai, nhất là đứa con trưởng của một bà mẹ không chồng, không bao giờ đạt được nam tính hoàn toàn. Cả khi trưởng thành rồi, nó vẫn chỉ dựa vào mẹ thôi và nó như đàn bà, muốn được cưng chiều một cách tiêu cực. Khi lập gia đình nó để một mình vợ chỉ huy trong nhà. Nó không phải là chủ nhà, là người cha trong nhà, chỉ là một người lớn em bé hoặc một người đàn ông yếu lả như đàn bà.

2. Trên kia tôi đã nói điều kiện thứ nhì là cha phải có nam tính và mẹ phải có nữ tính. Như vậy có nghĩa rằng không phải bất kì cha mẹ nào cũng có thể hướng dẫn trẻ về nam tính hay nữ tính một cách bình thường được mà cần có những cha mẹ nam tính và nữ tính lành mạnh[23].

Và nếu một người có nam (hay nữ) tính lành mạnh, thì người kia cũng có nữ (hay nam) tính lành mạnh, trong đa số các trường hợp là vậy, nếu không họ đã không lựa nhau làm bạn trăm năm.

Đứa con trai có thể có nam tính nếu nó có thể đồng hóa với cha nó được, dĩ nhiên là chính người cha phải có nam tính đã. Cũng vậy, đứa con gái hóa ra có nữ tính nếu nó bắt chước mẹ, mà mẹ hoàn toàn có nữ tính. Khi vai trò đảo ngược lại, khi chính người vợ chỉ huy trong nhà, độc đoán, tính tình như đàn ông, ăn hiếp chồng, còn người chồng trái lại, thụ động như con nít, chỉ đóng một vai phụ, thì con cái, trai cũng như gái, khó mà đạt được sự quân bình về phương diện nam tính hay nữ tính. Vậy không những trong nhà phải có cha mẹ, mà cha và mẹ còn cần phải được quân bình về tinh thần nữa.

3. Sau cùng điều kiện thứ ba là cha mẹ phải yêu mến nhau. Tại sao vậy?

Người ta đã nhận thấy sự kiện này mà tất cả các nghiên cứu nghiêm trang về tâm lý, tâm linh của trẻ đều xác nhận là đúng: con trai năm hay sáu tuổi cực kì quyến luyến với mẹ trong một thời gian, muốn mẹ là riêng của nó, mà tình nó yêu mẹ có tính cách nam tính vừa áp chế vừa che chở, vừa tích cực. Mà chính trong thời gian đó, nó hướng về nữ giới một cách lành mạnh hay không là tùy cha nó có âu yếm má nó nhiều không^[24].

Về phía con gái cũng vậy: nhờ đồng hoá với mẹ, một người mẹ yêu chồng, mà sau này nó mới có thể yêu một người đàn ông được. Điều đó cho ta hiểu được thảm kịch của những thiếu nữ có một người cha tồi, không đáng kính yêu (hoặc bị vợ khinh); những thiếu nữ đó khó có được một nữ tính lành mạnh và khó có hạnh phúc trong hôn nhân. Họ thấy người đàn ông nào cũng có thể làm cho họ thất vọng, có thể lường gạt họ, hoặc chỉ là hạng người đáng khinh như cha họ...

Chư vị bảo tôi: “Sao mà nhiều điều kiện thế, sao mà rắc rối thế; khó đạt được sự quân bình về phương diện đó đến thế ư?” Dĩ nhiên tôi xét ở trên là xét hoàn cảnh lý tưởng, ngoài ra còn nhiều hoàn cảnh tạm được nữa.

Không nên nghĩ rằng một đứa con trai mồ côi cha hồi chưa đầy năm tuổi, mà không có ai có thể thay cha nó được, thì nhất định sẽ thác loạn về thần kinh, sau này không làm sao tìm được hạnh phúc trong hôn nhân. Không, nó vẫn có thể đạt được sự quân bình, nhưng khó hơn một đứa khác còn cả cha mẹ và được sống trong một gia đình cha mẹ yêu nhau thắm thiết.

Điều đó chính là điều Claude Vincent nhấn mạnh trong một bài nhan đề là “Chiếc khuyên vàng”, khi ông viết:

“Người ta dễ tưởng rằng cha mẹ yêu nhau không phải là dạy con. Trước mặt trẻ người ta tỏ ra nghiêm trang, người ta gọi nhau là “Ba thẳng Tiến” hay “Má thẳng Tiến”, và có khi cả trong

những lúc vợ chồng thân mật với nhau, người ta cũng dùng cách xưng hô đó, mà không gọi tên nhau, không dùng những danh từ âu yếm. Người ta tưởng trước cặp mắt tò mò của trẻ, tỏ tình âu yếm với nhau là không phải lúc: “Coi chừng con nó ngó kìa...”

“Ừ thì nó ngó đấy. Nhưng chính vậy, nó cần ái tình, ái tình của chúng ta đối với nhau hơn là cần bánh mì nữa. Cũng có một phần đúng đấy; tôi cũng nhận rằng có những cách tỏ tình âu yếm có thể làm nổi dậy những bản năng thầm kín trong những tâm hồn trong trắng đó. Nhưng một ái tình trong trẻo, cởi mở, rục rĩ không bao giờ là một độc dược cả; nó nuôi dưỡng sự sống.” [\[25\]](#)

Ít hàng sau, ông thêm:

“... Phải xét lại từng điểm một những nhận xét của môn phân tâm học, không phải để thấy rõ những hậu quả tai hại của một cuộc hôn nhân thất bại mà trái lại, để thấy những cái lợi, cái khả năng đào tạo tâm hồn trẻ, của một hôn nhân thành công. Do tấm gương hằng ngày trong gia đình, chứ không do những lời giảng dạy tràng giang, mà trẻ học được cách sống ra sao; học được rồi thì kể như đời nó đã thành công được một nửa”.

Chương XIV

TỔNG HỢP CHU KỲ ĐẦU TIÊN CỦA ĐỜI SỐNG

Cho tới đầu thế kỷ trước, người ta coi em bé là một sinh vật nhỏ chỉ cần cho ăn, vuốt ve một chút và che chở cho khỏi bị nóng, lạnh, gió, mưa là nó sẽ phát triển điều hòa. Người ta đợi tới hồi nó 6, 7 tuổi, thời mà ngày nay chúng ta còn gọi là “thời hiểu biết” mới dạy dỗ nó.

Vài tư tưởng gia ý kiến đặc biệt sáng suốt như Jean Jacques Rousseau, Pestalozzi, Froebel, ngay từ đầu thế kỷ 18 đã đoán (vì lúc đó chưa chứng minh bằng khoa học) được rằng căn bản của cá tính đã có từ rất sớm, và những nhà đó liền chú ý nhận xét tuổi thơ. Nhưng mãi đến gần đây, khoa tâm lí, đặc biệt là phái phân-tâm-học mới định được sự quan trọng đặc biệt của mấy năm đầu trong đời sống.

Trong bài kì trước chúng ta thấy đứa trẻ năm tuổi đã có đủ những nét chính của người lớn hồi hai mươi lăm tuổi. Nhìn nó hành động bây giờ có thể đoán được dễ dàng thái độ cùng cách cư xử của nó sau này ra sao. Bây giờ nó đã gặp những khó khăn nào khi tiếp xúc với bạn chơi ở trường thì sau này nó cũng sẽ gặp những khó khăn như vậy ở phòng giấy, với những bạn đồng sự, những người hợp tác với nó. Thái độ nó đối với má nó hồi sáu tuổi sẽ là thái độ nó đối với vợ nó sau này, và người ta gần như có thể nói rằng thái độ của nó đối với cha nó bây giờ ra sao thì sau này đối với thượng cấp, với nhà cầm quyền cũng vậy.

Nếu giáo dục của nó trong năm năm đầu mà có những điều lầm lẫn, thiếu sót, bất thường thì

từ nay trở đi khó mà nắn lại được. Vì về tâm lí, trẻ sáu, bảy tuổi không còn nhu thuận, dễ uốn như hồi ba bốn tuổi. Một giai đoạn đã vượt được rồi, một chu kì, chu kì đầu tiên của đời sống đã hết; bây giờ mà muốn trở lùi lại thì thật là cả một vấn đề.

Chư vị sẽ nghĩ bụng: vậy không còn cái ý chí tự do của con người sao?

Xin chư vị chú ý. Tôi không bảo rằng trẻ từ nay sẽ tự động phát triển như một cái máy bộ phận đã lắp đủ, và rất khít khao, không xộc xệch chút nào cả. Không, tôi chỉ muốn bảo rằng ngay từ hồi năm tuổi, cá tính của trẻ đã hướng về một hướng nhất định, và tuy nó tự do, nhưng chỉ tự do trong cái hướng đó thôi.

Mà tôi cũng không dám bảo rằng hướng đó cố định, tuyệt nhiên không thể chuyển được. Có vài yếu tố như: sự thay đổi hoàn toàn của hoàn cảnh chung quanh, một cách trị bệnh tâm lí, một sự xúc động mạnh về tinh thần, hoặc một sự xui khiến bất ngờ nào đó của vận mạng, của Ông Trời, có thể làm cho nó thay đổi được. Nhưng chúng ta phải nhận và lặp lại rằng đại thể cá tính của trẻ đã hoàn thành từ hồi nó năm tuổi.

Vậy tôi chẳng cần phải nói thêm rằng trong giai đoạn ngắn ngủi đó, chúng ta phải săn sóc trẻ một cách đặc biệt kĩ lưỡng và sáng suốt, tập trung tinh thần và nghị lực vào sự giáo dục của trẻ từ hồi mới sanh.

Trước khi bước qua giai đoạn sau tôi muốn nêu lên vài qui tắc giáo dục quan trọng có thể hướng dẫn những bước dò dẫm của ta trong năm năm đầu của trẻ.

Đối tượng của giáo dục là trẻ em, giáo dục mà không thích hợp với đối tượng thì không có giá trị. Vậy phải biết trẻ ra sao, và làm sao tác động tới nó được. Tôi xin nói vắn tắt ngay (sau sẽ xét lại nữa) rằng không đứa trẻ nào giống đứa nào; không thể đưa ra được những lời khuyên chung, tổng quát, áp dụng cho mọi đứa được.

Nhưng suốt tuổi thơ, trẻ nào cũng có những nhu cầu căn bản xuất hiện dưới một hình thức này hay một hình thức khác. Muốn dễ tổng hợp những chương trên, tôi xin dùng những nhu cầu căn bản đó làm ý nòng cốt: vì công việc giáo dục phải dựng trên những nhu cầu đó, và không có những nền tảng tâm lí đó thì không có giáo dục được.

Có thể gom các nhu cầu đó lại thành ba loại:

1. Nhu cầu được an toàn và được âu yếm, nhu cầu này do nhu cầu kia mà có, vì trẻ không được âu yếm thì không được an toàn;
2. Nhu cầu được độc lập, tự do;
3. Sau cùng nhu cầu được hiểu biết.

Chúng ta đã nhiều lần thấy rằng trẻ không được âu yếm, dù có sống được, cố bám vào đời sống được thì thái độ cũng có cái gì bất thường, gần như thành tật, không sao sửa được. Vậy

điều kiện căn bản cho sự phát triển bình thường về tinh thần của trẻ là phải được âu yếm, lẽ đó không cần phải giảng nữa. Nhưng tôi nói thêm điều này có lẽ không phải là thừa: không phải tình thương nào cũng làm cho trẻ phát triển lành mạnh đâu, mà phải là một thứ tình thương đặc biệt nó gây được chung quanh trẻ một không khí an toàn kia.

Chúng ta biết rằng trong mấy năm đầu trẻ lần lần xây dựng thực tại, nghĩa là tự tạo ra một ý niệm về bản thân nó và cả thế giới bên ngoài; và nếu người ta chỉ tặng nó một thực tại biến chuyển, không vững, những vật liệu luôn luôn thay đổi thì nó không sao phối trí được thế giới bên ngoài. Hơi có một chút xung đột gì là lòng tin của nó lung lay: một căn nhà bằng giấy và gỗ làm sao chống nổi với đông tố.

Và từ nhu cầu thứ nhất được an toàn đó, chúng ta rút ra được hai qui kết rất giản dị, rất cụ thể dưới đây về giáo dục:

Thứ nhất: Cần có một thái độ vững vàng. Thà làm một người mẹ lúc nào cũng nghiêm khắc, khó tính, còn hơn là làm một người mẹ cảm tình thay đổi, lúc thì cưng con quá mức, lúc thì nghiêm trị nó; lúc thì cho nó rờ vào máy điện thoại, lúc lại cấm, và vừa mới hôn hít vuốt ve nó mà mười lăm giây sau, đã bạt tai nó mãnh liệt.

Thứ nhì: cũng cần có một thế giới ổn định, theo một trật tự, một giờ khắc nào đó. Ở những chương đầu tôi đã nói đến những cái lợi của chính sách đợi trẻ đòi bú hãy cho bú... nhưng theo chính sách đó thì cũng vẫn cần có một thứ thói quen. Mỗi đứa trẻ có một nhịp điệu phát triển riêng. Bé Xuân, hồi mười lăm ngày, cứ hai giờ lại đòi bú, nhưng Bé Yến mới được tám ngày, mà cứ bốn giờ mới đòi bú. Vậy giờ cho bú phải thích hợp với mỗi đứa và mỗi tuổi của mỗi đứa, nhưng mặc dầu vậy, trẻ vẫn còn có những điểm nhất định làm mốc để khỏi lạc trong vũ trụ bí mật đó. Hồi hai tuổi rưỡi nó nhắc ta giữ những thói quen như thành lệ: “Má chưa kéo màn lại kín”, “Má, con thỏ của con đâu, để con ôm nó đi ngủ?”, “Má chưa hôn con”, “Má ru con đi”, chính là vì nhu cầu được an toàn: mất những thói quen đó đi, nó thấy không được vững bụng.

Nhưng không nên cố chấp quá, giữ đúng từng phút những hoạt động của trẻ, như có người đã làm, mà phải đạt được một nhịp điệu để các hoạt động ăn, tắm, nghỉ, chơi, ngủ... của trẻ tiếp tục nhau một cách điều hòa.

Nhu cầu thứ nhì của trẻ là được tự do, độc lập. Ngay từ hồi 8, 9 tháng, lòng khát khao độc lập đó ở trẻ đã biểu lộ, và chúng ta đã thấy nó có thể có nhiều hình thức: cự tuyệt, nổi quạu... Bây giờ chúng ta tự hỏi nên khuyến khích tinh thần độc lập đó cách nào? Làm sao cho trẻ có tinh thần tự do mà đồng thời giúp đỡ nó, vì nó vẫn luôn luôn cần ta giúp đỡ? Vì hồi hai tuổi, nó muốn bận áo lấy thì được chứ không để cho nó ở trần mà chạy dưới mưa được. Về phương diện đó, phải biết phân biệt, cân nhắc trường hợp nào nên ngăn cản, trường hợp nào nên

khuyến khích. Lời khuyên của bà Montessori có thể hướng dẫn ta được. Bà bảo: “phải giúp trẻ làm lấy” nghĩa là ta phải đóng một vai trò tích cực chứ không phải cứ để cho trẻ muốn làm gì thì làm.

Nhu cầu cuối cùng là nhu cầu hiểu biết. Chúng ta biết rằng nhu cầu này cũng có nhiều hình thức và chúng tôi đã để một chương xét cái tính hay hỏi “Tại sao?” của trẻ. Bây giờ tôi muốn tiến sâu hơn nữa, nói thêm rằng trẻ chẳng những cần biết những sự thực thuộc về trí tuệ, mà còn cần biết cả những thực tại về cảm xúc nữa.

Nó cần biết toàn thể đời sống. Vậy phải dạy cho nó hiểu rằng không thể luôn luôn tiếp nhận (như nó trong mấy tháng đầu, lúc đó nó cần phải tiếp nhận), mà còn phải cho nữa, không thể chỉ hưởng thụ thôi mà còn phải chịu cực, chịu đau khổ, và sự thiệt thòi, thất vọng dính liền với thân phận con người.

Vậy muốn dạy dỗ trẻ cho nó nên người thì phải điều hợp vui và khổ, cho nó hưởng thụ mà cũng bắt nó chịu nhịn, chịu thiệt, vì dù muốn hay không thì sau này đời sống của nó cũng gồm cả hạnh phúc lẫn đau khổ. Khó mà có sự quân bình được đấy, và nếu ta thái quá về phía này hay phía khác, chiều nó quá hoặc nghiêm khắc với nó quá thì cũng dễ gây ra tai hại liền.

Đứa trẻ cứ phải chịu nhịn, chịu thất vọng hoài thì lớn lên, nhất định sẽ hóa ra khó tính, tham lam vô độ. Hồi nhỏ không được âu yếm nên bây giờ nó gần như không thể yêu được người khác mà lại cứ đòi mọi người phải yêu nó. Đó là thảm kịch của những trẻ dễ hoang hoặc bị cha mẹ ghét bỏ, luôn luôn khát khao tình yêu mà không bao giờ được thỏa mãn: “yêu tôi đi, yêu tôi đi, dù... dù tôi có ăn cắp ăn trộm, hay dù tôi chẳng đáp lại được chút nào cả”.

Mà đứa bé được nuông chiều quá mức, muốn gì được nấy, cũng không sung sướng gì hơn. Vì sớm muộn gì, một ngày kia nó cũng phải đụng đầu với thực tại và sẽ gặp nhiều nỗi đau khổ, thất vọng ghê gớm mà nó không chịu nổi vì bản tính nhu nhược hoặc vì cá tính nghèo nàn, tầm thường quá. Đời sống, đời sống thực, sẽ hóa ra khổ sở cho nó quá, và trước một thực tại khó chịu ít hay nhiều (có thêm một đứa em mới sanh, bắt đầu đi học, hoặc đau ốm, hoặc người thân mất), nó chỉ tìm cách lẩn trốn, mà hóa ra thần kinh suy nhược, chịu thua nghịch cảnh.

Những lời tôi trình bày ở trên có vẻ phức tạp và hơi khó thực hành. Nhưng chúng ta nên nhớ rằng một cá tính cao đẹp là một công trình nghệ thuật, phải tốn công đào luyện một cách sáng suốt, chăm nom một cách tế nhị với nhiều tình thương, mà không có một phương pháp nào bảo đảm cho ta thành công được!

Chương XV

XUNG ĐỘT HỒI SÁU TUỔI

Giai đoạn sáu tuổi – đúng hơn, là sáu tuổi rưỡi – giống giai đoạn bực mình hồi hai tuổi rưỡi một cách lạ lùng. Nhưng hồi 6 tuổi, trẻ không phải chỉ phản kháng “không, không”, hoặc nổi quạu mỗi khi ta bảo nó làm theo ý ta, như thời trước; bây giờ tiếng “không” của nó rõ ràng có vẻ là thách thức ta, nó cương quyết bảo: “Không, con không làm”, “Má không thể bắt con làm cái đó được”. Và nó có lí, vì tuổi này có thể lí luận với nó được rồi, và như vậy, nó có muốn làm việc gì là tự ý nó, chứ ta không thể ép buộc nó về thể chất được, chẳng hạn bắt nó phải dọn dẹp phòng của nó, lễ phép với em họ nó. Ép buộc nó không được. Nó đã qua giai đoạn đó rồi.

Nhưng ta vẫn còn có thể dùng thuật để dụ nó; và ở tuổi này, con số có một thứ ma lực đối với nó. Đôi khi chỉ cần khiêu khích một đứa bướng bỉnh, bảo nó: “Má coi xem con có dọn dẹp xong không trước khi má đếm tới 20!”, là tức thì nó lăng xăng thu dọn các vật bỏ bừa bãi trong phòng: mảnh giấy vụn, các viên đạn, chiếc khăn, mẩu dây gai vân vân...

Chư vị hỏi tôi: nhưng tại sao hồi năm tuổi nó dễ thương, biết điều như vậy rồi bỗng nhiên bây giờ hung hăng chống lại cha mẹ như con gà trống con vậy, khiến cha mẹ nó phải ngạc nhiên? Tại sao bỗng nhiên nó lại phản kháng, đôi khi tới căm hận nữa? Thành Mạnh đi ngang qua chỗ ba nó ngồi, đá vào tờ báo, càu nhàu: “Cút đi... quần chân tao”. Con Hòa thấy má nó ăn bận rất đẹp đi ngang qua, bảo: “Ngộ dữ...” rồi nó bạt tai con búp bê của nó một cái.

Thái độ của trẻ 6 tuổi tàn bạo, rõ rệt quá, cho nên nhiều khi cha mẹ cũng phải dùng ma lực của con số, nghĩa là đếm cho tới 10^[26] trước khi phản ứng. Thứ nhất là họ phải răn hiểu sự thay đổi đột ngột đó, từ một đứa bé rất dễ thương thành một thằng quỷ nhỏ. Nếu họ hiểu rằng trẻ phản kháng như vậy là trong thâm tâm đương thống khổ, thì họ sẽ khoan hồng với nó hơn, mà có thể nghĩ bụng: “Rồi cái giai đoạn này cũng sẽ qua như giai đoạn trước”. Nhớ rằng trẻ sẽ không hư hỏng hẳn đâu, nó phát triển bình thường thì phải qua giai đoạn ngắn ngủi này, nhớ như vậy thì lòng sẽ dịu xuống, không sầu khổ nữa.

Tại sao giai đoạn sáu tuổi này lại hỗn loạn như vậy? Trước hết, vì tuổi đó là tuổi chuyển tiếp về phương diện thể chất cũng như tâm lí.

Về thể chất, 6 tuổi là tuổi trẻ rụng răng sữa và bắt đầu mọc răng hàm. Trong cơ thể nó có nhiều sự biến đổi hóa học và sức khỏe nó thường kém. Nó dễ mắc bệnh truyền nhiễm, nhất là bệnh sưng tai. Họng và mũi cũng thường đau. Bộ phận thị giác cũng biến đổi. Trọn cơ thể nó đương biến chuyển mạnh.

Về tâm lí, trẻ như một người lội qua sông, mới rời khỏi bờ bên đây (tuổi thơ) và băng qua dòng nước để qua bờ bên kia (tuổi hiểu biết, tuổi yên ổn, nghỉ ngơi, tiềm phục trước khi tới tuổi dậy thì).

Nó phải gắng sức nhiều mà thiếu sự phối hợp cử động, như người mới tập lội, vụng vấy, làm

nước tung toé vào những người lại gần.

Vì vậy mà tình con trai yêu mẹ, con gái yêu cha bớt mãnh liệt. Trẻ sắp đạt tới một mức già giặn. Vì cảm xúc của nó ít bị dồn ép, kém mạnh, nên bây giờ nó có thể biểu lộ ra rõ rệt. Dĩ nhiên tuy nó ghét nhưng vẫn còn yêu cha mẹ, và lòng yêu lẫn lẫn lòng ghét. Nó ghét chỉ vì nó muốn rời cha mẹ, để biến đổi tình quyến luyến ngây thơ, có tính cách “chiếm đoạt”^[27] của nó trước kia, thành một tình yêu bền bỉ, có tính cách “cung hiến” (oblatif). Vậy sự phản kháng của nó ở tuổi này cũng giống sự cự tuyệt ở tuổi trước (hai tuổi rưỡi), nhưng ở một mức cao hơn, và vẫn là một tiến bộ.

Vì trẻ phải thích nghi với một thế giới mới trong nội tâm nó như vậy, nên hồi 6 tuổi, tinh thần nó bị căng thẳng dữ dội: nguyên nhân chỉ có vậy. Mà vũ trụ bên ngoài đối với trẻ cũng biến đổi lạ lùng. Sáu tuổi trẻ vô trường. Trường là một thế giới huyền diệu nó đã muốn biết từ lâu: đó là một dấu hiệu tinh thần nó già giặn thêm; “Bé lớn rồi bé đi học đây”, thế là một vũ trụ khác ghép thêm vào gia đình và làm thay đổi đời sống hàng ngày của nó; vì bây giờ có thêm giờ đi học, giờ về nhà, giờ làm bài, thêm ngày được điểm tốt, ngày bị điểm xấu, ngày nghỉ, vân vân... Bây giờ thêm một tương quan mới, mà ở Vườn Trẻ, nó không biết, tức tương quan thầy trò. Và chính cái liên hệ rất đặc biệt này là nguyên do chính làm cho tinh thần trẻ căng thẳng. Nhưng bình thường ra, cũng chính liên hệ đó sẽ làm cho tinh thần nó phong phú thêm nhiều.

Vì hồi 6 tuổi, trẻ nhận thấy rằng một người khác không phải ba má nó mà cũng có quyền hành đối với nó, biết nhiều điều như ba má nó, có nhiệm vụ giảng dạy những điều đó cho nó, và từ nay mỗi ngày nó sống với người đó hai buổi.

Nhận xét đó làm cho nó kinh ngạc, mà không phải một sớm một chiều mà nó thích ứng ngay được với tình trạng mới đó.

Mới đầu nó lẩn lộn, chưa tách rời được gia đình và trường học, chưa phân biệt được các chức vụ. Nó bảo má: “Má sửa bài cho con đi” hoặc “Má ghi một ngôi sao vào đây^[28]”; nó đem tới trường chiếc xe nhỏ ông nội mới cho để khoe với cô giáo. Mà như vậy cũng dễ hiểu.

Rồi lần lần trẻ nhận định được nhiệm vụ riêng của thầy giáo, sự nhận định đó càng từ từ thì càng có lợi cho sự quân bình của tâm hồn nó. Nghĩa là mới đi học, trẻ cần có một ông thầy yêu nó như cha nó yêu nó, gần như má nó yêu nó nữa...

Tuy nhiên ông thầy không bao giờ được tước đoạt nhiệm vụ của cha mẹ, nhiệm vụ mỗi bên một khác, có vậy tinh thần trẻ mới phong phú lên được. Mà cha mẹ cũng phải hiểu rằng mình không nên làm hộ bài cho con, để nó được lời khen của thầy giáo; và khi hỏi con: “Ở trường hôm nay con làm được những gì?” mà nó đáp: “Chẳng làm gì cả” thì nên hiểu rằng đó là một cách lễ phép để bảo: “Chuyện đó không liên quan tới Ba Má”. Như vậy là nó đã tách rời gia đình

và học đường rồi đấy, đương hiểu rằng hai nơi đó là hai vũ trụ khác nhau; trước kia nó lẫn lộn nơi này với nơi kia, bây giờ nó đem nơi này đối chiếu với nơi kia, và sau này, hồi 8 tuổi, nó sẽ phối hợp hai vũ trụ đó với nhau được.

Nhưng chúng ta cần nói thêm: Trường học là một thế giới kì thú, mà cũng có thể là một thế giới đáng sợ: trong hồi kí đứa trẻ nào, buổi đầu tới trường cũng gần như một ác mộng: “Tôi nhớ lại, hôm đó các đứa con gái khác cười tôi vì chỉ có một mình tôi đi vớ dài và trắng”, “Tôi thấy má tôi ra về và tưởng má sẽ không bao giờ trở lại đón tôi nữa...”, “Tôi muốn hắt hơi mà không có mùi soa, và tôi sợ muốn chết”, “Các bạn cười tôi vì tôi không nói như chúng, tôi nói hay hơn chúng nhiều”.

Trước một cái gì bí mật mình chưa biết, thì ngay người lớn can đảm nhất cũng lo ngại, vậy trẻ lo lắng vô cùng khi bước vào thế giới lạ, như đèn bọ nó, nó không kiểm soát được, đó là điều dễ hiểu. Cũng may chúng ta hiểu được tâm trạng đó của trẻ và chỉ cần đưa một bàn tay âu yếm, tự tin ra đón nó là nó hết lo sợ liền.

Tất cả những điều trình bày ở trên cho ta hiểu rằng có nhiều biến chuyển nội tâm và ngoại giới rất khó chịu tới nỗi đôi khi trẻ không thể không quạu quọ được. Và ta không nên ngạc nhiên rằng hồi 6 tuổi, trẻ hay sợ sệt mà nỗi sợ của nó đạt tới mức cao nhất. Vậy chúng ta phải coi chừng, đừng làm cho tinh thần nó căng thẳng thêm nữa.

Chương XVI

BẢY TUỔI: TUỔI SUY TƯ VÀ HIỂU BIẾT

Trong nền văn minh của chúng ta, từ hồi nào tới giờ người ta vẫn coi thời bảy tuổi là một giai đoạn quyết định của một sự phát triển tâm lí con người. Xưa kia, người ta cho tuổi đó là tuổi trí tuệ bắt đầu nảy nở, ý thức về đạo đức bắt đầu phát sinh và bắt đầu có thể dạy trẻ được, ngày nay người ta cũng cho tuổi đó là tuổi hiểu biết. Như vậy không phải không có lí do. Vì tuy người ta đã chứng minh được rằng trí tuệ của trẻ đã phát sớm hơn tuổi đó nhiều, nhưng quả thực là tới hồi bảy tuổi (đúng hơn là từ 7 đến 9 tuổi), trí tuệ đạt tới một trình độ mới, và trên phương diện hoạt động, trẻ bắt đầu có thể lí luận gần như người lớn được.

Lúc đó nó mới bỏ được phần nào cái lối suy nghĩ mà Piaget gọi là lối “trước thời lí luận”. Trước kia nó không thể phân tích suy tư của nó, chẳng hạn giảng do cách nào mà tìm được lối giải một bài toán rất dễ, thì bây giờ nó đã có ý thức về cách lí luận rồi và nó có thể diễn được từng giai đoạn lí luận ra sao. Cái ý thức về sự ngẫu nhiên, trước kia nó không có, bây giờ đã hiện ra trong khi nó tìm hiểu thế giới bên ngoài. Nó cũng bắt đầu có ý thức về quan hệ nhân quả nữa.

Sự tiến triển trong nội tâm đó, ở thời này có tính cách trí tuệ hơn là cảm xúc, làm cho trẻ bảy tuổi có vẻ nhút nhát, suy tư. Có lúc (nghĩa là trong vài phút chứ không phải vài giờ) nó như là trầm tư. Dù sao nó cũng hướng về nội tâm nó hơn các thời trước.

Vì bảy tuổi là tuổi đồng hóa mãnh liệt. Trẻ để hết tinh thần “tiêu hóa” những kiến thức mới, sáp nhập thế giới ở trường vào cái vũ trụ nhỏ hẹp năm tuổi của nó; nó rón tìm hiểu cả ngàn điều người ta ngăn cấm nó, đi sâu vào cái vũ trụ của luân lí, của tự do mà cũng là của tội lỗi...

Cho nên nó hơi lánh thế giới bên ngoài; thích lẩn trốn hơn là giao chiến, thích cô liêu hơn là tiếp xúc với người lạ, thích rút lui hoặc “hoãn binh” hơn là chống đối ra mặt. Người ta bảo: “Thằng này bây giờ hóa ra nhút nhát”; hoặc hỏi nó, nó không đáp, người ta rầy nó: “Bộ nó điếc hay sao!”, trách nó: “Sao mà chậm rề rề như vậy?”.

Nhưng xét chung, người lớn dễ chấp nhận thái độ của nó thời này hơn là thời sáu tuổi, thời nó tiến từ cực đoan này tới cực đoan khác. Và hồi này nếu coi nó như người lớn thì không nên, có hại đấy. Đừng bảo: “Bây giờ nó bảy tuổi rồi, nó phải hiểu biết rồi chứ”. Tuy nó bắt đầu biết suy nghĩ trước khi hành động, ta cũng đừng nên cho rằng nó phải chịu hết trách nhiệm về những hành động của nó, đừng rầy nó: “Con đã cố ý làm như vậy.”

Nhưng sự biến chuyển nào cũng rắc rối chứ không luôn luôn suông sẻ. Thường thường trẻ bảy tuổi yên tĩnh chứ không ồn, nhưng có lúc nó ồn quá chừng đi: triết nhân tí hon của tôi khi

không bỗng gào hét như một tên mọi trong một cuộc vũ khải hoàn, lột da đầu của địch vậy.

Có lúc nó hung hăng, tàn bạo, trở lại thời nhỏ, chạy từ đầu phòng tới cuối phòng, mở cửa, khép cửa rầm rầm, leo trèo, nhảy nhót, nhón chân xoay tít một vòng như con quay, vân vân.

Hoặc là những hành động phản kháng kì cục. Bình thường nó dễ bảo, tuân lời, quyến luyến thân mật với cha mẹ lắm, rồi bỗng nhiên nó bỏ nhà ra đi (nhưng rồi lại trở về ngay).

Có khi nó tự cho nó là con nuôi của cha mẹ nó: “Này, mày biết không, má tao đâu phải là má ruột của tao. Má ruột của tao là Hoàng hậu Hòa Lan kia!” Cũng may miệng tuy nói vậy mà nó vẫn coi gia đình nó là trung tâm vũ trụ, là tổ ấm nhất của nó.

Vậy từ 7 tới 9 tuổi, quả là một giai đoạn biến chuyển tâm lí, rất quan trọng vì chính trong thời gian tương đối dài đó mà trẻ có ý niệm về đạo đức.

Xét về vấn đề đạo đức của trẻ, vấn đề tế nhị đó, tôi không thể không ngại ngùng. Nhiều nhà tu hành cho rằng vấn đề luân lí thuộc về thần học hơn là tâm lí. Nhưng chính nhà thần học cũng nhận rằng tâm lí học cũng giúp được cho luân lí. Vì chính nhà tâm lí mới nghiên cứu được dễ dàng sự phát triển của lương tâm ở trẻ, nhờ những kĩ thuật dò xét vũ trụ nội tâm của trẻ trước khi trẻ tới cái tuổi làm lễ sám hối đầu tiên.

Chúng tôi sẽ chỉ dùng những công cuộc nghiên cứu nghiêm trang mà tìm hiểu sự phát sinh ý thức luân lí ở trẻ, như vậy chắc khỏi mắc cái lỗi vượt ra ngoài phạm vi của chúng tôi.

Jean Piaget, nhà tâm lí nổi danh Thụy Sĩ mà tôi đã nhắc tên nhiều lần, đã dùng một kĩ thuật độc đáo để phân tích sự phát triển óc phê phán về đạo đức ở trẻ. Nhân viên thí nghiệm kể cho một em nhỏ nghe hai câu chuyện ngắn như dưới đây:

“1. Một em trai tên là Văn, đương ở trong phòng riêng của em. Người nhà gọi em đi ăn. Em vô phòng ăn. Nhưng sau cánh cửa phòng ăn có kê một chiếc ghế dựa. Trên ghế đặt một cái khay, và trên cái khay có mười lăm cái tách. Văn không thể biết được sau cánh cửa có những cái đó. Nó đẩy cửa vô: cánh cửa đụng vào cái khay, thế là mười lăm cái tách rớt, bể hết”.

“2. Hồi xưa có một em trai tên là Hiến. Một hôm má em đi vắng, em muốn lấy keo mút trong tủ. Em leo lên một chiếc ghế dựa, chìa tay với. Nhưng keo mút cao quá, không với tới, và trong khi với, em đụng phải một cái tách. Chiếc tách rớt xuống, bể.”

Chư vị nhận thấy hai câu chuyện đó rất giống nhau, chỉ khác nhau ở cái điểm đạo đức thôi. Nhân viên thí nghiệm kể xong hỏi em nhỏ hai câu này:

1. Hai em Văn và Hiến đó phải có tội ngang nhau không?
2. Hay là nếu một em có tội hơn em kia, thì là em nào có tội hơn? và tại sao?

Phân tích những câu đáp của trẻ có thể biết được trẻ đánh giá phẩm hạnh của các trẻ khác ra sao và do đó, đoán được nó đánh giá phẩm hạnh của chính nó ra sao; tóm lại là biết được trình

độ phê phán đạo đức ở trẻ trong lúc ta hỏi nó.

Ở đây tôi cần nói thêm ngay điều này: ý thức đạo đức có những rễ sâu đã bắt đầu bén trong lòng trẻ từ tuổi thơ. Ngay từ hai tuổi, hai tuổi rưỡi, trẻ đã có cái ý chí tự do “cố ý làm” rồi; nó có ý thức về phép tắc trước khi có ý thức về bốn phạm, có ý thức về tội lỗi trước khi biết ăn năn. Nhưng thực là ý thức đạo đức thì phải tới hồi 6, 7 tuổi mới phát hiện, mà còn hạn chế lắm. Điều đó cho ta hiểu được tại sao Piaget chỉ dùng thí nghiệm trên với những trẻ từ 6 tới 12 tuổi. Nhưng bình thường ra, muốn nghiên cứu cho đủ sự phát sinh ý thức đạo đức của trẻ thì phải bắt đầu từ hồi nó được 9 hay 10 tháng vì ngay từ hồi đó nó đã sống trong bầu không khí phép tắc rồi.

Nhưng chúng ta hạn chế sự tìm hiểu của chúng ta như Piaget đã làm, và đây là kết quả cuộc thí nghiệm của ông. Dĩ nhiên, những kết quả đó tùy thuộc tuổi và hoàn cảnh (tức gia đình trẻ thuộc giới nào, dạy dỗ nó ra sao...) của mỗi đứa.

Trước bảy tuổi, các câu đáp hầu hết đại khái như sau:

“Thằng Văn xấu nhất.”

“Tại sao?”

“Tại nó đánh bể mười lăm cái tách.”

“Nhưng tại sao nó đánh bể?”

“Tại nó vô ý.”

“Thế còn thằng Hiến?”

“Thằng Hiến đã đánh bể một cái tách.”

“Tại sao?”

“Tại nó muốn ăn vụng mút.”

“Thế đứa nào xấu hơn?”

“Thằng Văn, vì nó đánh bể mười lăm cái tách.”

Có đứa đưa ra những lí lẽ khác nhưng kết luận vẫn vậy: thằng Văn vẫn có tội hơn cả (vì nó làm tổn hại nhiều nhất), vậy chính nó đáng chịu phạt nặng hơn. Trẻ chưa nhận định được rằng một hành vi có đạo đức hay không có đạo đức trước hết là do cái ý chí (có cố ý hay không, có thiện ý hay có ác ý). Đối với nó, giá trị của một hành vi chỉ tùy thuộc hậu quả vật chất: đánh bể nhiều tách hay ít, hoặc bị cha mẹ bạt tai nhiều hay ít, mạnh hay nhẹ. Và người ta có thể bảo rằng, hồi 6 tuổi, trẻ cảm thấy có tội chỉ vì nó bị phạt, chứ không vì nó thực sự chịu trách nhiệm về một hành vi xấu xa. Như vậy ta thấy ngay rằng trẻ không có tội mà ta phạt nó thì hậu quả tai hại: thấy bị phạt nó tưởng rằng nó có tội và sau này lớn lên, nó cũng có thể cảm thấy có tội vì những hành vi chẳng có gì đáng chê trách.

Nhưng bình thường, từ 7 tới 9 tuổi, ý thức tội lỗi “khách thể” [\[29\]](#) đó giảm dần đi và tới 10 tuổi thì mất hẳn, và trẻ nhận định được ý chí của hành vi, đứa có tội nhất là đứa muốn ăn vụng mứt, chứ không phải đứa đánh bể nhiều tách nhất.

Sự tiến triển đó xảy ra từ từ, và tùy hoàn cảnh. Không phải là trẻ trả lời được đúng về hai câu chuyện trên kia mà nó đã thành một đứa có đạo đức. Vì nó vẫn còn có thể làm lẫn một luật đạo đức với một phép xã giao, một hành vi hợp lẽ, một sự tuân lệnh, nó vẫn có thể chưa phân biệt được đại đột và tội lỗi.

Chương XVII

TÁM TUỔI: SỰ TIẾN TRIỂN CỦA TINH THẦN HỢP QUẦN

Tôi đã nhiều lần nhấn rằng sự phát triển tinh thần cũng như thể chất của trẻ không theo một đường biểu diễn đều đều, mà trái lại có lúc vọt lên rồi thỉnh thoảng ngừng lại, chạy ngang trong một thời gian dài hay ngắn cũng như leo tới đỉnh núi rồi tới một miền bình nguyên vậy.

Bảy tuổi là một trong những bình nguyên đó, một trong những giai đoạn may mắn để cha mẹ có giờ lấy lại sức, chuẩn bị cho một giai đoạn khó khăn sau. Qua tám tuổi sự yên ổn có tính cách khác.

Vì tám tuổi không phải là một giai đoạn phản kháng, luôn luôn chống đối như cái hồi hai tuổi rưỡi, năm tuổi rưỡi, mà là một giai đoạn bành trướng: trẻ như vượt ra khỏi khung cảnh gia đình, và khó tuân được một kỉ luật hơi nghiêm khắc. Để đánh dấu chu kì thứ nhì của đời sống (từ 6 tuổi tới tuổi dậy thì) Gesell dùng vài danh từ tuy diễn không hết được các nét chính của mỗi giai đoạn, nhưng giúp cho ta dễ nhớ. Ông bảo: Sáu tuổi là tuổi phân tán; bảy tuổi là tuổi suy tư; tám tuổi là tuổi bành trướng. Và ông nói thêm: “Trí tuệ của đứa trẻ tám tuổi luôn luôn mãi chiếm những khu vực mới”.

Trước hết, về thể chất, sức khỏe của nó khá hơn hồi 7 tuổi, nó không mau mệt nữa, tinh thần ít căng thẳng. Và nó thực sự có nhu cầu làm những cử động mạnh bạo. Nó không ngại đánh lộn nữa, trái lại thấy thích và nhiều khi vì đánh lộn mà tìm được bạn thân, vì nó bắt đầu biết mền đứa nào chống cự với nó, ngang sức với nó; có thể nói rằng “tiết tấu” của nó đã thay đổi. Hồi 7 tuổi, nó trì trệ hoặc có vẻ như điếc vì nó chuyên chú vào những cái gì đầu đầu đó, bây giờ nó làm việc gì cũng rất mau... và chỉ làm nửa chừng thôi. Ăn vội ăn vàng, rửa mặt qua loa, bận áo cho mau để rồi chạy đi kiếm bạn chơi, quên cả ly sữa, tay chân dơ dáy, áo xốc xếch. Mà nó không biết rõ những khả năng vận động mới của nó, chỉ muốn làm mau, rất ham hoạt động, thành thử khinh suất. Cho nên tám tuổi, trẻ chết vì tai nạn xe cộ nhiều nhất. Có thể nói rằng tuổi đó, sự phát dục của trẻ có một sinh lực mới, một đà mới, biểu lộ trong ngôn ngữ của nó:

“Con đợi không được”; có khi nó chẳng thèm nói vậy nữa cứ lặng lẽ bỏ đi, vì nói vẫn còn mất thì giờ quá.

Về trí tuệ cũng vậy, nó có những khả năng mới, sự gắng sức và tập trung tinh thần tăng lên, cho nên các nhà giáo dục rất thích tuổi đó. Cơ hồ lòng khao khát tìm hiểu của nó không biết tới đâu là cùng. Không phải nó chỉ hỏi han mà thôi đâu, còn tích cực tìm hiểu những bí mật của thế giới bên ngoài nữa. Cho nên nó muốn biết chế tạo các đồ vật “cách nào”, và nó chăm chú xét chi tiết máy móc, cùng các kĩ thuật của loài người. Cái gì cũng gợi tánh tò mò của nó, làm cho nó say mê và cơ hồ nó muốn đút cái vũ trụ kì thú này vào trong túi nó.

Vì vậy thời đó là trời nhu cầu sưu tập đạt tới mức cao nhất. Một bà mẹ cho hay rằng thấy trong túi đứa con trai 8 tuổi:

một vật gì như hình cái dùi heo, màu xám, cột ở giữa,
một chiếc khăn mùi xoa,
một cuộn dây gai,
một con dao con chó sét một nửa,
một hộp quẹt rỗng,
một miếng sắt để hàn,
một bóng đèn pin,
một chiếc dây giày,
một cây viết chì,
hai cục phấn,
bốn con cò ngoại quốc,
hai cái đinh,
một ngòi viết,
và một mảnh cắt trên nhật báo!

Và khi bà ta muốn liệng những thứ đó vào sọt rác thì đứa con khóc suốt mướt, la lên: “Nhưng con cần dùng tất cả những thứ đó!”

Chúng ta nên nhớ rằng tất đó không phải chỉ do xu hướng chiếm hữu tự nhiên của con người đâu, mà còn do cái nhu cầu vận dụng các đồ đó, và cái nhu cầu tiếp xúc với xã hội. Tuổi đó trẻ sưu tập không phải vì giá trị trao đổi của các vật đâu. Đôi khi cũng có một sự trao đổi như buôn bán thực sự vậy: bán các tấm hình, chân dung các thể thao gia; dụng cụ học đường, nút chai, viên đạn vùn vùn, cha mẹ chúng cho sự mua đi bán lại liên liên đó là kì cục, nhưng đó chính là dấu hiệu trẻ đã đạt được một mức tiến bộ trong sự tiếp xúc với xã hội, trong sự hợp quần.

Về phương diện hợp quần đó, thời tám tuổi đánh dấu một đỉnh cao. Muốn biết sự phát triển

của tinh thần đó ra sao chúng ta cần trở lui về các giai đoạn trước vì bây giờ người ta biết rằng bản năng hợp quần cũng như trí tuệ và cảm xúc, không thành hình xuất hiện vào một tuổi nhất định nào đó đâu: rễ nó đâm sâu từ trong tuổi thơ của trẻ và nó được tình thương của cha mẹ nuôi dưỡng.

Lần tiếp xúc đầu tiên với xã hội (xã hội ở đây hiểu theo một nghĩa rất hạn chế) thường xảy ra từ khi trẻ được hai hoặc ba tháng. Vào khoảng đó, trẻ thấy người lớn nhìn thì toét miệng ra cười. Vậy phản ứng đầu tiên có tính cách đặc biệt nhân bản của em bé đối với người lớn là phản ứng tích cực. Nhưng lúc đó chưa thể bảo rằng nó là một sinh vật hợp quần được; còn phải trải một thời gian lâu, tập tành khó nhọc rồi mới thành một phần tử trong xã hội.

Hồi nhỏ trò chơi giúp cho nó tập tinh thần hợp quần đó. Ông Cousinet bảo rằng trò truyền banh cho nhau tập cho trẻ vừa là nó, vừa là bạn nó, vì trẻ liệng banh cho bạn rồi lại nhận banh bạn liệng lại, đó là sự phân công đầu tiên và là bước đầu tuân phép tắc. Mới đầu chơi cái trò đó cũng khó khăn đấy, vì dễ quên. Thường thấy những em 3 tuổi có khi 4 tuổi bắt được banh rồi giữ lấy, quên hẳn bạn đi, hoặc để trái banh rớt xuống đất vì quên rằng đương chơi, hoặc liệng banh xong lại chạy theo để tranh nhau chụp với bạn. Phải một thời gian rồi nó mới lần lần tự đặt nó vào địa vị của bạn nó được.

Nhận được thì trao lại, tự đặt mình vào địa vị người khác, đó là điều kiện căn bản của đời sống hợp quần.

Đứa trẻ nào 3 tuổi không bao giờ cho mượn đồ chơi, chưa biết cho mượn đồ chơi; đứa trẻ nào 4 tuổi không tìm cách an ủi một bạn đương khóc; đứa trẻ nào 6 tuổi chơi với bạn mà luôn luôn đòi thắng bạn, không thì bỏ, không chơi nữa, tất cả những đứa đó đều chưa đồng hóa được với bạn, chưa cảm thấy được tình cảm của bạn. Có cái gì khiếm khuyết trong sự tiến triển của tinh thần hợp quần của chúng, cái thói tự cho mình là trung tâm đã giam hãm chúng, không cho chúng đồng hóa với bạn.

Chúng ta nên nhớ rằng ngay hồi 7 tuổi, đối với trẻ, bạn chơi nhiều khi chưa được coi là cá nhân: chỉ hơn những đồ vật hữu ích một chút, mà chưa phải là cá nhân riêng biệt. Chúng kết bạn chơi với nhau, thành lập xong một nhóm, nhưng chỉ một lát là tan rã, lại thành lập nhóm khác, thay đổi hoài, không vững bền như những liên hệ gia đình. Chính ông Cousinet nhận thấy rằng, trong sân trường giờ ra chơi, hạng trẻ 7 tuổi thay đổi bạn hằng ngày, không lập được một bạn nào lâu bền.

Nhưng từ 8 đến 9 tuổi thì đã khác. Trẻ đã biết lựa một bạn chơi nào đó rồi, chứ không như trước, gặp bất kì đứa nào cũng cho nhập bọn. Chưa phải là tình thân thiết không chia xẻ với người nào khác được như trong tuổi thiếu niên sau này đâu; nhưng bây giờ bạn đã là một cá

nhân chứ không là một đồ vật hữu ích nữa. Và trẻ 9 tuổi thường có thể thực tình yêu bạn, hợp tác với bạn, tình bạn lúc này có tính cách hỗ tương rồi: Nếu mất một bạn chơi thì nó cũng buồn như người lớn mất một người yêu, và phải một thời gian mới tìm được một bạn chơi khác để thay thế. Thay một đồ chơi thì dễ, thay bạn khó hơn nhiều.

Nhưng tính hợp quần đó còn khuyết điểm, hạn chế. Vì một em trai 8, 9 tuổi chỉ kết bạn được với những đứa con trai khác trạc tuổi nó, chứ không thân được với con gái và những đứa nhỏ hơn nó. Tuổi đó, bọn con trai và bọn con gái nhất định không chơi chung với nhau. Con trai lấy làm hãnh diện rằng được học một trường không có con gái, còn con gái thì chê con trai là dơ dáy, mất dạy, thường hát câu này để giễu con trai:

“Of frogs, and snails and puppy dog’s tails,
That’s what little boys are made of, made of.” [\[30\]](#)

Trai gái không chấp nhận lẫn nhau là điều rất bình thường trong giai đoạn phát triển đó của trẻ; chỉ khi nào giai đoạn đó kéo dài hoài thì mới là bệnh hoạn.

Sau cùng chúng ta nên để ý rằng đại đa số các trường học không chú trọng tới sự phát triển của tính hợp quần hồi trẻ 8 hay 9 tuổi. Người ta thường buộc trẻ ngồi trong lớp phải làm bài lấy, không được chuyện trò với đứa ngồi bên, dù đứa này là bạn thân nhất của nó. Người ta cấm trẻ giúp bạn hoặc nhờ bạn giúp, cấm nó nói với bạn hoặc nghe bạn nói. Chỉ trong giờ ra chơi, người ta mới cho chúng chuyện trò với nhau.

Mà từ hồi 8 tuổi, nhu cầu hợp quần mạnh tới nỗi muốn ra sao thì ra, trẻ nào cũng phải thỏa mãn nhu cầu đó cho được, và buồn thay, chúng phải dùng tới những cách ngoắt ngoéo: “chúng nhắc nhau”, “cóp của nhau”, làm dấu cho nhau, trao đổi những mảnh giấy với nhau, thì thầm với nhau, âm mưu với nhau để chống lại thầy giáo.

Thành thử người ta vô tình dạy cho chúng hợp quần “một cách ngược lại”.

Chương XVIII

CHÍN TUỔI: KHÔNG CÒN LÀ EM BÉ NỮA MÀ CHƯA PHẢI LÀ NGƯỜI LỚN

Hồi chín tuổi cũng như hồi 15 tháng, hồi 2 tuổi rưỡi và hồi 6 tuổi, là tuổi chuyển tiếp, giai đoạn giao thời giữa tuổi thơ và tuổi dậy thì, mà tuổi chuyển tiếp nào cũng có vài nỗi khó khăn. Nhưng những khó khăn ở tuổi này nhỏ hơn hồi 2 tuổi rưỡi hoặc hồi 6 tuổi, vì trẻ bước vào giai đoạn tiềm phục, tức giai đoạn chờ đợi, nghỉ ngơi. Giai đoạn này mà người ta thường đặt vào khoảng từ 9 đến 13 tuổi, có vài đặc điểm có thể áp dụng ngay vào trẻ 9 tuổi được.

Tiếng Pháp latence (tiềm phục) do chữ La-tinh latens, có nghĩa là giấu; còn tiếng Anh latency

có nghĩa là một thời gian trước khi xảy ra cái gì. Cả hai nghĩa đó đều đúng với giai đoạn từ 9 tới 13 tuổi. Vì một mặt, người ta nhận thấy rằng giai đoạn phát triển tinh thần đó thường yên lặng hơn những giai đoạn trước nhiều. Trong một dưỡng đường nọ người ta đã phân phối các trẻ theo tuổi và thấy rằng từ 2 tới 4 tuổi, có nhiều trẻ khó bảo khó nuôi nhất, rồi hạng thiếu niên từ 14 đến 16 cũng kì cục, khó dạy, còn hạng trẻ từ 8, 9 tuổi tới 12, 13 tuổi thì dễ tính hơn.

Các xung động mạnh mẽ cơ hồ như ẩn tàng thêm thiếp đi. Trẻ 9 tuổi không còn dao động giữa tình yêu và lòng oán như hồi 5, 6 tuổi nữa; có thể nói rằng bộ máy phát triển rất tế nhị của nó được chùi dầu mỡ rồi, chạy trơn tru hơn. Nó ít kì cục, có lẽ ít dễ thương hơn hồi 7 tuổi, nhưng nó hòa hợp với người chung quanh hơn và người ta cảm thấy nó cũng biết điều như nhiều người lớn vậy. Nó đã gần là một người lớn.

Mặt khác, chúng ta biết rằng giai đoạn dễ chịu đó chỉ nhất thời thôi, chỉ là một giai đoạn tiềm phục, chờ đợi, và tiếp theo là thời bộc phát của tuổi dậy thì.

Nhưng chúng ta nên để ý rằng không phải đứa trẻ nào từ 9 đến 13 tuổi cũng ngoan ngoãn cả đâu. Một số trái lại, đã để lộ những triệu chứng khó chịu đầu tiên rồi. Sự xung đột đã có từ trước, nhưng đợi tới tuổi đó mới phát thành những hình thức dưới đây:

đái dầm mỗi đêm, y sĩ trị cách nào cũng không hết;

hoặc có chứng giật gân, mới đầu chỉ chút xú, không ai thấy, sau thành một cái tật;

hoặc ăn cắp vặt ở trường, ở nhà, cả ở hội hướng đạo nữa;

hoặc trốn nhà đi, làm cho cả nhà hoảng hốt, báo với cảnh sát; nhưng thực ra chẳng có gì đáng ngại lắm, chỉ như tật đái dầm vậy thôi.

“Tuổi này” cha mẹ càng ngày càng khó tự nhủ rằng: “Rồi những tật đó sẽ hết”, vì có nhiều trường hợp những tật đó không hết, và cha mẹ đâm lo lắng, phải nhờ các nhà tâm lí hoặc phân tâm học xét trẻ cho. Nhưng tôi xin lặp lại rằng trường hợp đó chỉ là lệ ngoại, còn bình thường ra, giai đoạn tiềm phục vẫn tương đối dễ chịu cho cả cha mẹ lẫn các nhà giáo dục.

Không có những rắc rối, khó khăn, đó mới chỉ là một đặc điểm tiêu cực của thời 9 tuổi. Ngoài ra còn ba đặc điểm tích cực nữa chúng ta cần phải xét mới hiểu được tại sao giai đoạn đặc biệt đó lại dễ chịu cho cha mẹ và các nhà giáo dục.

Trước hết người ta nhận thấy rằng sức mạnh và sinh lực của trẻ ở tuổi đó đạt tới mức cao nhất. Tử suất vì bệnh tật cực thấp mà sức chống cự với các vi trùng trái lại rất cao, hồi 10 tuổi còn cao hơn hồi 9 tuổi nữa. Trẻ vẫn tiếp tục chú ý tới thân thể nó: xấu đẹp gì, cái đó không quan trọng (tới tuổi dậy thì mà thân hình, dong mạo xấu xí mới tai hại), quan trọng là bắp thịt phải nở. Hồi 9 tuổi, mạnh nhất lớp còn thích hơn là thông minh hoặc đẹp trai nhất lớp.

Con gái cũng thích thể thao như con trai. Tuổi này là tuổi chơi những trò cần hợp nhau thành

đội. Mà tài thể tháo của trai gái thời này không khác biệt nhau lắm: con gái cũng có thể thành công như con trai trong khi chơi chung... Nó làm bộ vẫn khinh bọn con trai là mất dạy và dơ dáy; nhưng đã bắt giắc nhiều hay ít, ước ao được như con trai và bắt chước những điều bộ mạnh mẽ như con trai. Nhưng nó có thể bỏ trái banh mà ngồi khâu một cái áo cho búp bê, rồi lại bỏ búp bê để leo lên chiếc xe đạp.

Cái nhu cầu lớn lao tiêu phí sinh lực làm cho trai và gái đều thích thể tháo đó, thường gây một sự xung đột giữa trường học, gia đình và trẻ, vì ngược hẳn với những đòi hỏi của chương trình học mỗi ngày mỗi nặng thêm, cấp bách thêm. Cũng may, sức mạnh của trẻ tăng lên, đồng thời trí tuệ của nó cũng phát lên mạnh mẽ, cho trên vẫn cân nhau mà trẻ giữ được sự quân bình.

Chính nhờ sự quân bình đó mà giai đoạn tiềm phục này là một giai đoạn điều hòa, trẻ rất dễ học hành, chẳng những kí tính rất mềm dẻo (trẻ học thuộc lòng rất mau), rất phát triển (đạt tới cực độ hồi 13 tuổi), mà trẻ còn ham hiểu biết nữa, có thể gắng sức liên tiếp lâu được.

Hồi tám tuổi, trẻ đã có thể tận lực làm cho xong một công việc tới nổi mười phút sau có thể mệt lử, hồi chín tuổi nó biết gắng sức đều đều, tiến vừa vừa thôi. Đương cất một cái cầu nó tạm bỏ đó, nghỉ ngơi, đi coi em nó làm gì một lát đã rồi trở về gắng sức làm tiếp. Khi say mê công việc nó có thể làm liên tiếp hai giờ, hoặc hơn nữa, mà không nghỉ. Lại thêm nó có ý thức mới về trách nhiệm: hồi 9 tuổi, người lớn đôi khi phải nhắc nhở nó tới giờ làm bài, học bài; từ 10, 11 tuổi trở đi, nó biết tự lãnh lấy trách nhiệm, thành thử thường có thái độ nghiêm trang trong công việc hơn là có thái độ chơi giỡn.

Chương XIX

MƯỜI TUỔI: NHẬP BỌN

Trẻ càng lớn lên thì năm trước và năm sau càng hòa với nhau, không có những thay đổi quan trọng, đặc biệt để cho chúng ta nhận rõ như khi trẻ còn nhỏ nữa. So sánh một đứa bé hai tuổi với một đứa một tuổi thì mười hai tháng cách nhau đó là một giai đoạn rất lớn, nhưng so sánh đứa 10 tuổi với đứa 9 tuổi thì thời gian đó chẳng quan trọng gì bao nhiêu, sự khác biệt của hai đứa giảm đi nhiều tới nỗi có thể dễ dàng lẫn lộn tuổi nọ với tuổi kia.

Vậy cứ theo năm tháng thì trẻ càng lớn càng khó tìm được những nét rõ rệt được; và từ đây trở đi chúng ta phải xét theo từng giai đoạn phát triển, mà giới hạn giữa hai giai đoạn liên tiếp vừa mơ hồ vừa dao động. Chẳng hạn những xu hướng tôi sắp tả đây tuy thuộc vào hồi 10 tuổi, nhưng tới hồi 12, 13 tuổi hoặc trẻ hơn nữa, cũng vẫn còn. Nhưng vào hồi 10 tuổi, chúng mới có một hình thức rõ rệt: tôi muốn nói tới xu hướng nhập bọn.

Các kì trước chúng ta đã biết rằng trẻ 8 hay 9 tuổi đã có tính hợp quần rồi, đã gia nhập một nhóm nào đó và yêu những bạn trong nhóm rồi. Nó đã biết tình bằng hữu và bạn chơi nào mà nó mến nhất đã đóng một vai trò quan trọng trong đời nó rồi; nhóm của nó đối với nó cũng quan trọng nữa, nhưng chưa bằng hồi 10 tuổi; nhóm đó chưa có những nét đặc biệt để có thể gọi là một “bọn”^[31] được. Chẳng hạn nhóm đó có thể chấp nhận một người lớn hoặc một đứa lớn tuổi hơn. Trẻ 8 hay 9 tuổi vui vẻ xin một bậc đàn anh làm trọng tài trong khi chúng chơi, chúng biết rằng có người làm trọng tài thì đỡ lộn xộn.

Tới 10 hoặc 11 tuổi, tình thế thay đổi. Nhóm của trẻ mất tính cách lỏng lẻo đi; cơ cấu chặt hơn, có những luật lệ rõ rệt hơn và có thêm vài nét đặc biệt mà trẻ giữ được trong nhiều năm. Chúng ta cần biết những nét đặc biệt đó nếu muốn hiểu tâm lí của đứa trẻ phát triển bình thường từ 10 đến 13 tuổi. Vì trẻ nào bình thường thì ở giai đoạn này cũng gia nhập vào một nhóm, nhóm đó có thể là:

tất cả bạn học cùng một lớp hoặc một số bạn đó thôi,
một bọn nối khố với nhau, đi đâu cũng có nhau,
một “bọn” có những hành động chống đối xã hội, sau này có thể thành thiếu nhi phạm pháp,
hoặc một nhóm hướng đạo sinh.

Nhu cầu nhập bọn của tuổi đó mãnh liệt tới nỗi đứa nào thích cô độc, thích chơi một mình, sống một mình, thì chắc chắn là mất thăng bằng về tâm lí.

Vậy chúng ta thử tìm những yếu tố căn bản của cái “bọn” (gang) đó để xem nó dựng trên những cơ sở tâm lí nào.

Yếu tố quan trọng nhất là “tinh thần đoàn thể”: trẻ không hành động với tư cách cá nhân nữa mà với tư cách một phần tử của đoàn thể.

Đứa trẻ 10, 11 tuổi dễ tuân lệnh của đoàn thể, của “bọn” một cách lạ lùng: trước kia, hồi 6 hay 7 tuổi, nó hơi khoái chí rằng nó không giống những đứa khác, bây giờ nó lại muốn làm sao giống “y hệt những đứa khác”. “Má, bạn con đứa nào cũng có một cái nón nồi màu đỏ, má mua cho con một cái” – “Má, trong bọn con, chỉ có một mình con là còn tóc bím, má cắt cho con đi”.

- “Ba, con có thể đổi tên được không, ba? Cả lớp chỉ có mình con tên là Bường.”

Tinh thần đoàn thể là dây liên kết những đứa cùng bọn, và trong một thời, liên hệ đó còn mạnh hơn liên hệ gia đình nữa. Trẻ trung thành với nhóm hơn là với gia đình, và cha mẹ càng ngăn cản thì chỉ càng làm cho tinh thần đoàn thể đó vững thêm thôi. Vì chính sự xung đột, sự chống đối của người ngoài làm cho bọn chúng kết chặt nhau lại.

Chẳng hạn vì xung đột với thầy giáo mà lớp học thành ra nhất trí với nhau. Đứa nào yêu thầy và được thầy yêu thì bị coi là phản nghịch. Hồi 10 tuổi mà được thầy cưng gì có thể tai hại.

Cũng vậy, nhờ có sự chống đối với một bọn khác, “bọn con nít mắc dịch chà và ở đầu phố”, hoặc với cảnh sát, với một nhà cầm quyền nào đó, với “mụ già ghét con nít, có khu vườn đẹp nọ”, mà tình đoàn kết của chúng mới mạnh lên; không có một sự chống đối chung thì khó mà chúng đoàn kết nhau được. Tuổi đó, dễ “cùng nhau chống đối” hơn là “cùng nhau bênh vực”, dễ đồng lòng phản kháng hơn là đồng lòng cộng tác xây dựng một cái gì.

Một yếu tố căn bản nữa của “bọn” là một số nghi thức đặc biệt nào đó: tiếng lóng, hội họp kín, bắt tay nhau theo một lối riêng, cột khăn quàng cổ hoặc đội nón theo một kiểu riêng, làm lễ nhập bọn một cách bí mật. Và cả một lối tin tưởng chung giữ rất kín, không cho những đứa ở ngoài bọn biết, vì cho tụi “lạ” đó biết tức là phá tin tưởng rồi – mà hễ là “lạ” thì tự nhiên là kẻ thù của bọn. Chúng coi những bí mật của bọn là thiêng liêng, nhiều khi chúng còn chích huyết ăn thề nữa.

Yếu tố cuối cùng là có một địa hạt riêng, có thể là hội trường hướng đạo, hoặc một cái lùm cây, một trại cưa, một khu đất hoang, một góc phố, một cái hang ở bờ biển.

Địa hạt đó thuộc riêng về bọn, có một địa vị rất quan trọng tới nỗi một đứa có thể bỏ bọn của “thằng Xuân mập” vì nó đã dọn qua ở bên kia đường mà bên kia đường thuộc về “bọn của thằng Vinh”.

Tinh thần đoàn thể, nghi thức đặc biệt, tin tưởng chung, địa hạt riêng, đó là bốn yếu tố mà cơ cấu nội bộ của nhóm nào cũng có đủ, trong giai đoạn tiềm phục của trẻ.

Cần nói thêm rằng gọi là bọn thì ít nhất phải có ba đứa. Thường thường, các “bọn” của con gái chỉ hạn chế như vậy thôi, nhưng phe con trai thì mỗi “bọn” có ít nhất là sáu, bảy đứa, có thể tới mười đứa, ít khi hơn. Lại thêm, trong bọn không có lẫn lộn trai gái, vì cũng như hồi 6, 7 tuổi, trẻ thời này, trai không chấp nhận gái, gái không chấp nhận trai. Đứa nào trong bọn mà tỏ vẻ dễ thương với bọn con gái thì bị cả bọn khinh bỉ, có khi bị đàn anh trừng phạt nữa. Con gái mà muốn được chấp nhận vào một “bọn” của con trai thì phải ngổ ngáo như con trai, phải tài ba lắm liệt, chẳng hạn leo cây không kém bất kì đứa nào, hoặc vật được một đứa con trai trong bọn. Nhưng nếu chẳng may, cô ả mà lại say mê “anh hai” trong bọn, thì thôi, kể như tiêu: cả bọn sẽ trục xuất cô ả.

Nhưng trẻ họp bọn như vậy, dù là trong hình thức nào, cũng chỉ là để biểu lộ (nhiều khi bằng một cách rầm rộ) những nhu cầu thầm kín của chúng trong giai đoạn tiềm phục. Cho nên chúng ta cần tìm hiểu những nhu cầu đó.

Do đó cần trở lại một vấn đề quan trọng mà ta đã xét trong vài giai đoạn trước: vấn đề độc lập, tự do của trẻ. Vì từ 10 tới 13 tuổi, trẻ sở dĩ nhập bọn là để cùng một lúc thỏa mãn hai nhu cầu trái ngược nhau: nhu cầu tùy thuộc và nhu cầu độc lập.

Chúng ta đã biết rằng vào những tuổi đó, trẻ phi được hoàn toàn thỏa mãn vì một tình bằng hữu đặc biệt nào đó (tình này có tính cách đặc biệt đa cảm, luôn luôn một trong hai đứa chi phối hẳn đứa kia), còn thì đứa trẻ nào bình thường cũng thấy có nhu cầu phải gia nhập vào một nhóm.

Nhu cầu này mạnh hơn hết các nhu cầu khác, và khi bị nhóm trục xuất thì trẻ thấy đau khổ về tâm lí, có thể suốt đời có cảm giác bất an toàn trong sự giao thiệp với xã hội.

Lại thêm, trẻ tuân lệnh của nhóm một cách hoàn toàn, vô hạn. Hễ đứa chỉ huy làm gì thì tất cả những đứa khác phải làm theo, và cái gì mà mọi đứa cùng làm thì cái đó thành luật lệ của nhóm. Trẻ bất tuân lệnh cha mẹ chớ không dám bất tuân lệnh bạn bè: được cả nhóm khen, nó hãnh diện, bị nhóm chê, nó tủi nhục; còn sự phán xét của gia đình, đối với nó, không quan trọng bằng.

Chúng ta nên nhớ rằng một số người lớn không bao giờ vượt khỏi được cái giai đoạn hợp quần đặc biệt đó. Họ chỉ sung sướng khi họ cảm xúc, suy tư như người chung quanh và nhu cầu được tán thành của họ mạnh tới nỗi không bao giờ họ dám chống đối với nhóm của họ cả. Ngay những tiêu chuẩn đạo đức của họ cũng thay đổi tùy theo nhóm họ gia nhập, có những hành động khi ở trong nhóm này họ theo bạn mà làm, rồi qua nhóm khác, không dám làm nữa vì nhóm không chấp nhận.

Tuy nhiên, mới xét qua thì có vẻ như ngược đời, sự gia nhập vô một nhóm chẳng những thỏa mãn nhu cầu tùy thuộc mà còn thỏa mãn nhu cầu độc lập của trẻ nữa. Vì nhờ vô nhóm mà trẻ ở tuổi đó rán thoát li khỏi gia đình, trở nên độc lập. Được nhóm tán thành, nó thấy vững lòng mà dám coi thường gia đình. Dĩ nhiên cách đó không ổn đáng, nhưng tạm thời có công hiệu; nó đưa luật của nhóm ra để chống đối luật của gia đình.

Nó rán tách biệt xã hội người lớn ra khỏi vũ trụ của nó, và từ nay nó gạt bỏ người lớn trong các trò chơi của nó (...)

Nhưng mặt khác, tuy gạt bỏ người lớn, trẻ 10, 11 tuổi vẫn luôn luôn bắt chước người lớn, và xét chung các hoạt động của nó rập theo hoạt động của người lớn. Nó lén lút hút thuốc, chơi thò lò, kể những truyện rất thô tục, và nhiều khi có một hoạt động chống đối xã hội để tỏ ra mình cũng người lớn đây. Nhờ “bạn” giúp sức, nó ăn cắp để tự chứng tỏ với chính nó rằng nó chẳng sợ gì cả, đã trưởng thành, già giặn rồi; nhưng nó ăn cắp kẹo, trái cây, rượu ngọt nhiều nhất vì vẫn thích những thứ đó như hồi còn bé. Nó luôn luôn rán xâm nhập vô cái xã hội cấm đoán của người lớn, và khi nó thí nghiệm về tính dục thì hầu hết là do tò mò và ngu dốt.

Sau cùng, sự gia nhập vô nhóm còn thỏa mãn một xu hướng khác, rất đặc biệt ở tuổi đó, tức xu hướng chuyển mộng ra thực. Người ta nhận thấy rằng trẻ 10, 11 tuổi, rất dễ từ khu vực

tưởng tượng chuyển qua khu vực hành động. Đó là hậu quả khuynh hướng thực tế rất rõ rệt và đặc biệt của tuổi đó chăng? hay là hậu quả sự kém phân biệt được mộng và thực? Dù sao thì vào tuổi đó, trẻ đôi khi cũng sống cái mộng của nó một cách thực tế lạ lùng. Nó không phải chỉ tưởng tượng các cuộc mạo hiểm làm tướng cướp, mà nó còn đóng một chiếc bè rồi một buổi chiều hè nào đó, cùng với đồng bọn xuống bè thả trôi, để bị cảnh sát tóm cổ cách đó một quãng. Một mình thôi thì trẻ chỉ có thể mơ mộng hão huyền, nhưng được đồng bọn nâng đỡ thì nó có thể sống cái mộng của nó trong thực tế được.

Và có lẽ nhờ những cuộc mạo hiểm kì thú đó mà hầu hết chúng ta đã trải qua ít nhất là một lần, nên những hồi kí về những bạn chơi hồi 11, 12 tuổi mới gợi trong lòng ta một niềm nhớ nhung day dứt như vậy.

Chương XX

VINH VÀ KHỔ CỦA NGHỀ LÀM CHA MẸ

Tới bữa nay nữa là chấm dứt loạt câu chuyện về sự phát triển tâm lí của trẻ em. Chúng ta đã xét hai chu kì của đời sống; mới xét đại khái thôi, phải nhận như vậy, vì trong mỗi giai đoạn, chúng ta chỉ lựa những nét điển hình nhất, biểu lộ nhất. Vì vậy chúng ta không thể xét riêng từng em nào được, và nhiều khi, tả một hiện tượng phát triển nào đó, nhớ tới một em tên Liên hay tên Mẫn, chúng ta không thể không nghĩ bụng: “Phải, tất cả những cái đó đúng đấy, nhưng...”, mà tiếng “nhưng” này bao hàm nhiều mâu thuẫn đấy.

Những nét tôi đã tả trong mỗi giai đoạn không nên coi là những tiêu chuẩn cố định hoặc những mẫu mực, chỉ là những nét chung cho đại đa số trẻ em trong giai đoạn đó thôi. Nhưng mỗi đứa còn một lối phát triển riêng, nó là một hiện tượng duy nhất trên thế giới, vì mỗi đứa là một cá nhân độc nhất vô nhị. Chưa có cách nào sản xuất được một nhân loại theo từng loạt như sản xuất các máy móc.

Ngay những trẻ sinh đôi y hệt nhau, nghĩa là những trẻ do một cái noãn (trứng) thụ thai tách ra, cũng có thể phát triển khác nhau, mặc dầu những điều kiện di truyền và hoàn cảnh ngoại giới như nhau. Và ở Mĩ, cứ 90 lần sanh thì có 1 lần sanh đôi. Vậy thông thường thì ngay từ khởi điểm, tiềm năng đã khác rồi. Vật nào trong thiên nhiên cũng vậy hết (tuyết, có tinh thể nào y hệt tinh thể nào đâu; cùng một loài cá mà có con nào y hệt con nào đâu). Luật thiên nhiên bất nhất và vô thường^[32] Từ mấy năm nay, khoa tâm lí hiện đại và môn tân giáo dục không ngớt nhấn mạnh vào điểm: mỗi cá nhân có những nét riêng đặc biệt: chúng ta hiểu rằng dù biết rõ những qui tắc chung trong sự phát triển bình thường của tâm lí, thì cũng không khi nào có thể nhồi em Lan, em Định, em Quý, em Minh vào chung trong một khuôn được. Các phát kiến của khoa tâm lí học ngày nay đã lật đổ cái huyền thoại “trẻ là cục sáp”, cha mẹ và các nhà giáo dục

muốn nặn thành hình gì cũng được. Bà mẹ nào mà bảo: “Con cái cũng như cái bàn, cái ghế, muốn sơn màu nào cũng được”, là bà đó sống trong một thế giới ảo tưởng.

Vậy mỗi trẻ có một lối phát triển riêng biệt về phương diện thể chất cũng như về phương diện tinh thần. Người ta không thể nói, không được nói: “Đúng 1 tuổi thì trẻ phải cân được bấy nhiêu kí, uống bấy nhiêu gam sữa.” Dĩ nhiên có một mức trung bình cho ta nhận định được đứa này gầy quá đứa kia mập quá, nhưng mức đó chỉ có thể cho ta nhận định được thế nào là thái quá, thế nào là bất cập, thế thôi. Trong nhi khoa (pédiatrie) nên bỏ các con số đi hoặc càng dùng ít càng tốt, để tránh cho các bà mẹ ít tuổi khỏi lo lắng. Có biết bao nhiêu bà hoảng hốt khi thấy đứa trẻ mới sanh bú vài ba chục gam sữa, kém con số y sĩ đã định. Tôi còn nhớ một thiếu phụ nọ kêu điện thoại mời y sĩ lại: “Vì, thưa bác sĩ, tôi ngại quá, bác sĩ bảo mỗi ngày cháu bé phải lên được 30 gam, mà hôm nay nó chỉ lên có 15 gam thôi.”

Về sự phát triển tâm lí nhiều bà mẹ cũng lo lắng như vậy: “Con trai tôi thông minh kém chị nó; cùng dùng một trắc nghiệm, thương số tinh thần của nó là 110 mà của chị nó là 112”. Khác nhau có hai điểm, có nghĩa lí gì đâu; khốn nỗi cha mẹ mấy người hiểu được điều đó và suốt đời cứ đinh ninh rằng đứa này không thông minh bằng đứa kia. Ôi! cái thói dán nhãn lên một người và so sánh, thật là tai hại!...

Về phương diện đó, có một hoàng kim qui tắc: không bao giờ được so sánh một đứa trẻ này với một đứa khác vì không có tiêu chuẩn gì chung để so sánh được. Chỉ có thể so sánh trẻ với chính nó thôi. Biết nó có thể làm được tới đâu, thì phải buộc nó làm đúng sức của nó. Chính nó phải là mẫu mực của nó, tới giai đoạn phát triển nào đó thì nó phải gắng sức đạt được mức độ già giặn nào đó.

Chúng tôi biết khó mà tránh mọi sự so sánh được, nhất là khi có nhiều trẻ trong nhà. Nhưng khó thì cũng phải rán chống cự lại thói đó cũng như nhiều thói khác nữa thì mới làm trọn nhiệm vụ giáo dục được.

Để kết luận, tôi nghĩ nên ghi vài nỗi nguy hại chúng ta thường gặp trong nhiệm vụ làm cha mẹ. Những nỗi nguy hại đó nhiều lắm, tôi chỉ xin kể những cái nguy hại trực tiếp cho trẻ thôi; chỉ cần nhận định được những nguy hại đó, nhiều khi cũng đủ tránh được rồi.

Có sự căm dỗ này vào hạng âm hiểm nhất, (âm hiểm có lẽ vì nhiều khi cha mẹ không ý thức được) là muốn cho con được y như mình mong ước trong lòng. Nó còn là cái thai nằm trong bụng mà ta đã tưởng tượng nó ra sao rồi: trai hoặc gái, trắng trẻo hay không, sẽ giống hệt cha mẹ nó hoặc trái hẳn cha mẹ nó. Và đôi khi những mơ ước của ta rõ rệt lạ thường. Cái thai mới bắt đầu biết cựa ở trong bụng, mà người mẹ đã thấy nó leo những bậc vô Quốc hội rồi, “vì nó sẽ làm luật sư – trước kia, khi đậu Tú tài tôi ước ao được làm luật sư – nó sẽ làm luật sư và một

ngày nào đó làm Thủ tướng.”, hoặc: “nó sẽ làm mục sư”. Quyết định trước như vậy rồi.

Nhưng chính người cha làm luật sư thì lại nghĩ: “Nó sẽ là kiến trúc sư hoặc họa sĩ... trước kia tôi có tài vẽ. Nó sẽ thực hiện được cái mộng của tôi.”

Cha mẹ nhiều khi bất giác xây dựng trước cuộc đời cho con. Và sau này họ sẽ thỏa mãn hay thất vọng tùy đứa con có đáp ứng được những mơ tưởng của họ hay không.

Cha mẹ nào mà khỏi mơ mộng, khỏi ước mong điều này điều khác cho con? Mơ thì mơ, nhưng phải rón dưng để cho ước mơ của mình tác động vào thực tại, vì cuộc đời của con ta là một sáng tạo riêng của nó chứ không phải là một tái tạo của chính đời ta.

Hễ tôn trọng cá tính của trẻ thì cha mẹ dễ cởi bỏ được lần lần những ước mơ trong lòng mình mà quyến luyến với con, nó làm sao thì yêu nó làm vậy. Mà cái đó bao giờ cũng phải tuần tự.

Không phải chỉ trong vài giờ, khi sanh con, là chúng ta thành cha hoặc mẹ ngay đâu. Muốn thực thành cha mẹ – theo ý nghĩa đầy đủ của tiếng cha mẹ – thì phải ngoài hai chục tuổi, và phải tập tành lâu.

Vậy sự cảm dỗ thứ nhất cần phải tránh là đừng coi đời của con chỉ là một sự tiếp nối của chính đời mình, mà phải coi là một cuộc đời hoàn toàn mới, có số phận riêng của nó.

Cảm dỗ thứ nhì là quá yêu con, coi nó như một vật sở hữu của mình.

Có nhiều trẻ bị cha hoặc mẹ, hoặc cả cha lẫn mẹ hất hủi. Tuy ít người đánh đập, gây thương tích về thể chất cho con, nhưng số người vì tàn nhẫn gây thương tích tinh thần cho con thì nhiều vô kể. Họ không dám bỏ thí con, giao chúng cho người lạ, nhưng ngày nào cũng gạt bỏ chúng ra khỏi lòng họ, tới nỗi trẻ hóa ra đói khát tình cảm. Xin chư vị nhìn chung quanh mà coi. “Đứa bé này không bao giờ được cha yêu cả, vì cha mong có một đứa con gái mà lại sanh một đứa con trai nữa”, “Đứa kia nhằm lúc cha mẹ đã không muốn có con nữa, mà ra đời”, hoặc “cha mẹ chưa muốn có con mà ngẫu nhiên sanh ra nó”. “Đứa này bị mẹ ghét bỏ vì chẳng may nó giống cha nó như đúc, mà tình âu yếm giữa cha mẹ nó đã biến thành tình căm hận”, hoặc “Nó xấu xí quá”, “Nó ngu xuẩn quá”, “Nó tàn bạo quá”. Trong đa số trường hợp, những cái nhãn người ta dán vào trẻ đó không đúng sự thực, chỉ là những cái cớ để cho cha mẹ ghét bỏ con mà khỏi cảm thấy mình có tội. Và nhiều đứa trẻ bị cha mẹ ghét bỏ, giao cho dưỡng đường săn sóc (hạng trẻ đó luôn luôn bất quân bình về thể chất hay tinh thần) lại có một thương số tinh thần rất cao, khiến cho cha mẹ phải ngạc nhiên: “Cái thằng ngốc đó mà lại thông minh xuất chúng như vậy sao?”

Vậy tình cha mẹ yêu con không phải tự nhiên mà có, không nhất định phải có đâu; dĩ nhiên, nó là một tình cảm tự nhiên, tự nhiên cũng như cái khuynh hướng hợp quần, hoặc cái bản năng quần cư, nhưng muốn cho nó nảy nở thì cần có một số điều kiện, và cũng như mọi bản năng

khác, nó có thể sai lạc đi.

Chúng tôi không có ý trách các cha mẹ bỏ bê con cái đâu: hầu hết những vị đó đều khổ và lỗi không phải do họ. Vì, trẻ không được cha mẹ yêu là một thảm kịch thì cha mẹ không yêu con cũng là một thảm kịch, và trong đa số trường hợp, chính những cha mẹ đó hồi nhỏ cũng đã là những em bé bị bỏ bê.

Những sự thực đó đau lòng đấy, nhưng chúng ta phải biết để mới hiểu được rằng một cách làm hại cho trẻ nữa là yêu nó quá, yêu nó không phải lỗi, quyến luyến nó quá, coi nó như một vật vô cùng quý báu của mình, không rời nó ra, không muốn cho ai cướp nó trong tay mình. Cái tật đó, tật coi con như một vật sở hữu, mới là một sự cám dỗ mà hầu hết các cha mẹ mắc phải.

Trong hai chục năm cha mẹ hi sinh hết thảy cho con: săn sóc nó suốt ngày đêm, bỏ hết các thú vui của mình vì nó, chịu bao nhiêu đau khổ vì nó, đem hết cả sức lực, tinh thần, kinh nghiệm ra nuôi nấng, dạy dỗ nó, làm việc gì cũng là vì nó cả, vậy mà nó cứ chuẩn bị, từng ngày từng ngày một, để xa lìa, tách khỏi mình ra, chẳng nghĩ tới chuyện đền đáp bao nhiêu công ơn của mình, chỉ sẵn sàng hi sinh lại cho lớp sau.^[33] Cái sự thực đau lòng mà cha mẹ nào cũng cần phải nhận định cho rõ đó, có thể diễn bằng câu này được: con ta không phải là con của ta. Trời Phật cho ta mượn nó đấy, và bất kì lúc nào muốn đòi lại thì đòi. Nếu trước khi sanh con mà chúng ta đã hiểu thấu, thâm tín chân lí đó thì chúng ta sẽ dễ chấp nhận được những hạn chế trong nhiệm vụ làm cha mẹ. Chúng ta sẽ nhận rằng phần lớn nhiệm vụ đó chỉ là tập cho trẻ có thể tự lập, không cần nương tựa vào ta nữa. Chúng ta phải thú thực rằng cơ hồ không sao tránh được cái ý muốn coi con cái là vật sở hữu của mình; chỉ có thể bỏ lần lần cái ý muốn đó được thôi, nhờ tinh thần khoáng đạt.

Và để kết luận, tôi xin thưa rằng muốn có tinh thần thực tế đừng để cho những mơ ước chi phối mình, với tinh thần khoáng đạt đó, cha mẹ phải tu thân, tinh luyện nhiệm vụ làm cha mẹ, rồi dần dần mới biết trọng cá tính của con được. Và khi tự đặt mình vào cái trào lưu sinh sinh hóa hóa bất tuyệt của Tạo hóa thì ta thấy sự tôn trọng cá tính của trẻ đó là điều rất tự nhiên.

HẾT.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

[\[1\]](#) Cei cuốn Pour vous, jeunes mamans (Viết cho cá bà mẹ trẻ) của Tradi Sekelf, trong đó có chỉ nhữnđ cử động thể dục cần thiết cho cách sanh đẻ tự nhiên.

[\[2\]](#) Có lẽ là in sai, ngược lại mới đúng: 123 lần khi khóc và 94 lần khi ngủ.

[\[3\]](#) Ví dụ trước mỗi phút đập 100 lần, bây giờ 105.

[\[4\]](#) Nguyên văn là ... “tới khi làm lễ giải cữ” (relevailles) tức lễ làm ở giáo đường cho một người đàn bà mới đẻ dậy, vừa để “tẩy ối”, vừa để tạ ơn Chúa.

[5] Thi hào Tô Đông Pha hiểu tâm lí đó. Thời ông (thế kỉ XI) nhiều người Trung Hoa nghèo không nuôi nổi con, con mới đẻ ra, không cho ai được thì tìm cách giết. Ông quyên tiền giúp các gia đình nghèo để họ nuôi con được sáu tháng đầu, sau thời gian đó, họ không khi nào chịu ròi con ra nữa. Nhờ vậy ông cứu được hàng ngàn đứa trẻ.

[\[6\]](#) Dịch ra tiếng Việt thì “motherhood” là trạng thái có con, hoặc phận mẹ, còn “motherliness” là tâm trạng yêu con hoặc tình mẹ.

[\[7\]](#) Ở nước mình tâm trạng này rất hiếm vì ít sản phụ phải đánh thuốc mê, và trẻ sinh ra ít khi phải đem nuôi riêng trong một phòng hài nhi.

[\[8\]](#) Khoa học Âu Tây đôi khi thật lắm cẩm: thật mới mẻ “tiến bộ” để rồi rốt cuộc lại trở về lối cũ với thiên nhiên. Cho nên chúng ta đừng nên vội tin, vội theo hết các thuyết mới của khoa học.

[\[9\]](#) Khoa học vẫn chưa biết những chất này ra sao, chỉ biết chúng xuất hiện khi một số vi trùng, chất độc, hoặc đường, antipyrine vô cơ thể, và “kháng” lại các vi trùng, các chất đó.

[\[10\]](#) Intelligence sensori-motrice.

[\[11\]](#) Đừng nói là trẻ chín tháng, trẻ chín tuổi cũng có đứa như vậy. Mấy năm trước chúng tôi nuôi một đứa cháu trai chín tuổi, gọi tôi bằng cậu, học lớp nhì (tức lớp tư bây giờ), nhà nó cũng ở Saigon, và mỗi chủ nhật nó về ở nhà nó trọn ngày. Vậy mà ngày nào nó cũng mửa một lần, hoặc sau bữa cơm tối, hoặc nửa đêm. Mới đầu tôi tưởng nó bị cảm nhẹ hoặc ăn không tiêu, cho nó uống thuốc, nhưng không hết. Sau tôi mới nghĩ ra, trả nó về nhà má nó, và nó hết mửa liền. Nó từ nhỏ được mẹ cưng quá, nên dính mẹ. Chúng nôn mửa đó, các nhà tâm lí học gọi là vonissement psychologique, nguyên do thuộc tâm lí.

[\[12\]](#) Như trường hợp vợ chồng De Gaulle.

[\[13\]](#) Đó là xét chung; riêng về Việt ngữ, hai tiếng đó phát âm khó, trẻ một tuổi chưa nói được.

[\[14\]](#) Trẻ Việt có vậy không? Tôi chắc là một âm khác chứ không phải âm R.

[\[15\]](#) Nghĩa là trẻ tự tìm hiểu lần lần mọi vật, để có một hình ảnh, một ý niệm về nó, về người và vật ở chung quanh.

[\[16\]](#) Tuổi tâm lí nào chỉ là tuổi trung bình của đa số các trẻ em bình thường, không phát triển sớm quá (số này ít) mà cũng không phát triển trễ quá (số này cũng ít).

[\[17\]](#) Vì vậy mà có tác giả bảo tâm lí của trẻ phát triển theo tròn ốc, cứ một thời gian tiến qua bên mặt (có nghĩa là khó tính chẳng hạn) thì lại một thời gian tiến qua bên trái (dễ tính, ngoan ngoãn). Coi bài Luật phát triển theo tròn ốc của trẻ của Nguyễn Hiến Lê. Bách khoa số 64 năm 1959.

[\[18\]](#) Đúng hơn là những chỗ nghỉ trên cầu thang.

[\[19\]](#) Như trường hợp đưa em gái chơi con búp bê tồi tàn kể trên: có coi con búp bê là em nó, không rời con búp bê một phút, đó là một triệu chứng tinh thần mất quân bình; nhưng nhờ chơi như vậy, nó bớt nhớ em nó, đỡ sầu muộn, mà tinh thần nó tạm được quân bình.

[\[20\]](#) Cả hai điều là mặc cảm loạn luân theo thuyết của Freud.

[21] Nghĩa là còn tùy thuộc ảnh hưởng của xã hội và gia đình. Nhà nhân loại học nổi danh ở Mỹ, bà Margaret Mead tác giả cuốn Sex and temperament nhận thấy rằng tại Nouvelle Guinée, bộ lạc Arapesh, trai và gái chỉ có một lối cư xử, hành động giống với lối của phụ nữ bên mình hay bên Âu. Bộ lạc Mundugumor trái lại, trai và gái có lối sống, lối cư xử, hành động y như lối của nam nhi nước mình, còn bộ lạc Tchambuli, trai là gái sống khác nhau, trai thì cư xử, hành động như phụ nữ nước mình; mà gái thì như trai nước mình. Vậy xã hội muốn đào tạo con người ra sao cũng được hết.

[22] Người ta dùng những trắc nghiệm (test) để đo trí tuệ (đúng hơn là sự hiểu biết) của một trẻ em vào một tuổi nào đó, được một số điểm bao nhiêu đó, nhân với một trăm rồi chia cho số tháng của đứa trẻ, thành một thương số, gọi là thương số tinh thần (tiếng Pháp gọi là quotient intellectuel, viết tắt: Q.I). Thương số tinh thần là 100 thì trẻ thông minh trung bình, trên 100 là trẻ thông minh trên mức trung bình, dưới 100 là kém thông minh, nếu chỉ được 74, 75 thì là đần độn. Coi cuốn *Tìm hiểu con chúng ta* của Nguyễn Hiến Lê soạn và xuất bản.

[\[23\]](#) Nghĩa là cha phải có nam tính, mẹ phải có nữ tính, ngược lại thì không phải là lành mạnh.

[\[24\]](#) Nghĩa là nó có thấy cha nó yêu má nó thì sau này lớn lên nó mới yêu vợ nó được.

[25] Đọc đoạn này chúng ta chỉ cần nhớ rằng cha mẹ yêu nhau thắm thiết thì con cái sung sướng hơn, tinh thần dễ quân bình hơn. Còn cách vợ chồng tỏ tình với nhau thì mỗi thời, mỗi xã hội, có khi mỗi gia đình nữa, một khác. Một nông dân Việt Nam bảo vợ: “Má bày trể tham công tiếc việc quá, thôi hãy nghỉ tay đi, có trà nóng tôi mới pha nè, lại đây uống với tôi cho vui”, cũng là yêu vợ thắm thiết vậy, chẳng cần có những biểu lộ của phương Tây. Chúng ta thường kín đáo tế nhị (theo quan niệm của ta) hơn phương Tây. Nhưng tôi cũng nhận rằng một số thanh niên ở thành thị nay cũng đã bắt đầu theo Tây. Cũng chẳng hại, miễn là hiểu được tinh thần của đoạn này.

[\[26\]](#) Để nén giận, suy nghĩ trước khi hành động.

[\[27\]](#) Nghĩa là con trai muốn coi mẹ là riêng của nó, con gái muốn coi cha là riêng của nó.

[\[28\]](#) Để khen nó làm được bài.

[\[29\]](#) Khách thể vì trẻ xét một hành vi theo hậu quả chứ không theo ý chí.

[\[30\]](#) Đại ý là chê bọn con trai dơ dáy, ghê tởm, như ếch, như ốc sên, như đuôi chó con.

[\[31\]](#) Tiếng Pháp là bande, riêng Anh là gang. Tiếng bọn của mình không diễn hết được ý nghĩa của hai tiếng đó; đọc đoạn dưới sẽ nhận định được rõ hơn.

[\[32\]](#) Tiếng Pháp là gratuite, có nghĩa là không có căn cứ; tiếng thường (trong vô thường) không có nghĩa là bồi thường mà có nghĩa là nhất định.

[33] Tục ngữ ta có câu này diễn được ý đó một cách bóng bẩy mà thâm thúy: Nước chảy xuôi chứ không bao giờ chảy ngược. Mình hi sinh cho con thì lớn lên nó lại hi sinh cho con nó, chứ ít đứa nghĩ tới công ơn cha mẹ. Dòng đời như vậy. Nhưng nếu chỉ theo thiên nhiên thì đâu phải là văn minh. Nước chảy xuôi nhưng con người không thể không nghĩ tới nguồn. Đứng về phương diện cha mẹ thì nên theo lời khuyên của tác giả, nhưng đứng về phương diện làm con thì phải nhớ ơn cha mẹ. Vấn đề là dung hòa được cá nhân và gia đình. Mà bất kì vấn đề gì trong xã hội, nhân quần cũng vậy: nghệ thuật sống là nghệ thuật dung hòa.